

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục
Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh)

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2013

PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 30/12/2013

I. Thông tin chung về Nhà trường:

1. Tên của Trường:

Tiếng Việt: TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Tiếng Anh: HO CHI MINH CITY PRE-UNIVERSITY COLLEGE.

2. Tên viết tắt của Trường:

Tiếng Việt: DBĐH-TPHCM.

Tiếng Anh: PreUC-HCMC.

3. Tên trước đây của Trường: Trường Dự bị đại học Tiền Giang.

4. Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Địa chỉ của Trường: 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: (08)38358136; Fax: (08) 38308499.

E-mail: dubihcm@hcmpreu.edu.vn.

Website: <http://www.hcmpreu.edu.vn>.

7. Năm thành lập Trường: 1977.

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khoá 1: 1976.

9. Thời gian kết thúc khóa 1: 1977.

10. Loại hình đào tạo của Trường:

Công lập

Bán công

Dân lập

Tư thực

II. Giới thiệu khái quát về Trường:

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Trường:

Trường Dự bị đại học TP. HCM là một cơ sở giáo dục công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ). Trước ngày 30/4/1975, tiền thân của Trường Dự bị đại học TP. HCM là Viện đại học Cộng đồng Tiền Giang. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Hội đồng Chính phủ đã có Quyết định số 240/CP ngày 06/12/1976 chuyển Viện đại học Cộng đồng Tiền Giang thành Trường Dự bị đại học Tiền Giang với cơ sở I tại TP. HCM và cơ sở II tại tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 08/4/1982, Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp ban hành Quyết định số 322/QĐ-KHTV đổi tên Trường Dự bị đại học Tiền Giang thành Trường Dự bị đại học TP. Hồ Chí Minh, đặt cơ sở tại số 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh cho đến nay.

Trường Dự bị đại học TP. Hồ Chí Minh đã trải qua hơn 37 năm xây dựng và phát triển. Quá trình đó có thể chia thành ba giai đoạn:

Giai đoạn 1, từ năm 1976 - 1986: Sau khi có Quyết định thành lập, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp giao nhiệm vụ cho Trường tiếp tục hoàn thành việc đào tạo số sinh viên của Viện đại học Cộng đồng Tiền Giang, đồng thời tiến hành mở khóa 1 hệ Dự bị đại học cho 1.490 học viên, trong đó có hơn 80% là bộ đội phục viên, để bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho các học viên này trong 4 tháng; sau đó, cho các học viên này thi vào đại học và đã có 995 người thi đậu. Từ khóa 2 trở đi, Trường tiếp tục giảng dạy mỗi khóa trên dưới 2.000 học viên. Từ năm học 1977 - 1978, Trường được Bộ giao nhiệm vụ tổ chức dạy ngoại ngữ cho sinh viên (SV) được tuyển chọn đi du học ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, với khóa đầu tiên có 150 sinh viên.

Giai đoạn 2, từ năm 1986 - 1990: Trong giai đoạn này, Đảng và Nhà nước thực hiện đường lối đổi mới đất nước, ngành giáo dục cũng đổi mới công tác tuyển sinh; đối tượng tuyển sinh thuộc diện chính sách thu hẹp lại (chỉ còn nhóm

ưu tiên 1), nên hằng năm hệ Dự bị đại học Chính quy chỉ còn từ 110-180 học sinh (HS), trong khi đó hệ Ngoại ngữ vẫn ổn định từ 300-400 SV/năm.

Giai đoạn 3, từ năm 1991 đến nay: Từ năm học 1990-1991, Trường được Bộ giao thêm nhiệm vụ đào tạo Dự bị đại học cho học sinh dân tộc thiểu số, nhằm tăng cường việc tạo nguồn cán bộ cho vùng cao, vùng sâu, vùng dân tộc từ tỉnh Ninh Thuận, Lâm Đồng đến Cà Mau. Đây là một trong những nhiệm vụ chiến lược của Đảng và Nhà nước. Từ đó đến nay, nhiệm vụ giảng dạy cho hệ Dự bị đại học Chính quy và hệ Dự bị đại học Dân tộc tiếp tục ổn định, với chỉ tiêu tăng dần từ 200 đến 800 HS/năm. Trường vẫn tiếp tục dạy tiếng Nga cho du học sinh Việt Nam đi học tại Liên bang Nga với số lượng hàng năm từ 20 đến 50 sinh viên. Ngoài ra, từ năm học 1998 - 1999, Trường còn nhận đào tạo Dự bị đại học cho học sinh hệ Cử tuyển do các tỉnh cử đến học tại các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng vào khoảng 330 HS/năm. Trường còn mở các lớp luyện thi đại học, dạy tiếng Anh và Tin học trình độ A, B cho các đối tượng có nhu cầu, nhằm góp phần xã hội hóa giáo dục, nâng cao dân trí, tạo nguồn tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng, tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển của Thành phố và cải thiện đời sống của cán bộ - viên chức (CB-VC) của Trường.

Từ năm học 2004 - 2005, theo đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được sự cho phép của Bộ, Trường Dự bị đại học TP. HCM còn tổ chức dạy tiếng Việt và Dự bị đại học cho các sinh viên đến từ Lào, Campuchia và Mông Cổ với số lượng vào khoảng 100 SV/năm.

Từ năm học 2012 – 2013, Trường tổ chức dạy chương trình Dự bị đại học cho học sinh diện tuyển thẳng vào đại học theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.

CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Danh hiệu thi đua:

Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2008-2009	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 8299/QĐ-BGDĐT ngày 18/11/2009
2009-2010	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 4696/QĐ-BGDĐT ngày 18/10/2010
2010-2011	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 5876/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2011
2011-2012	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 4958/QĐ-BGDĐT ngày 12/11/2012
2012-2013	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 5187/QĐ-BGDĐT ngày 05/11/2013

Hình thức khen thưởng:

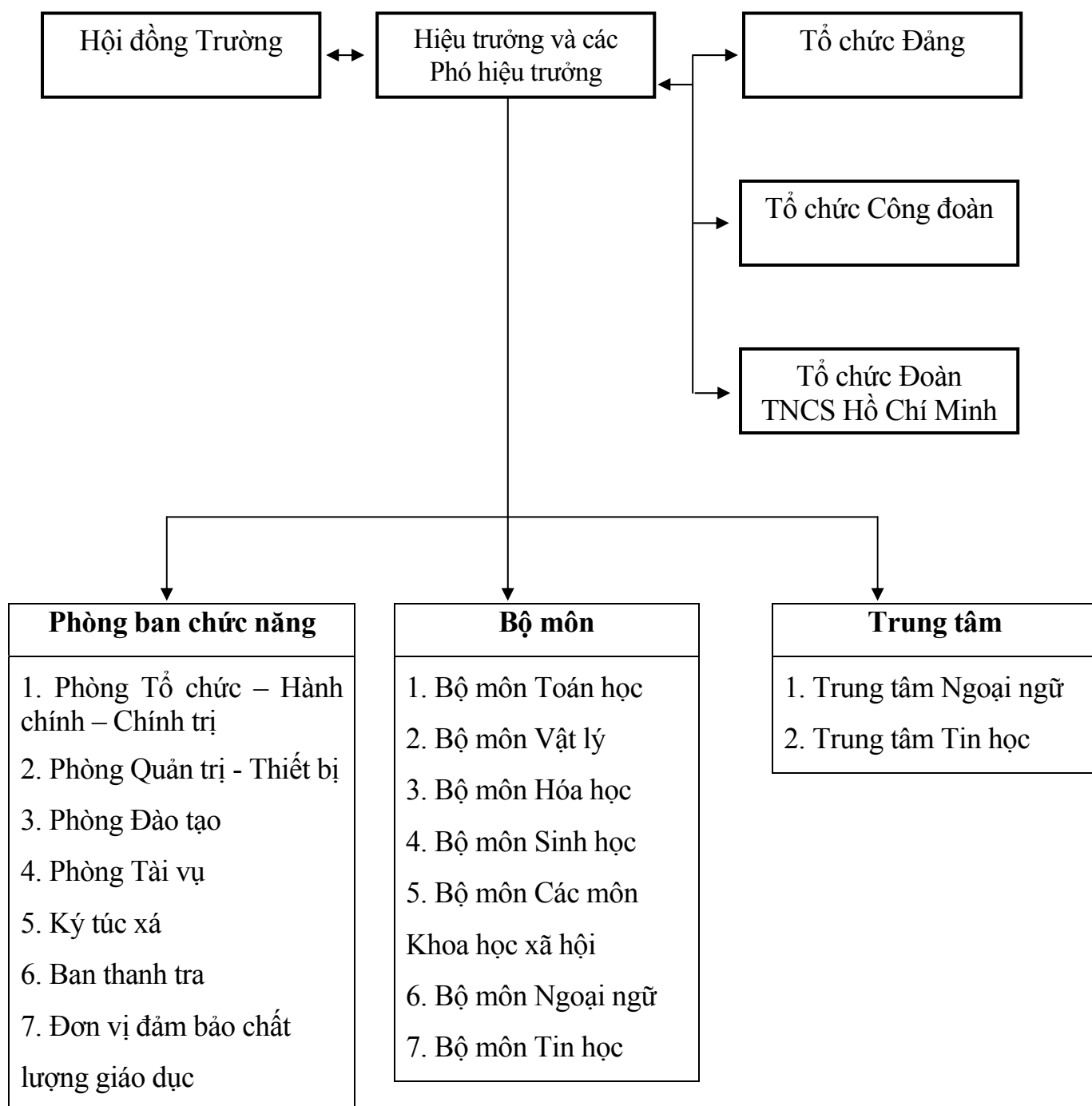
Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
1996	Huân chương Lao động hạng III	Quyết định số 957/KT/CTN, ngày 17/8/1996
2003	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 1225/QĐ-TTg, ngày 10/11/2003
2006	Huân chương Lao động hạng II	Quyết định số 1032/2006/QĐ-CTN, ngày 13/9/2006
2011	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 1696/QĐ-TTg, ngày 28/9/2011
2012	Huân chương Lao động hạng I	Quyết định số 787/QĐ-CTN, ngày 12/6/2012
2012	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 5201/QĐ-BGDĐT ngày 23/11/2012
2013	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 5450/QĐ-BGDĐT ngày 15/11/2013

Cờ thi đua:

- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ năm 2005 (Quyết định số 447/QĐ-TTg ngày 23/3/2006).
- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ năm 2008 (Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 22/7/2009).
- Cờ truyền thống của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh năm 2006 (Quyết định số 4689/QĐ-UBND ngày 20/10/2006).

- Cờ truyền thống của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh năm 2011 (Quyết định số 4639/QĐ-UBND ngày 29/9/2011).

12. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường:

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
1. Hiệu trưởng	Nguyễn Thanh Sơn	Tiến sỹ	0907793975 nguyenson@hcmpreu.edu.vn
2. Hội đồng trường	Nguyễn Cương	Thạc sỹ	0913905548 nguyencuong@hcmpreu.edu.vn
3. Phó hiệu trưởng	Đào Ngọc Luyến	Cử nhân	0903355710 dnluyen@hcmpreu.edu.vn
4. Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TN	Nguyễn Thanh Sơn	Bí thư Đảng uỷ	0907793975 nguyenson@hcmpreu.edu.vn
	Nguyễn Thị Thảo Vy	Chủ tịch Công đoàn	0919275475 nttvty@hcmpreu.edu.vn
	Nguyễn Thị Thủy	BT Đoàn TN	0902599389 ntthuy@hcmpreu.edu.vn
5. Các phòng, ban chức năng	Nguyễn Thanh Long	Thạc sỹ TP.TC-HC-CT	0903375754 ntlong@hcmpreu.edu.vn
	Lê Hữu Thức	Thạc sỹ TP. Đào tạo	0908432397 lhthuc@hcmpreu.edu.vn
	Trần Văn Thông	Cử nhân TP. Tài vụ	0903363014 tvthong@hcmpreu.edu.vn
	Phạm Ngọc Miên	Cử nhân TP. QT-TB	0918094907 pnmien@hcmpreu.edu.vn
	Đỗ Ngọc Văn	Bác sỹ đa khoa GD. KTX	0903663757 drvan@hcmpreu.edu.vn
	Nguyễn Thanh Long	Thạc sỹ Trưởng ban Thanh tra	0903375754 ntlong@hcmpreu.edu.vn
6. Đơn vị đảm bảo chất lượng	Nguyễn Thanh Long	Thạc sỹ Trưởng đơn vị	0903375754 ntlong@hcmpreu.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
7. Các bộ môn	Nguyễn Thị Minh Thu	Thạc sỹ Trưởng bộ môn Toán học	0908497634 ntmthu@hcmpreu.edu.vn
	Nguyễn Thị Thảo Vy	Thạc sỹ Trưởng bộ môn Vật lý	0919275475 nttvy@hcmpreu.edu.vn
	Dương Thị Yến Phương	Thạc sỹ Quyền trưởng bộ môn Hóa học	0988609480 dtyphuong@hcmpreu.edu.vn
	Phạm Chí Nhân	Thạc sỹ Quyền trưởng bộ môn Sinh học	0984159244 pcnhan@hcmpreu.edu.vn
	Trần Thị Vân	Thạc sỹ Trưởng bộ môn Các môn KHXH	0916283228 ttvan@hcmpreu.edu.vn
	Thân Thị Đức	Thạc sỹ Trưởng bộ môn Ngoại ngữ	0988649891 ttduc@hcmpreu.edu.vn
	Nguyễn Kim Tuấn	Thạc sỹ Trưởng bộ môn Tin học	0903944562 nktuan@hcmpreu.edu.vn
7. Các trung tâm	Thân Thị Đức	Thạc sỹ Trưởng bộ môn kiêm phụ trách TT Ngoại ngữ	0988649891 ttduc@hcmpreu.edu.vn
	Nguyễn Kim Tuấn	Thạc sỹ Trưởng bộ môn kiêm phụ trách TT Tin học	0903944562 nktuan@hcmpreu.edu.vn

14. Các hệ đào tạo của Nhà trường:

- Hệ Dự bị đại học Dân tộc,
- Hệ Dự bị đại học Cử tuyển,
- Hệ Dự bị đại học diện 30a,

- Hệ lưu học sinh,
- Hệ du học sinh.

15. Các loại hình đào tạo của Nhà trường:

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác: Không có.

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường:

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của Nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	36	42	78
I.1	Cán bộ trong biên chế	30	38	68
I.2	Cán bộ trong hợp đồng dài hạn (trên 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.	6	4	10
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	2	4	6
	Tổng số	38	46	84

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 4 năm gần đây):

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Tiến sỹ	2	1	0	1	0	0
2	Thạc sỹ	32	27	0	4	1	0
3	Đại học	23	16	1	2	5	0

4	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
5	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	57	44	1	7	6	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) – cột (7) = 51 người.

Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $51/78 = 65,38\%$.

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ/ học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30- 40	41- 50	51- 60	>60
1	Tiến sỹ	2	3,92	1	1	0	1	0	1	0
2	Thạc sỹ	31	60,78	8	23	12	10	4	5	0
3	Đại học	18	35,29	11	7	10	2	2	4	0
	Tổng số	51	100	20	31	24	13	6	10	0

19.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	2,38%	6,35%
2	Thường sử dụng (trên 60%-80% thời gian của công việc)		73,02%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	47,62%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		20,63%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	50%	
6	Tổng		

Nguồn: Dựa vào kết quả thăm dò thực hiện tại Trường vào tháng 8 năm 2013.

19.2 Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 36,55 tuổi.

19.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sỹ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường: $2/51 = 3,92\%$.

19.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường: $31/51 = 60,78\%$.

IV. Người học:

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên/học sinh trúng tuyển và nhập học trong 4 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh xét tuyển (người)	Số thí sinh trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm cho ba môn)	Điểm trung bình của sinh viên/học sinh được tuyển	Số lượng sinh viên/học sinh quốc tế nhập học (người)
2009 - 2010	1798	813	611	A: 5,75 B: 7,25 C: 6,25 D1: 7,0	10,21	82
2010 - 2011	1643	891	662	A, B, C, D1: 6,5	9,79	51
2011 - 2012	1451	913	710	A: 7,0 B: 10,0 C: 7,0 D1: 7,5	9,82	57
2012 - 2013	1700	1015	769	A: 7,75 B: 7,75 C: 9,25 D1: 8,75	9,16	94

21. Thống kê, phân loại số lượng sinh viên/học sinh nhập học trong 4 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy: Đơn vị: người

Các tiêu chí	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
1. Học sinh hệ Dự bị đại học Dân tộc	611	662	710	769
2. Học sinh hệ Dự bị đại học Cử tuyển	325	338	279	358
3. Học sinh hệ Dự bị đại học diện 30a	0	0	0	9
4. Lưu học sinh Lào, Campuchia	82	51	57	94
5. Du học sinh	26	45	48	7
Tổng cộng	1044	1096	1094	1237

Tổng số sinh viên/học sinh chính quy (năm học 2012-2013): 1237 người.

Tỷ lệ sinh viên/học sinh trên giảng viên (cơ hữu, năm học 2012-2013): 1237 sinh viên/51 giảng viên hay 24,25 HS/1 GV.

22. Số sinh viên/học sinh quốc tế nhập học trong 4 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học			
	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
Số lượng	82	51	57	94
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên/học sinh	7,85%	4,65%	5,21%	7,65%

23. Sinh viên/học sinh có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số sinh viên/học sinh có nhu cầu:

Các tiêu chí	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	2032	2023	2378	2378
2. Sinh viên/học sinh có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	1044	1096	1094	1221
3. Số lượng sinh viên/học sinh được ở trong ký túc xá (người)	969	1030	1046	1134
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên/học sinh ở trong ký túc xá (m ² /người)	2032/969 hay 2,08 m ² /HS	2023/1030 hay 1,96 m ² /HS	2378/1046 hay 2,27 m ² /HS	2378/1134 hay 2,09 m ² /HS

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học:

	Năm học			
	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
Số lượng	0	0	1	2
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên/học sinh	0%	0%	0,09%	0,16%

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 4 năm gần đây:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
1. Hệ Dự bị đại học Dân tộc	Đại học: 418 Cao đẳng: 75 Trung cấp: 40	Đại học: 482 Cao đẳng: 87 Trung cấp: 52	Đại học: 465 Cao đẳng: 137 Trung cấp: 35	Đại học: 481 Cao đẳng: 176 Trung cấp: 30
2. Hệ Dự bị đại học Cử tuyển	Đại học: 216 Cao đẳng: 6	Đại học: 218 TCCN: 25	Đại học: 181 Cao đẳng: 23	Đại học: 208 Cao đẳng: 10
3. Hệ Dự bị đại học diện 30a	0	0	0	Đại học: 9
4. Lưu học sinh	75	48	47	91
5. Du học sinh	26	45	48	7

26. Tình trạng tốt nghiệp của học sinh:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
<i>1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp</i>				
Hệ Dự bị đại học Dân tộc	Đại học: 418 Cao đẳng: 75 Trung cấp: 40	Đại học: 482 Cao đẳng: 87 Trung cấp: 52	Đại học: 465 Cao đẳng: 137 Trung cấp: 35	Đại học: 481 Cao đẳng: 176 Trung cấp: 30
Hệ Dự bị đại học Cử tuyển	Đại học: 216 Cao đẳng: 6	Đại học: 218 TCCN: 25	Đại học: 181 Cao đẳng: 23	Đại học: 208 Cao đẳng: 10
Hệ Dự bị đại học diện 30a				Đại học: 9
Hệ lưu học sinh	75	48	47	91
Hệ du học sinh	26	45	48	7
<i>2. Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)</i>				
Hệ Dự bị đại học Dân tộc	Đại học: 68,41 Cao đẳng: 12,27 Trung cấp: 6,55	Đại học: 72,81 Cao đẳng: 13,14 Trung cấp: 7,85	Đại học: 65,49 Cao đẳng: 19,30 Trung cấp: 4,93	Đại học: 62,55 Cao đẳng: 22,89 Trung cấp: 3,90
Hệ Dự bị đại học Cử tuyển	Đại học: 66,46 Cao đẳng: 1,85	Đại học: 64,50 TCCN: 7,40	Đại học: 64,87 Cao đẳng: 8,24	Đại học: 58,10 Cao đẳng: 2,79
Hệ Dự bị đại học diện 30a				Đại học: 100
Hệ lưu học sinh	91,46	94,12	82,46	96,81

Hệ du học sinh	100	100	100	100
<i>3. Đánh giá của học sinh, sinh viên về chất lượng đào tạo của Nhà trường</i>				
3.1. Tỷ lệ sinh viên trả lời được hỗ trợ phát triển những kỹ năng cần thiết phục vụ cho những năm học đại học sau này (%)				
Kỹ năng tự phát triển, tự học, tự nghiên cứu, suy nghĩ sáng tạo				86%
Kỹ năng làm việc theo nhóm				75,78%
Kỹ năng giải quyết vấn đề và xử lý thông tin				80,78%
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời không được hỗ trợ phát triển những kỹ năng cần thiết phục vụ cho những năm học đại học sau này (%)				
Kỹ năng tự phát triển, tự học, tự nghiên cứu, suy nghĩ sáng tạo				7,95%
Kỹ năng làm việc theo nhóm				16,39%
Kỹ năng giải quyết vấn đề và xử lý thông tin				12,05%
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời được học những kiến thức cần thiết để học ở những năm học đại học sau này				82,97%
3.4 Tỷ lệ sinh viên trả lời không được học những kiến thức cần thiết để học ở những năm học đại học sau này				9,25%

Nguồn: Dựa vào kết quả thăm dò thực hiện tại Trường vào tháng 6 năm 2013.

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

29. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của Nhà trường được nghiệm thu trong 4 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số **	Số lượng				Tổng (đã quy đổi)
			2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đề tài cấp Nhà nước		0	0	0	0	
2	Đề tài cấp Bộ		0	0	0	0	
3	Đề tài cấp trường		40	36	44	55	
4	Tổng số		40	36	44	55	

30. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 4 năm gần đây:

Nhà trường không đánh giá.

31. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 4 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	38	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	24	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	62	

32. Số lượng sách của Nhà trường được xuất bản trong 4 năm gần đây

32.1. Không kể tài liệu lưu hành nội bộ:

STT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng				Tổng (đã quy đổi)
			2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013	
1	Sách chuyên khảo		0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình		0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo		0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn		0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	0	0

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng khoa học và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 1.

Tỷ số số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.

32.2. Tài liệu lưu hành nội bộ:

STT	Giáo trình	Hệ số **	Số lượng				Tổng (đã quy đổi)
			2009- 2010	2010- 2011	2011- 2012	2012- 2013	
1	Môn Toán			01		01	
2	Môn Vật lý		04	02			
3	Môn Hóa học		04	01			
4	Môn Sinh học		01	02			
5	Môn Văn học				01	02	
6	Môn Lịch sử		01	01			
7	Môn Địa lý		02				
8	Môn tiếng Anh		03				
9	Môn Tin học		01	01			
10	Môn GDCD						
11	Tổng		16	07	01	02	

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường tham gia viết sách trong 4 năm gần đây (tài liệu lưu hành nội bộ):

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		50	30	10
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia		50	30	10

34. Số lượng bài của cán bộ cơ hữu của Nhà trường được đăng tạp chí trong 4 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng				Tổng (đã quy đổi)
			2009	2010	2011	2012	
1	Tạp chí KH quốc tế		0	0	0	0	
2	Tạp chí KH cấp ngành trong nước		0	1	1	0	

3	Tạp chí/tập san của cấp trường		1	1	1	0	
4	Tổng		1	2	2	0	

Tổng số bài đăng tạp chí (trong 4 năm): 05 bài.

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 05 bài/51 người.

35. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 4 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	1	2
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	2

36. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của Nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 4 năm gần đây: 4 báo cáo (không kể hội thảo cấp trường tại Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh).

37. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 4 năm gần: 2 người (không kể hội thảo cấp trường tại Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh).

38. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: 0.

39. Nghiên cứu khoa học của sinh viên/học sinh: 3 đề tài.

39.1 Số lượng học sinh/sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 4 năm gần đây: 3 người.

39.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của học sinh – sinh viên (HS-SV): năm 2012, 01 đề tài của học sinh được nhận giải thưởng Kova.

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính:

40. Tổng diện tích đất sử dụng của Trường: 7.773 m².

41. Diện tích sử dụng cho các hạng mục (m²):

- Nơi làm việc: 600.

- Nơi học: 5.063.

- Nơi ở của HS-SV: 5.757.

- Nơi vui chơi giải trí: 3.227.

42. Diện tích phòng học:

- Tổng diện tích phòng học: 5.763 m².

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên/học sinh chính quy: 5.763 m²/1237 học sinh = 4,66 m²/HS (năm học 2012-2013).

43. Tổng số đầu sách trong Thư viện của Trường:

- Sách tham khảo: 14.261 đầu sách.

- Tổng số đầu sách gắn với các môn học của Nhà trường: 31.516 đầu sách, trong đó:

+ Môn Toán học: 2.232 sách,

+ Môn Vật lý: 2.951 sách,

+ Môn Hóa học: 3605 sách,

+ Môn Sinh học: 871 sách,

+ Môn Văn – Tiếng Việt: 1.684 sách,

+ Môn Lịch sử: 418 sách,

+ Môn Địa lý: 409 sách,

+ Môn tiếng Anh: 3.399 sách,

+ Môn Tin học: 1.033 sách,

+ Môn Giáo dục công dân: 800 sách.

44. Tổng số máy tính của toàn trường: 286

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 46.

- Dùng cho sinh viên/học sinh học tập: 240.

- Tỷ số máy tính cho học tập trên sinh viên/học sinh chính quy: 5,11 học sinh/1 máy tính (năm học 2012-2013).

45. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của Trường trong 4 năm gần đây:

- Năm 2009:

+ Ngân sách nhà nước: 12.331.200.000 đồng.

+ Nguồn thu khác: 6.054.031.267 đồng.

- Năm 2010:

+ Ngân sách nhà nước: 13.825.600.000 đồng.

+ Nguồn thu khác: 8.173.654.603 đồng.

- Năm 2011:

+ Ngân sách nhà nước: 13.252.560.000 đồng.

+ Nguồn thu khác: 10.821.378.194 đồng.

- Năm 2012:

+ Ngân sách nhà nước: 17.643.000.000 đồng.

+ Nguồn thu khác: 13.075.703.209 đồng.

46. Tổng thu học phí (Hệ chính quy) trong 4 năm gần đây:

Không có.

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu: 51 giảng viên (năm học 2012-2013).

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 51 giảng viên/78 cán bộ - viên chức (năm học 2012-2013).

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường: 31 thạc sỹ /51 giảng viên, chiếm 60,78% (năm học 2012-2013).

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường: 2 tiến sỹ /51 giảng viên, chiếm 3,9% (năm học 2012-2013).

2. Người học:

- Tổng số sinh viên/học sinh chính quy: 1237 (năm học 2012-2013).

- Tỷ số sinh viên/học sinh trên giảng viên: 1237 học sinh/51 giảng viên (24,124 HS/1 GV, năm học 2012-2013).

- Tỷ số sinh viên/học sinh tốt nghiệp so với số tuyển đầu vào (hệ Dự bị đại học Dân tộc năm học 2012 – 2013): Vào đại học: 481/796 hay 60,42%; vào cao đẳng: 176/796 hay 22,21%; vào trung cấp chuyên nghiệp: 30/796 hay 3,77%.

3. Đánh giá của người học đã tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường:

- Tỷ lệ sinh viên trả lời được hỗ trợ phát triển những kỹ năng cần thiết phục vụ cho những năm học đại học sau này (%):

+ Kỹ năng làm việc theo nhóm: 86%.

+ Kỹ năng giải quyết vấn đề và xử lý thông tin: 75.78%.

+ Kỹ năng tự phát triển, tự học, tự nghiên cứu, suy nghĩ sáng tạo: 80,78%.

- Tỷ lệ sinh viên trả lời không được hỗ trợ phát triển những kỹ năng cần thiết phục vụ cho những năm học đại học sau này (%):

+ Kỹ năng làm việc theo nhóm: 16,39%.

+ Kỹ năng giải quyết vấn đề và xử lý thông tin: 12,05%.

+ Kỹ năng tự phát triển, tự học, tự nghiên cứu, suy nghĩ sáng tạo: 7,95%.

- Tỷ lệ sinh viên trả lời được học những kiến thức cần thiết để học ở những năm học đại học sau này (%): 82,97%.

- Tỷ lệ sinh viên trả lời không được học những kiến thức cần thiết để học ở những năm học đại học sau này (%): 9,25%.

Nguồn: Dựa vào kết quả thăm dò thực hiện tại Trường vào tháng 6 năm 2013.

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Không đánh giá.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp:

Không đánh giá.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) trên cán bộ cơ hữu: 55/78 (năm học 2012 - 2013).

- Tỷ số doanh thu từ NCKH và CGCN trên cán bộ cơ hữu: Không đánh giá.

- Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0/51.

- Tỷ số bài đăng báo tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 5/51.

7. Cơ sở vật chất:

- Tỷ số máy tính dùng cho học sinh, sinh viên/học sinh, sinh viên chính quy: 240 máy tính/1237 học sinh, quy đổi 5,11 HS/1 máy tính.

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên/học sinh chính quy: 2793 m²/1237 học sinh, quy đổi 2,27 m²/HS.

- Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên/học sinh chính quy: 2387 m²/1134 học sinh, quy đổi 2,09 m²/HS.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

I. Đặt vấn đề

Công tác kiểm định chất lượng giúp các cơ sở giáo dục đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục; xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn nhất định... Báo cáo tự đánh giá là một bước trong quá trình kiểm định chất lượng; là cơ sở để giúp các cơ quan đánh giá ngoài tiến hành kiểm định. Thực hiện Công văn số 1398/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 5 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục trường ĐH, CĐ, TCCN năm 2013, Trường Dự bị Đại học TP. HCM đã tiến hành công tác tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục. Công tác tự đánh giá được Trường thực hiện theo như sau:

1. Mục đích tự đánh giá

Nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường và triển khai công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục theo Công văn số 1398/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 5 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động của Trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trong một chu kỳ kiểm định chất lượng trường Dự bị đại học dựa vào quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Hội đồng Tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng Tự đánh giá

Hội đồng Tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-DBĐH ngày 27 tháng 3 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Dự bị Đại học TP. Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá gồm có 17 thành viên.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên như sau:

- Chủ tịch Hội đồng: Chịu trách nhiệm chung trước Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động tự đánh giá và bản báo cáo tự đánh giá cuối cùng của Trường, đồng

thời chịu trách nhiệm về tổ chức hoạt động tự đánh giá, điều động nhân sự, tài chính và tổ chức các cuộc họp Hội đồng tự đánh giá.

- Phó chủ tịch Hội đồng: Giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý công việc khi Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

- Ủy viên: Góp ý và phản biện cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-DBĐH ngày 27 tháng 3 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Dự bị đại học thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thanh Sơn	Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy	Chủ tịch HĐ
2	Đào Ngọc Luyến	Phó hiệu trưởng, Phó bí thư Đảng ủy	Phó chủ tịch HĐ
3	Nguyễn Cương	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy viên HĐ
4	Nguyễn Thanh Long	Trưởng phòng TC - HC – CT Trưởng đơn vị đảm bảo chất lượng	Ủy viên HĐ, Thư ký HĐ
5	Lê Hữu Thức	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên HĐ
6	Phạm Ngọc Miên	Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Ủy viên HĐ
7	Trần Văn Thông	Trưởng phòng Tài vụ	Ủy viên HĐ
8	Đỗ Ngọc Văn	Giám đốc Ký túc xá	Ủy viên HĐ
9	Nguyễn Thị Minh Thư	Trưởng bộ môn Toán học	Ủy viên HĐ
10	Nguyễn Thị Thảo Vy	Trưởng bộ môn Vật lý Chủ tịch Công đoàn Trường	Ủy viên HĐ
11	Trần Thị Vân	Trưởng bộ môn Các môn KHXH	Ủy viên HĐ
12	Thân Thị Đức	Trưởng bộ môn Ngoại ngữ	Ủy viên HĐ
13	Nguyễn Kim Tuấn	Trưởng bộ môn Tin học	Ủy viên HĐ
14	Nguyễn Thị Thủy	Bí thư Đoàn Thanh niên Trường	Ủy viên HĐ

15	Trần Trung Thiện	Phó trưởng phòng TC - HC - CT	Thư ký HĐ
16	Nguyễn Thị Mai	Giảng viên bộ môn Các môn Khoa học xã hội	Ủy viên HĐ
17	Hoàng Thị Thanh Tuyền	Học sinh lớp K23B1, Ủy viên Ban thường vụ Đoàn Trường	Ủy viên HĐ

3.2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc tự đánh giá

Ban thư ký được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-DBĐH ngày 27 tháng 3 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Dự bị Đại học TP. Hồ Chí Minh gồm có 7 thành viên.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thanh Long	Trưởng phòng TC - HC - CT, Trưởng đơn vị đảm bảo chất lượng, Ủy viên Hội đồng TĐG	Trưởng ban
2	Đoàn Thị Phương Huyền	Chuyên viên phòng TC - HC - CT	Thành viên
3	Vương Thị Hương	GV môn Giáo dục công dân, Chuyên viên phòng TC - HC - CT	Thành viên
4	Nguyễn Anh Tuấn	Chuyên viên phòng QT - TB	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thạch Thảo	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
6	Nguyễn Thị Tuyết Oanh	Giảng viên bộ môn Sinh học	Thành viên
7	Thạch Xa Ni	Chuyên viên phòng TC - HC - CT	Thành viên

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Ban thư ký:

- Trưởng ban thư ký: Chịu trách nhiệm chung về tổng hợp các báo cáo của các nhóm để tập hợp vào báo cáo sơ thảo và báo cáo cuối cùng.
- Ủy viên: phác thảo bản báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

Các nhóm công tác chuyên trách: 5 nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm hoàn thành tập hồ sơ, số liệu thống kê, bản đánh giá sơ bộ của tiêu chuẩn được phân công.

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Nguyễn Cương	Chủ tịch Hội đồng Trường, Thành viên HĐ TĐG	Phụ trách - Tiêu chuẩn 1 (Sứ mạng, mục tiêu <i>2 tiêu chí</i>) - Tiêu chuẩn 2 (Tổ chức và quản lý <i>7 tiêu chí</i>)
	Trần Trung Thiện	Phó phòng TC-HC-CT, Thư ký HĐ TĐG	
	Vương Thị Hương	Giảng viên môn GDCD, Thành viên Ban thư ký	
Nhóm 2	Lê Hữu Thức	Trưởng phòng Đào tạo, Ủy viên HĐ TĐG	Phụ trách - Tiêu chuẩn 3 (Chương trình giáo dục - <i>6 tiêu chí</i>) - Tiêu chuẩn 4 (Hoạt động đào tạo - <i>7 tiêu chí</i>)
	Nguyễn Thị Minh Thư	Trưởng bộ môn Toán, Ủy viên HĐ TĐG	
	Trần Thị Vân	Trưởng bộ môn Các môn Khoa học xã hội, Ủy viên HĐ TĐG	
	Nguyễn Thị Mai	GV BM Các môn KHXH, Ủy viên HĐ TĐG	
	Nguyễn Thị Thạch Thảo	Chuyên viên P. Đào tạo, Thành viên Ban thư ký	
Nhóm 3	Đào Ngọc Luyến	Phó hiệu trưởng, Phó chủ tịch HĐ TĐG	Phụ trách - Tiêu chuẩn 5 (Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức <i>8 tiêu chí</i>) - Tiêu chuẩn 6 (Người học <i>9 tiêu chí</i>)
	Trần Trung Thiện	Phó trưởng P. TC-HC-CT, Thư ký HĐ TĐG	
	Nguyễn Thị Thảo Vy	Chủ tịch Công đoàn, Trưởng bộ môn Vật lý, Ủy viên HĐ TĐG	
	Nguyễn Thị Thủy	Bí thư Đoàn trường, Ủy viên HĐ TĐG	
	Đoàn Thị Phương Huyền	Chuyên viên P. TC-HC-CT, Thành viên Ban thư ký	

Nhóm 4	Nguyễn Thanh Sơn	Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐ TĐG	Phụ trách - Tiêu chuẩn 7 (Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyên gia công nghệ – <i>7 tiêu chí</i>) - Tiêu chuẩn 8 (Hoạt động hợp tác quốc tế - <i>3 tiêu chí</i>)
	Nguyễn Kim Tuấn	Trưởng bộ môn Tin học, Ủy viên HĐ TĐG	
	Thân Thị Đức	Trưởng bộ môn Ngoại ngữ, Ủy viên HĐ TĐG	
	Nguyễn Thị Tuyết Oanh	GV bộ môn Sinh học, Thành viên Ban thư ký	
Nhóm 5	Phạm Ngọc Miên	Trưởng phòng QT - TB, Ủy viên HĐ TĐG	Phụ trách - Tiêu chuẩn 9 (Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác – <i>9 tiêu chí</i>) - Tiêu chuẩn 10 (Tài chính và quản lý tài chính – <i>3 tiêu chí</i>)
	Trần Văn Thông	Trưởng phòng Tài vụ, Ủy viên HĐ TĐG	
	Đỗ Ngọc Văn	Giám đốc Ký túc xá, Ủy viên HĐ TĐG	
	Trần Minh Tâm	Phụ trách Thư viện	
	Nguyễn Anh Tuấn	Chuyên viên P. QT – TB, Thành viên Ban thư ký	

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong nhóm:

- Nhóm trưởng: điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công công việc cho các thành viên, phân công và cử người tìm minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức về các tiêu chuẩn, kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn, tiến hành rà soát thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo Kế hoạch tự đánh giá của Trường.
- Thư ký nhóm: giúp nhóm trưởng và quản lý công việc khi nhóm trưởng vắng mặt, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung; viết biên bản, phân loại và lưu trữ minh chứng, phác thảo bản báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí.
- Thành viên: tìm minh chứng, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp như sau:

4.1. Nhân lực

+ Nguồn nhân lực chính: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách và Đơn vị đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường.

+ Ngoài ra, Trường cũng phân công cán bộ, viên chức các phòng, ban, bộ môn, trung tâm tham gia thu thập các thông tin và minh chứng; cán bộ phụ trách quản trị mạng của Trường bổ sung đầy đủ, kịp thời các thông tin cần thiết trên mạng nội bộ và trang web của Trường.

4.2. Cơ sở vật chất

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Cơ sở vật chất cần được huy động	Thời gian cần huy động
1	1 – 10	Thu thập thông tin và minh chứng Phiếu điều tra và phỏng vấn	Máy móc, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm	29/3/2013 – 30/11/2013
2	1 – 10	Hệ thống hóa các thông tin và minh chứng cần thiết	Máy móc, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm	29/3/2013 – 30/11/2013
3	1 – 10	Viết, hiệu chỉnh, bổ sung các phiếu đánh giá tiêu chí và Báo cáo tự đánh giá	Máy móc, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm	29/3/2013 – 30/11/2013
4	1 – 10	Đưa thông tin lên mạng nội bộ LAN và trang web của Trường	Máy móc thiết bị văn phòng, mạng máy tính nội bộ LAN	Từ 29/5/2013

4.3. Tài chính

- Chi mua trang thiết bị cho Đơn vị đảm bảo chất lượng giáo dục.
- Chi vật tư tiêu hao, văn phòng phẩm.
- Chi công tác thống kê và khảo sát trong học sinh - sinh viên, cán bộ - viên chức.
- Chi hội thảo, hội nghị.

- Chi lập kế hoạch, các báo cáo và các phiên họp Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách.

- Chi khác.

5. Công cụ đánh giá

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn khác.

6. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài trường:

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập (do các nhóm công tác chuyên trách đề xuất chi tiết).

7. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài: không có.

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá cụ thể như sau:

Thời gian	Các hoạt động
25/3/2013 – 30/3/2013 (Tuần 1)	<ul style="list-style-type: none">• Họp cán bộ chủ chốt Trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu tự đánh giá và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá;• Ban giám hiệu phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên và viên chức Trường;• Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Đơn vị đảm bảo chất lượng giáo dục và Hội đồng tự đánh giá;• Họp Hội đồng tự đánh giá để:<ul style="list-style-type: none">- Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;- Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;- Quyết định danh sách Ban thư ký để giúp việc cho Hội đồng;- Quyết định danh sách các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện trách nhiệm được giao;- Thảo luận về Kế hoạch tự đánh giá;- Phân công người soạn dự thảo Kế hoạch tự đánh giá;• Soạn dự thảo Kế hoạch tự đánh giá và hoàn thành Kế hoạch tự đánh giá.

<p>01/4/2013 – 06/4/2013 (Tuần 2)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể học sinh, sinh viên Trường (phổ biến trên lớp trong tiết sinh hoạt của giáo viên chủ nhiệm); • Tổ chức Hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của <i>Hội đồng tự đánh giá</i>, các cán bộ chủ chốt của Trường và các thành viên trong <i>Nhóm công tác chuyên trách</i>.
<p>08/4/2013 – 22/4/2013 (Tuần 3- 4)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Công bố <i>Kế hoạch tự đánh giá</i> đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các <i>nhóm công tác chuyên trách</i> giúp việc cho Hội đồng.
<p>06/5/2013 – 31/5/2013 (Tuần 5 – 8)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chuẩn bị đề cương <i>Báo cáo tự đánh giá</i>; • <i>Ban thư ký</i> phối hợp với các phòng, bộ môn, trung tâm của Trường để lấy dữ liệu, thống kê số liệu và soạn dự thảo <i>Báo cáo khảo sát thực trạng của Trường</i> (Phần cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục trường dự bị đại học); • Các <i>nhóm công tác chuyên trách</i> bắt đầu làm việc: <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin và minh chứng; - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; - Mô tả thông tin và minh chứng thu được; - Phân tích, lý giải các kết quả đạt được để chứng minh trường đạt được các yêu cầu theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học. • Họp <i>Hội đồng tự đánh giá</i> để thông qua <i>Báo cáo khảo sát thực trạng của Trường</i> (Báo cáo này được đưa lên mạng nội bộ và gửi email cho các thành viên, Hội đồng TĐG trước 1 tuần để tham khảo).
<p>03/6/2013 – 29/6/2013 (Tuần 9 – 12)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các <i>nhóm công tác chuyên trách</i> tiếp tục làm việc: <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin và minh chứng; - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; - Mô tả thông tin và minh chứng thu được; - Phân tích, lý giải các kết quả đạt được. • Trưởng các nhóm chuyên trách viết các <i>Phiếu đánh giá tiêu chí</i> tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn.
<p>05/8/2013 – 24/8/2013 (Tuần 13 - 15)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Họp <i>Hội đồng tự đánh giá</i> để: <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Điều chỉnh đề cương <i>Báo cáo tự đánh giá</i> và xây dựng Đề cương chi tiết.

<p>09/9/2013 – 14/9/2013 (Tuần 16)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần); • Hội <i>Hội đồng tự đánh giá</i> đề thông qua Đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá; • <i>Ban thư ký</i> tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn từ các nhóm chuyên trách, biên soạn <i>Dự thảo Báo cáo tự đánh giá</i>.
<p>16/9/2013 – 21/9/2013 (Tuần 17)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần); • Kiểm tra lại các thông tin, minh chứng được sử dụng; • Hội <i>Hội đồng tự đánh giá</i> góp ý cho <i>Dự thảo Báo cáo tự đánh giá</i> (<i>Dự thảo Báo cáo</i> này được đưa lên mạng nội bộ và gửi email cho các thành viên, Hội đồng TĐG trước 1 tuần để tham khảo).
<p>04/11/2013 – 09/11/2013 (Tuần 18)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các <i>nhóm công tác chuyên trách</i> rà soát lại, bổ sung thêm các thông tin, minh chứng; phân tích lại các kết quả đạt được và hoàn thiện các <i>phiếu đánh giá tiêu chí</i>; • <i>Ban thư ký</i> biên soạn <i>Báo cáo tự đánh giá</i>; • <i>Hội đồng tự đánh giá</i> thảo luận, góp ý và thông qua <i>Báo cáo tự đánh giá</i>. Đưa báo cáo này lên mạng nội bộ của Trường và gửi email cho lãnh đạo phòng, bộ môn, trung tâm để toàn trường tham khảo, góp ý.
<p>11/11/2013 – 16/11/2013 (Tuần 19)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • <i>Hội đồng tự đánh giá</i> họp với các phòng, bộ môn, trung tâm, ... để thảo luận về <i>Báo cáo tự đánh giá</i> và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).
<p>25/11/2013 – 30/11/2013 (Tuần 20)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • <i>Hội đồng tự đánh giá</i> họp đề thông qua <i>Báo cáo tự đánh giá</i> đã chỉnh sửa và trình Hiệu trưởng Nhà trường; • Công bố <i>Báo cáo tự đánh giá</i> trong nội bộ Trường và thu thập các ý kiến đóng góp, ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
<p>25/11/2013 – 30/11/2013 (Tuần 21)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Xử lý các ý kiến đóng góp và tiếp tục hoàn thiện <i>Báo cáo tự đánh giá</i> theo các ý kiến phản biện; • <i>Hội đồng tự đánh giá</i> thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và trình Hiệu trưởng Nhà trường xin ý kiến phê chuẩn.
<p>02/12/2013 – 14/12/2013 (Tuần 22 - 23)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Công bố <i>Báo cáo tự đánh giá</i> đã hoàn thiện (trong nội bộ Trường).
<p>16/12/2013 – 21/12/2013 (Tuần 24)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn; • Gửi <i>Báo cáo tự đánh giá</i> về Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ (trước 30/12/2013). • <i>Hội đồng tự đánh giá</i> lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong Báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để đoàn chuyên gia đánh giá ngoài thẩm định./.

Thời gian các nhóm công tác chuyên trách thu thập thông tin và minh chứng:

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Tiêu chuẩn 1, 2	Nhóm 1	29/3/2013 – 30/11/2013
2	Tiêu chuẩn 3, 4	Nhóm 2	29/3/2013 – 30/11/2013
3	Tiêu chuẩn 5, 6	Nhóm 3	29/3/2013 – 30/11/2013
4	Tiêu chuẩn 7, 8	Nhóm 4	29/3/2013 – 30/11/2013
5	Tiêu chuẩn 9, 10	Nhóm 5	29/3/2013 – 30/11/2013

II. TỔNG QUAN CHUNG

Mở đầu

Trước ngày 30/4/1975, tiền thân của Trường Dự bị đại học TP. HCM là Viện đại học Cộng đồng Tiền Giang. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Hội đồng Chính phủ đã có Quyết định số 240/CP ngày 06/12/1976 chuyển Viện đại học Cộng đồng Tiền Giang thành Trường Dự bị đại học Tiền Giang với cơ sở I tại TP. HCM và cơ sở II tại tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 08/4/1982, Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp có Quyết định số 322/QĐ-KHTV đổi tên Trường Dự bị đại học Tiền Giang thành Trường Dự bị đại học TP. Hồ Chí Minh, đặt cơ sở tại số 91 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP. HCM cho đến nay.

Trường Dự bị đại học TP. Hồ Chí Minh đã trải qua chặng đường 37 năm xây dựng và phát triển, góp phần đáng kể vào việc tạo nguồn đào tạo nhân lực trong nhiều lĩnh vực cho đất nước, đặc biệt cho vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc...

Trong quá trình tự đánh giá, Nhà trường có cái nhìn chung như sau:

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của Trường Dự bị đại học TP. HCM

1. Những điểm mạnh

Trường Dự bị đại học TP. HCM có sứ mạng rõ ràng và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của mình. Sứ mạng của Trường được ban hành chính thức thông qua văn bản, được công bố chính thức qua bảng đặt trang trọng trong Trường và trên website của Trường. Sứ mạng của Trường nêu bật chính sách của

Đảng và Nhà nước trong việc bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục, chú trọng đến các khu vực khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

Các mục tiêu cụ thể của Trường đều rõ ràng, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường trong từng năm học và được cụ thể hóa trong các văn bản kế hoạch phát triển của Trường. Mục tiêu giáo dục của Trường có sự thống nhất cao giữa cấp uỷ Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Sự thống nhất cao là điều kiện hết sức quan trọng để thực hiện các mục tiêu đề ra. Mục tiêu giáo dục cũng được phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, viên chức và học sinh thông qua công tác tuyên truyền, sinh hoạt đầu khóa, các tài liệu giới thiệu về Trường.

2. Những tồn tại và kế hoạch khắc phục

Trường chưa có sự đa dạng trong việc công bố rộng rãi sứ mạng của Trường. Trong những năm học tiếp theo Trường sẽ nghiên cứu nhiều cách thông báo rộng rãi để mọi người hiểu về sứ mạng của Nhà trường và sẽ đặt thêm các bảng, tại các vị trí phù hợp trong khuôn viên của Trường.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

1. Những điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Trường là phù hợp với các văn bản quy định của Nhà nước và thực tiễn hoạt động của Nhà trường. Bộ máy tổ chức và hoạt động của Trường được thể chế hoá bằng các quy chế hoạt động, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị trong Trường, đồng thời, tạo điều kiện phát huy được mối quan hệ giữa các đơn vị nhằm phục vụ mục tiêu chung.

Hệ thống văn bản tổ chức và quản lý cấp trường tương đối đầy đủ để phục vụ cho Trường hoạt động thông suốt. Hệ thống các văn bản trên đã được triển khai phổ biến đến mọi cán bộ - viên chức trong Trường bằng nhiều hình thức khác nhau.

Trường đã xây dựng được các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với tình hình thực tế. Các kế hoạch, chiến lược này đã thể hiện được tầm nhìn của Trường, vị thế và khả năng huy động các nguồn lực của Trường.

Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Nhà trường hoạt động có hiệu quả, phối hợp với nhau tốt nên tạo nên sức mạnh tổng hợp cùng thực hiện mục tiêu chung

của Trường. Đảng bộ Trường nhiều năm liền là cơ sở Đảng vững mạnh xuất sắc. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Công Đoàn Trường cũng đạt được nhiều thành tích tốt trong nhiều năm liên tục.

2. Những tồn tại và kế hoạch khắc phục

Sự phối hợp giữa các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ của Trường đôi khi còn chưa nhịp nhàng. Nhà trường trong thời gian sắp tới sẽ quy định rõ việc phối hợp giữa các đơn vị để bảo đảm các hoạt động của Nhà trường luôn đạt hiệu quả cao nhất.

Việc phổ biến các văn bản đến cán bộ - viên chức cũng sẽ được thực hiện đa dạng hơn.

Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo của Trường Dự bị đại học TP. HCM được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học. Giáo trình, tài liệu học tập được Nhà trường biên soạn công phu, chính xác, bảo đảm tính khoa học và hệ thống phù hợp với chương trình đào tạo của Nhà trường.

Nhà trường luôn rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo các hệ cũng như giáo trình, tài liệu học tập nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy, học tập.

2. Những tồn tại và kế hoạch khắc phục

Từ nay đến năm 2015, Nhà trường chỉ thực hiện việc hiệu chỉnh các tài liệu đã có và chuẩn bị nhân lực và vật lực để đáp ứng tốt việc biên soạn tài liệu mới phục vụ đợt cải cách giáo dục sẽ được triển khai từ năm 2015.

Tiêu chuẩn 4. Các hoạt động đào tạo

1. Những điểm mạnh

Trường Dự bị đại học TP. HCM thực hiện nhiệm vụ giảng dạy cho các đối tượng chuẩn bị vào các trường đại học, cao đẳng, đặc biệt là đối tượng ở vùng kinh tế khó khăn, điều kiện học tập thiếu thốn nên Nhà trường rất chú trọng đến việc củng cố kiến thức cho học sinh, tạo cho học sinh một nền tảng kiến thức đủ để có

thể theo học ở bậc cao hơn. Ngoài việc tổ chức giảng dạy chính quy trên lớp, Trường luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng, phụ đạo cũng như hướng dẫn việc tự học cho học sinh.

Nhà trường chú trọng triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, tổ chức lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên từ đó làm cơ sở để điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Công tác tổ chức thi và kiểm tra được thực hiện nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Kết quả thi được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Trường nỗ lực thu thập thông tin về khả năng học tập của học sinh sau khi ra trường, chuyển vào các trường đại học để có kế hoạch nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo.

2. Những tồn tại và kế hoạch khắc phục

Đa số học sinh của Trường có học lực tương đối yếu, ý thức tự học chưa cao nên cũng gây không ít khó khăn cho Nhà trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả trong việc trang bị kỹ năng tự học cho học sinh nhằm phát huy tính tự chủ của người học, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

1. Những điểm mạnh

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Trường tương đối đủ về số lượng có thể đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giảng viên, nhân viên trẻ được tăng cường đáng kể trong thời gian gần đây. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn đáp ứng tốt vị trí công tác được bổ nhiệm, được tin nhiệm cao. Đội ngũ cán bộ quản lý trẻ nhiệt tình, năng động và ngày càng tiến bộ. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện bài bản, đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đội ngũ giảng viên có chuyên môn và khả năng sư phạm tốt, số lượng giảng viên có học vị từ thạc sĩ trở lên ngày càng tăng. Trường đã có quy hoạch đội ngũ lãnh đạo ở giai đoạn tiếp theo (giai đoạn 2014 – 2019).

2. Những tồn tại và kế hoạch khắc phục

Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên của Nhà trường thuộc hai thế hệ có tuổi đời, tuổi nghề chênh lệch nhau khá xa, một thế hệ các thầy cô, cán bộ quản lý sắp đến tuổi nghỉ hưu và số còn lại đa phần có tuổi đời dưới 40. Vì vậy, việc bồi dưỡng cho đội ngũ kế cận sẽ đòi hỏi nhiều công sức ở cả hai thế hệ. Số lượng cán bộ quản lý trẻ, giảng viên trẻ được học cao cấp lý luận chính trị chưa nhiều. Trường cần có kế hoạch cụ thể trong việc bồi dưỡng kinh nghiệm cho đội ngũ thầy cô, cán bộ - viên chức trẻ để có thể đáp ứng nhanh yêu cầu công việc được phân công.

Tiêu chuẩn 6: Người học

1. Những điểm mạnh

Học sinh - sinh viên của Trường được phổ biến đầy đủ để hiểu rõ về mục tiêu học tập, chương trình học và các quy định về kiểm tra đánh giá, xét chuyên vào đại học cũng như nội quy học tập, sinh hoạt tại Ký túc xá. Nhà trường luôn thực hiện đúng và đầy đủ chế độ chính sách đối với học sinh, có bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khoẻ ban đầu do bộ phận y tế Trường đảm nhiệm. Đảng uỷ, Ban giám hiệu rất quan tâm đến công tác chăm lo, tạo điều kiện cho học sinh - sinh viên tham gia các hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống của học sinh được cấp uỷ Đảng, Ban giám hiệu quan tâm đẩy mạnh thông qua hệ thống giáo viên chủ nhiệm, Phòng Tổ chức – Hành chính – Chính trị và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của Trường. Ý kiến của HS - SV đối với các vấn đề học tập, sinh hoạt và phương pháp giảng dạy của giảng viên được chú ý đúng mức. Học sinh - sinh viên được tạo điều kiện đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên.

2. Những tồn tại và kế hoạch khắc phục

Trong công tác người học, Trường còn một số hạn chế như: số lượng những buổi nói chuyện về tình hình chính trị, xã hội trong và ngoài nước còn ít... Các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, câu lạc bộ đội nhóm còn chưa thật phong phú và thường xuyên. Website của Trường chưa có nội dung phong phú, thu hút sự quan tâm của HS - SV. Nhà trường trong thời gian tới sẽ có kế hoạch nâng cấp nội

dung website và tạo các diễn đàn (forum) với nội dung hấp dẫn để học sinh có thể tham gia, khai thác hiệu quả website của Trường để tăng cường sự phổ biến thông tin về pháp luật, chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Những điểm mạnh

Hàng năm Trường luôn chủ động và có kế hoạch xây dựng, triển khai và phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và công tác phục vụ. Các đề tài nghiên cứu đã góp phần tích cực vào việc cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao trình độ, năng lực của chính giảng viên và chất lượng quản lý và phục vụ của CB - VC.

Một số giảng viên có học vị tiến sĩ, thạc sĩ tham gia các đề tài nghiên cứu về chuyên môn của ngành học với Trường Đại học Sư phạm TP. HCM, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia TP. HCM), Trường Đại học Khoa học tự nhiên (Đại học Quốc gia TP. HCM), tham gia phản biện, tham gia hội đồng chấm luận văn tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân.

Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên được quy định rõ trong Quy chế làm việc của giảng viên và việc hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là cơ sở đánh giá thi đua cuối năm học của giảng viên.

2. Những tồn tại và kế hoạch khắc phục

Chất lượng các đề tài NCKH chưa đồng đều. Một số giảng viên chưa thực sự đầu tư cho công tác NCKH dẫn tới chất lượng một số đề tài chưa xứng tầm, chưa đáp ứng nhu cầu nâng cao hiệu quả giảng dạy của Nhà trường.

Trong thời gian tới, Nhà trường cần có những quy định chặt chẽ hơn về chất lượng các đề tài NCKH cấp trường.

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

1. Những điểm mạnh

Trong những năm gần đây, theo đề xuất của Ủy ban nhân dân TP. HCM và được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Dự bị đại học TP. HCM đã tổ chức dạy tiếng Việt và hệ Dự bị đại học cho các sinh viên đến từ Lào, Campuchia và Mông Cổ với số lượng vào khoảng 100 SV/năm. Ngày 6 tháng 10

năm 2010, Trường Dự bị đại học TP. HCM và Trường Cao đẳng Tài chính Nam Lào đã ký Văn bản hợp tác hữu nghị giai đoạn 2010 - 2015, qua đó Trường Dự bị đại học TP. HCM sẽ cử giảng viên sang trường bạn dạy tiếng Việt và Tin học, tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi giữa hai trường.

2. Những tồn tại và kế hoạch khắc phục

Sinh viên nước ngoài học tại Trường chủ yếu đến từ Lào và Campuchia. Tuy nhiên, hiện nay việc hợp tác quốc tế của Trường mới chỉ thực hiện với một trường của Lào. Trong thời gian tới, Trường sẽ thúc đẩy sự hợp tác, giao lưu trao đổi với Campuchia, để có thể ký kết hợp tác với một trường đại học hay cao đẳng ở Campuchia để giao lưu, trao đổi giữa hai trường và có thể cử giảng viên của Trường tham gia dạy tiếng Việt, ngoại ngữ, Tin học cho phía trường bạn.

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Trường Dự bị đại học TP. HCM đảm bảo các điều kiện về thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác để phục vụ nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

1. Những điểm mạnh

Thư viện của Trường có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo cho tất cả HS-SV của Trường và thường xuyên được bổ sung sách, tài liệu mới phục vụ HS-SV và giảng viên, CB-VC. Trường đáp ứng đủ số phòng học cho tất cả các khối lớp, có đủ phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy với trang thiết bị tương đối đầy đủ, được bảo dưỡng thường xuyên. Nhà trường bố trí nhân viên kỹ thuật để xử lý sự cố của các trang thiết bị trong thời gian có lớp học.

Nhà trường có đủ thiết bị tin học để hỗ trợ cho các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học, quản lý, điều hành. Tất cả các máy vi tính trong toàn trường đều được nối mạng và kết nối internet. HS-SV được sử dụng wifi miễn phí trong phạm vi Trường. Trường có máy chủ riêng, website và đội ngũ quản trị mạng.

Trường có nhà đa chức năng cùng các trang thiết bị bảo đảm cho các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao. Ký túc xá của Trường đáp ứng hầu hết nhu cầu nội trú của học sinh, sinh viên. Phòng ở được trang bị đầy đủ các thiết bị giường, đèn, quạt, bàn học, ghế ngồi...

2. Những tồn tại và kế hoạch khắc phục

Thư viện Trường chưa thu hút được nhiều giảng viên, CB-VC đến nghiên cứu. Trường chưa thể bố trí trang thiết bị (máy vi tính, máy chiếu) tại tất cả các phòng học. Các thiết bị âm thanh tại các phòng học đôi lúc hoạt động không tốt.

Ký túc xá của Trường chưa đáp ứng hết nhu cầu chỗ ở của toàn bộ số học sinh - sinh viên. Dự án xây dựng thêm cơ sở mới với diện tích 10 ha tại huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan nên chưa thể tiến hành nhanh. Tuy nhiên, trước mắt, Trường sẽ xúc tiến để có được mặt bằng trên.

Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ tăng cường số lượng đầu sách, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành để thu hút độc giả, đặc biệt là giảng viên của Trường.

Nhà trường tiếp tục xin chủ trương và kinh phí mở rộng Ký túc xá để có thể đáp ứng nhu cầu nội trú của toàn bộ HS-SV của Trường. Đồng thời, Nhà trường sẽ có kế hoạch, bước đi phù hợp để có thể nhanh chóng nhận được mặt bằng 10 ha tại huyện Nhà Bè để từ đó tiếp tục xin kinh phí xây dựng cơ sở 2 của Trường.

Nhà trường tiếp tục cải thiện, mua sắm mới các trang thiết bị tại các phòng học và phòng làm việc để đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và làm việc trong toàn trường.

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

1. Những điểm mạnh

Các nguồn tài chính của Trường được khai thác một cách hợp pháp trên cơ sở tận dụng những nguồn lực sẵn có, được sử dụng đúng mục đích, được quản lý tập trung và được hạch toán vào các tài khoản theo đúng quy định của Nhà nước. Việc sử dụng kinh phí của Trường được công khai hóa, minh bạch và tuân thủ các quy định của Nhà nước. Việc phân bổ và sử dụng tài chính là hợp lý, minh bạch và có hiệu quả. Nhờ đó, các trang thiết bị giảng dạy, học tập, sinh hoạt của HS-SV được mua sắm, sửa chữa hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập, ăn ở của học sinh và đời sống CB-VC được ổn định.

2. Những tồn tại và kế hoạch khắc phục

Trong thời gian tới Nhà trường sẽ tiếp tục chủ động tăng nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước bằng nhiều hoạt động khác nhau để có thể nâng cao hơn nữa đời sống CB-VC, tạo nguồn kinh phí cho các hoạt động giảng dạy, NCKH của Nhà trường. Nhà trường tiếp tục cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ để việc phân bổ các nguồn tài chính của Nhà trường hợp lý nhất và phát huy hiệu quả cao nhất.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ (theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí)

Tiêu chuẩn 1: SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

MỞ ĐẦU

Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh là một cơ sở giáo dục công lập, nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường được thành lập theo Quyết định số 240/CP, ngày 06/12/1976 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Trong quá trình đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, phần lớn thanh niên Việt Nam đã phải rời ghế nhà trường để tham gia chiến đấu theo tiếng gọi của non sông, Tổ quốc. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước được thống nhất, thực hiện di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đã căn dặn: ... *“Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”*... (Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trang 32 – NXB Chính trị Quốc gia, 1999), Nhà nước đã quyết định thành lập các trường Dự bị đại học trên cả nước, trong đó có Trường Dự bị đại học TP. HCM để tạo điều kiện cho bộ đội, thanh niên xung phong, con gia đình cách mạng, gia đình liệt sỹ, ... được nâng cao trình độ trước khi vào học bậc đại học.

Trong sự phát triển chung của đất nước, bao giờ cũng có một bộ phận dân cư ở những vùng khó khăn, chịu thiệt thòi hơn trong hưởng thụ các thành quả do sự phát triển xã hội đem lại, đặc biệt là hưởng thụ về giáo dục. Do đó, chủ trương của Đảng, Nhà nước và của Ngành Giáo dục là luôn quan tâm đề ra các chính sách để giảm bớt sự thiệt thòi của một bộ phận dân cư đó, đồng thời, cũng là chiến lược lâu dài để tạo nguồn nhân lực phát triển đất nước.

Mặt khác, Đảng và Nhà nước rất quan tâm việc đào tạo nhân tài cho đất nước, đã tuyển chọn những sinh viên, cán bộ xuất sắc cử đi du học nước ngoài để trở thành những cán bộ, chuyên gia đầu đàn trên các lĩnh vực.

Trường Dự bị đại học TP. Hồ Chí Minh, trong quá trình xây dựng và phát triển đã góp phần nhỏ bé của mình trong việc tạo nguồn đào tạo cán bộ cho các đối tượng chính sách, cho con đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số, góp phần vào việc đào tạo nhân tài cho đất nước.

Trường được giao thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tổ chức dạy hệ Dự bị đại học cho các đối tượng đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hay tương đương), thuộc chính sách ưu tiên trong tuyển sinh để họ đủ trình độ theo học ở các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp trong nước gồm:

* *Dự bị đại học* do các trường đại học có chỉ tiêu Dự bị đại học chuyên đến; thực hiện từ tháng 4 năm 1976 với đối tượng là anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, thương binh, bộ đội, công an, thanh niên xung phong đã có quá trình công tác từ 5 năm trở lên; cán bộ, công nhân có thành tích xuất sắc; con liệt sỹ, con thương binh, con gia đình có công với cách mạng; con em các dân tộc thiểu số.

* *Dự bị đại học Dân tộc* cho học sinh là dân tộc thiểu số cư trú ở khu vực 1 thuộc vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo từ tỉnh Ninh Thuận, Lâm Đồng trở vào đến Cà Mau; thực hiện từ năm 1990 đến nay.

* *Dự bị đại học Cử tuyển* cho học sinh thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chủ yếu là người dân tộc thiểu số ở các xã thuộc Chương trình 135 của Chính phủ; thực hiện từ năm 1998 đến nay.

* *Dự bị đại học diện 30a tuyển thẳng*: đào tạo học sinh diện 30a (thuộc các huyện nghèo theo quy định tại Quyết định số 30a/2008/QĐ-TTg ngày 27/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ), thực hiện từ năm 2012 đến nay.

2. *Dạy ngoại ngữ (tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Đức)* cho đối tượng sinh viên đoạt giải quốc tế, quốc gia, sinh viên giỏi, cán bộ ưu tú được Nhà nước tuyển chọn cho đi du học ở nước ngoài: Lưu học sinh, chuyển tiếp sinh, thực tập sinh và nghiên cứu sinh (*từ Huế trở vào, hiện nay từ Đà Nẵng trở vào*), thực hiện từ năm 1977 đến nay.

3. *Dạy tiếng Việt và Dự bị đại học* cho sinh viên Lào, Campuchia, Mông Cổ để đưa vào học đại học hoặc cao học tại các trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, từ năm học 2005 – 2006 đến nay.

Ngoài ra, cũng từ năm 1976, Trường còn tích cực, chủ động mở thêm các loại hình đào tạo khác, tạo nguồn tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, TP. Hồ Chí Minh và Quân khu 7, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển của TP. Hồ Chí Minh và khu vực.

Tiêu chí 1.1: Sự mạng của Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương phía Nam và cả nước.

1.1. 1. Mô tả

Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước về *công bằng xã hội trong giáo dục*, là cơ sở giáo dục tạo nguồn đào tạo cán bộ cho vùng sâu, miền núi, vùng dân tộc, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo nguồn cho sinh viên được Nhà nước tuyển chọn cho đi du học ở nước ngoài, để họ trở thành chuyên gia

giỏi trên nhiều lĩnh vực cần cho sự phát triển của đất nước; sinh viên nước ngoài vào học các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, để họ trở thành cán bộ khoa học – kỹ thuật cho các nước, nhất là các nước láng giềng; họ sẽ là nhân tố làm nòng cốt cho tình hữu nghị trong mối quan hệ quốc tế thời kỳ hội nhập của đất nước.

Sứ mạng: Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh góp phần thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo nguồn đào tạo cán bộ cho vùng khó khăn, vùng dân tộc; tạo nguồn đào tạo nhân tài cho đất nước và cho các nước láng giềng; góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước [H1.01.01.01].

1.1.2 Những điểm mạnh

Sứ mạng của Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh được xác định và công bố công khai phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực của Trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương phía Nam và cả nước.

Sứ mạng của Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với định hướng, kế hoạch chiến lược phát triển ngắn hạn và dài hạn của Trường, gắn kết hơn nữa với sự phát triển của các địa phương.

Cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên của Trường sau khi được phổ biến, tuyên truyền đã hiểu rõ sứ mạng của Trường, từ đó có định hướng, kế hoạch và biện pháp thực hiện nhiệm vụ phù hợp với sự phát triển chung của Trường.

1.1.3 Tồn tại

Sứ mạng của Trường đã được thực hiện từ nhiều năm, nhưng mới công bố theo Quyết định số 295/QĐ-DBĐH, ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Hiệu trưởng sau khi thu thập ý kiến góp ý của cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên, tuy nhiên, cần công bố rộng rãi hơn nữa để nhận được nhiều ý kiến góp ý của xã hội cho nội dung “sứ mạng” ngày càng phù hợp hơn.

Trong nội dung sứ mạng của Trường đã được công bố còn thiếu mảng nhiệm vụ dạy ngoại ngữ cho sinh viên được Nhà nước tuyển chọn cho đi du học ở nước

ngoài và sinh viên nước ngoài học tiếng Việt, dự bị đại học để vào học tại các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

1.1.4 Kế hoạch hành động

Từ năm học 2013-2014, Trường sẽ tăng cường quảng bá sứ mạng của Trường trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của Trường, báo, đài, tờ rơi hoặc thông qua học sinh, sinh viên đã và đang học tại Trường.

Nhà trường sẽ thực hiện thăm dò ý kiến từ các địa phương thuộc vùng tuyến, các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp tiếp nhận học sinh, sinh viên của Trường và người học để kịp thời bổ sung, điều chỉnh sứ mạng của Trường cho phù hợp với tình hình thực tế.

1.1.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cho từng đối tượng của các hệ được quy định tại Luật giáo dục và sứ mạng đã được tuyên bố của Nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1.2.1 Mô tả

Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh luôn tập trung tìm mọi biện pháp thích hợp để không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả tạo nguồn đào tạo cán bộ cho khu vực phía Nam, cho các nước và phấn đấu sớm trở thành một cơ sở đào tạo trình độ đại học.

Mục tiêu của Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh được xác định phù hợp với Luật Giáo dục, với Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Dự bị đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố, với từng hệ đào tạo, với từng đối tượng và định kỳ được rà soát, bổ sung, điều chỉnh các giải pháp triển khai thực hiện nhằm đạt hiệu quả cao nhất có thể.

Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng “Quy hoạch tổng thể xây dựng và phát triển Trường” từ năm 1996 đến 2010 trình Bộ phê duyệt và đã thực hiện đạt các mục tiêu đề ra, đã công bố tầm nhìn đến năm 2025 tại Quyết định số 295/QĐ-DBĐH, ngày 27/9/2013 của Hiệu trưởng.

Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển mỗi 5 năm: 1999 – 2004; 2004 – 2009; 2009 – 2014 theo nhiệm kỳ Hiệu trưởng, được toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên góp ý, thông qua trong Hội nghị cán bộ - viên chức. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, đạt các mục tiêu đề ra [H1.01.01.02].

Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển hằng năm (*Chương trình hành động năm học*) thông qua Hội nghị cán bộ - viên chức đầu mỗi năm học để thống nhất các nội dung, các chỉ tiêu, giải pháp thực hiện nhằm xây dựng môi đoàn kết, đồng lòng thực hiện tốt nhất nhiệm vụ năm học đã đề ra.

Nội dung các mục tiêu, giải pháp trên đều được phổ biến cho toàn thể học sinh, sinh viên trong “Tuần lễ sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên” đầu mỗi năm học để học sinh, sinh viên hợp tác cùng Nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

1.2.2 Những điểm mạnh

Các mục tiêu của Trường được xác định cụ thể theo từng giai đoạn, có kế hoạch chiến lược dài hạn, ngắn hạn và từng năm học, rõ ràng, phù hợp với Luật Giáo dục, Quy chế tổ chức và hoạt động trường Dự bị đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và sứ mạng, tầm nhìn của Trường đã được công bố.

Mục tiêu được định kỳ rà soát, đánh giá trong từng giai đoạn; trong báo cáo thực hiện kế hoạch chiến lược 5 năm của nhiệm kỳ Hiệu trưởng được thông qua cán bộ - viên chức và báo cáo cho Bộ; kế hoạch chiến lược từng năm học được hội nghị cán bộ - viên chức sơ kết học kỳ I đánh giá, nhằm xác định những việc đã thực hiện tốt, những việc chưa đạt để bổ sung, điều chỉnh và đề ra các giải pháp triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm học tốt hơn.

Hằng năm, Nhà trường thực hiện điều tra kết quả học tập của sinh viên đã được Trường chuyển vào các trường đại học để trên cơ sở đó, thảo luận tìm các giải pháp hữu hiệu hơn nâng cao chất lượng đào tạo.

1.2.3 Tồn tại

Mặc dù điểm tuyển sinh đối với học sinh Dự bị đại học Dân tộc của Trường có tăng lên hằng năm, nhưng thực tế chất lượng đầu vào của học sinh Dự bị đại học vẫn còn yếu so với yêu cầu, đặc biệt là học sinh hệ Dự bị đại học Cử tuyển và diện 30a (không cần có điểm thi tuyển sinh đại học) rất yếu, cho nên trong một năm học khó lòng nâng trình độ các em lên ngang tầm với sinh viên trúng tuyển trong kỳ thi đại học.

Việc phối hợp giữa Nhà trường với các địa phương trong quản lý quá trình đào tạo học sinh từ Dự bị đại học; vào học đại học, cao đẳng; tốt nghiệp; trở về địa phương công tác còn chưa tốt, nhất là địa phương vẫn chưa nắm được số sinh viên tốt nghiệp và được bố trí công tác ở địa phương.

1.2.4 Kế hoạch hành động

Trường lên kế hoạch tiếp tục tuyên truyền và phổ biến rộng rãi các nội dung về mục tiêu của Trường để thu thập ý kiến đóng góp từ nhiều nguồn nhằm đánh giá, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu phù hợp với thực tế theo nhu cầu của người học và xã hội.

Trường tiếp tục nghiên cứu để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo cho các đối tượng, các hệ bằng các biện pháp hữu hiệu hơn nữa.

Trường sẽ phối hợp tốt hơn nữa với các địa phương và các trường đại học để theo dõi sát sao quá trình đào tạo, định hướng ngành nghề, sử dụng sau khi tốt nghiệp để đạt mục tiêu tốt hơn.

Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch điều tra số sinh viên từ học tại Trường đến tốt nghiệp đại học, xem có bao nhiêu phần trăm trở về địa phương công tác để đánh giá hiệu quả đào tạo nhằm bổ sung, điều chỉnh mục tiêu của Trường.

1.2.5 Tự đánh giá: Đạt.

KẾT LUẬN

Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh có sứ mạng rõ ràng. Sứ mạng của Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường;

phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương phía Nam và cả nước. Sứ mạng được xã hội giao là Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh góp phần thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo nguồn đào tạo cán bộ cho vùng khó khăn, vùng dân tộc; tạo nguồn đào tạo nhân tài cho đất nước và cho các nước láng giềng; góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

Mục tiêu của Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cho từng đối tượng của các hệ được quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã được công bố của Nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện tốt. Mục tiêu, kế hoạch thực hiện mục tiêu được rà soát, thảo luận và thông qua trong các hội nghị cán bộ - viên chức.

Sứ mạng và mục tiêu của Trường được phổ biến rộng rãi qua nhiều kênh khác nhau.

Trong thời gian tới Trường tiếp tục lấy ý kiến đóng góp để điều chỉnh, bổ sung sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường cho phù hợp tình hình thực tế phát triển của xã hội và nhiệm vụ của trường.

Tiêu chuẩn 2: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

MỞ ĐẦU

Cơ cấu tổ chức của Trường là phù hợp với các văn bản quy định của Nhà nước và thực tiễn hoạt động của Nhà trường. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong Trường đều được thể chế hóa bằng văn bản và được triển khai nghiêm túc, có hiệu quả. Hệ thống văn bản tổ chức và quản lý cấp trường tương đối đầy đủ để phục vụ cho các hoạt động của Trường. Hệ thống các văn bản trên đã được triển khai phổ biến đến đúng đối tượng và phát huy hiệu quả. Dưới sự chỉ đạo, quan tâm sát sao của Đảng bộ Nhà trường, chính quyền và các đoàn thể trong Trường đã hoạt động và phối hợp hoạt động tốt, có hiệu quả để cùng thực hiện mục tiêu chung của Trường. Đảng bộ Trường nhiều năm liền là đơn vị vững mạnh xuất sắc. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Công đoàn

Trường cũng đạt được nhiều thành tích tốt và nhiều bằng khen trong nhiều năm liên tục. Trường đã xây dựng được các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với tình hình thực tế. Các kế hoạch, chiến lược này đã thể hiện được tầm nhìn của Trường, vị thế và khả năng huy động các nguồn lực của Trường. Chế độ định kỳ báo cáo cho cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động của Nhà trường được thực hiện đầy đủ, đúng hạn; hồ sơ và các báo cáo được lưu trữ đầy đủ và đúng quy định.

Tiêu chí 2.1: Cơ cấu tổ chức của trường được thực hiện theo quy định của điều lệ trường đại học và được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của trường.

2.1.1 Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo quy định của Nhà nước. Trường áp dụng mô hình quản lý theo 2 cấp: gồm cấp trường và cấp bộ môn, phòng, trung tâm. Trường Dự bị Đại học TP. HCM xây dựng cơ cấu tổ chức và quản lý phù hợp với quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường Đại học, và Thông tư số 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Dự bị đại học. Trường hiện có các đơn vị trực thuộc gồm: 4 phòng chức năng, 7 bộ môn, 2 trung tâm và một ban quản lý ký túc xá (KTX). Cơ cấu tổ chức nói trên là phù hợp với đặc điểm hoạt động và khả năng quản lý của Trường Dự bị đại học TP. HCM.

Trường đã xây dựng Quy chế về tổ chức, hoạt động trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt từ tháng 10 năm 2012 sau khi có Thông tư số 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Dự bị đại học.

Trường Dự bị đại học TP. HCM thành lập Hội đồng trường gồm 15 người. Hội đồng trường đã có những đóng góp trong việc hoạch định chiến lược, triết lý hoạt động, kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Trường, trong việc xây dựng dự thảo các quy chế mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế hoạt động của Nhà trường,

cùng với Đảng ủy, Ban giám hiệu xem xét quyết định những vấn đề về tổ chức, nhân sự của Nhà trường...

2.1.2 Những điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Trường là phù hợp với các quy định của Nhà nước, với thực tế hoạt động của Nhà trường và được thể chế hóa bằng các quy chế hoạt động rõ ràng, tạo điều kiện phát huy được mối quan hệ giữa các đơn vị nhằm phục vụ mục tiêu chung.

Trường Dự bị đại học TP. HCM là một trong những trường triển khai thành lập Hội đồng trường theo Điều lệ trường đại học, vì thế, đã có những đóng góp tích cực trong việc hoạch định các mục tiêu chiến lược, xây dựng kế hoạch phát triển Trường trong trung và dài hạn cũng như xây dựng kế hoạch hoạt động trong từng năm học.

2.1.3 Tồn tại

Trách nhiệm trong một số ít công việc cụ thể đôi khi chưa rõ ràng giữa các đơn vị nên đôi lúc dẫn đến bị động, cần sự chỉ đạo trực tiếp của Ban giám hiệu. Hiện nay, theo Thông tư số 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Dự bị đại học không quy định rằng Trường Dự bị đại học có Hội đồng trường, nên Trường Dự bị Đại học TP. HCM đang xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động của Hội đồng Trường.

2.1.4 Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới Trường Dự bị đại học TP. HCM sẽ tiến hành xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về cơ cấu tổ chức của Nhà trường để thay đổi cho phù hợp hoạt động của Nhà trường và chủ trương của Bộ.

2.1.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.2: Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của nhà trường một cách có hiệu quả.

2. 2.1 Mô tả

Ngoài hệ thống văn bản pháp quy của Chính phủ và các bộ, ngành, Trường có hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý cho các hoạt động gồm: Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Dự bị đại học TP. HCM về việc ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-DBDH ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Trường Dự bị đại học TP. HCM về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Dự bị Đại học TP. HCM [H2.02.03]; Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý Trường Dự bị đại học TP. HCM ban hành kèm theo Quyết định số 139/QĐ-DBDH ngày 30 tháng 5 năm 2013) [H1.02.02.04]; Quy định tạm thời về chế độ tập sự đối với viên chức được tuyển dụng ban hành kèm theo Quyết định số 251/QĐ-DBDH ngày 28 tháng 9 năm 2012 của Trường Dự bị đại học TP. HCM [H1.02.02.05]; Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Dự bị đại học TP. HCM ban hành kèm theo Quyết định số 93/QĐ-DBDH ngày 17 tháng 4 năm 2012 của Trường Dự bị đại học TP. HCM [H1.02.02.06]; Nội quy cơ quan ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-DBDH ngày 8 tháng 5 năm 2013 của Trường Dự bị đại học TP. HCM [H1.02.02.07]; Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-DBDH ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Trường Dự bị đại học TP. HCM [H1.02.02.08]; Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Dự bị đại học TP.HCM Ban hành kèm theo Quyết định số 66/QĐ-DBDH ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Trường Dự bị đại học TP. HCM [H1.02.02.09].

Các văn bản của Trường được phổ biến rộng rãi đến tất cả cán bộ, viên chức bằng nhiều hình thức như: tổ chức hội họp để phổ biến trực tiếp, photo gửi về các đơn vị và tổ chức triển khai đến từng đơn vị. Mọi công việc của Trường đều có kế hoạch và được công khai đến tất cả cán bộ - viên chức trong Trường qua thông báo bằng văn bản hoặc qua trường đơn vị, bảng tin, Nhờ sự phổ biến rộng rãi các văn bản quản lý của Trường mà toàn thể CB - VC có thể góp ý cho các văn bản, dự thảo văn bản trực tiếp trong các buổi họp CB - VC, hay qua thông qua trường đơn vị.

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý các hoạt động của Nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả tại các đơn vị. Để triển khai công việc, Ban giám

hiệu tổ chức họp giao ban vào đầu tuần để triển khai các công việc. Ban giám hiệu và trưởng, phó các đơn vị trực thuộc họp mỗi tháng 1 lần để thảo luận về những công việc đã làm, kế hoạch thực hiện công việc sắp đến. Ngoài ra, Đảng ủy và Ban chấp hành Công đoàn cũng tổ chức họp định kỳ. Trong nhiệm kỳ công tác của mình, Ban giám hiệu có phân công phụ trách các mảng hoạt động của Trường một cách rõ ràng (Thông báo số 267/BC-DBDH ngày 1 tháng 10 năm 2012 của Trường Dự bị đại học TP. HCM về việc phân công tác trong Ban giám hiệu) [H1.02.02.10]. Bên cạnh đó, Đảng ủy Nhà trường cũng có sự phân công cho từng đảng ủy viên trong việc lãnh đạo về mặt công tác Đảng đối với các bộ phận trong Trường một cách rõ ràng (Quyết định số 52a-QĐ/ĐU ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Đảng ủy Trường Dự bị đại học TP. HCM về phân công nhiệm vụ Ban chấp hành Đảng bộ Trường Dự bị đại học TP. HCM) [H1.02.02.11]. Nhờ có sự chỉ đạo, điều hành và triển khai công việc thống nhất và có hệ thống từ trường xuống các đơn vị nên hầu hết các công việc đều được hoàn thành theo kế hoạch.

2.2.2 Những điểm mạnh

Hệ thống văn bản tổ chức và quản lý cấp trường tương đối đầy đủ, rõ ràng và đã được triển khai phổ biến trong Trường bằng nhiều hình thức khác nhau và có hiệu quả. Do vậy, các hoạt động của Trường được thực hiện khá tốt.

2.2.3 Tồn tại

Hệ thống các văn bản của Trường vẫn chưa được số hoá và đưa lên website của Trường một cách đầy đủ để dễ dàng tra cứu khi cần.

2.2.4 Kế hoạch hành động

Trong năm học 2014-2015, Trường sẽ triển khai tin học hoá hệ thống các văn bản tổ chức và quản lý của Nhà trường để việc phổ biến các văn bản trên được đa dạng hơn.

2.2.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.3: Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

2.3.1 Mô tả

Trường đã có các văn bản phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo và của các cá nhân như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Dự bị đại học TP. HCM ban hành năm 2012; Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Dự bị đại học TP. HCM; Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Dự bị đại học TP. HCM.

Những văn bản trên đã quy định một cách rõ ràng nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, tập thể và cá nhân, đồng thời tạo điều kiện cho các đơn vị và cá nhân chủ động làm việc, phát huy hết khả năng của mình, và phối hợp tốt với các đơn vị, cá nhân khác trong công tác. Các văn bản đó được soạn thảo trên cơ sở các văn bản pháp quy của Nhà nước và điều kiện thực tế của Trường, được lấy ý kiến nhiều lần qua văn bản cũng như các buổi họp trước khi được ban hành.

Trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động của Trường, các chủ trương được các phòng chức năng tham mưu và Hiệu trưởng ra quyết định. Các phòng chức năng giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện trong toàn trường.

2.3.2 Những điểm mạnh

Hoạt động quản lý của Trường được phân định bằng các văn bản cụ thể, đã thực hiện theo chế độ thủ trưởng, phân định rõ trách nhiệm quyền hạn của tập thể và cá nhân, tăng cường tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị và cán bộ, viên chức trong lĩnh vực công tác được phân công.

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý của Trường được dự thảo nhiều lần trước khi ban hành nên tạo được sự đồng thuận khi thực hiện và đã được thực hiện khá tốt.

2.3.3 Tồn tại

Đôi khi trong một số ít công việc trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân chưa được cụ thể, sự phối hợp còn chưa nhịp nhàng nên đôi lúc cần có sự chỉ đạo trực tiếp từ Ban giám hiệu.

2.3.4 Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, năm 2014 Trường sẽ rà soát, điều chỉnh lại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy chế làm việc của giảng viên để có những thay đổi phù hợp hơn.

2.3.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.4: Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường hoạt động có hiệu quả và được đánh giá tốt trong xếp loại hàng năm.

2.4.1 Mô tả

Tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể của Trường là các tập thể vững mạnh, không để xảy ra mất đoàn kết nội bộ và duy trì nền nếp sinh hoạt theo quy định. Đảng bộ Trường Dự bị đại học TP. HCM giữ vai trò lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể trong Trường. Vì vậy, trong thời gian qua, các tổ chức đoàn thể và chính quyền các cấp có sự phối hợp nhịp nhàng. Tổ chức Đảng trong Trường duy trì tốt việc sinh hoạt định kỳ, đúng quy định và không ngừng được củng cố và phát triển. Đảng bộ Trường đã thể hiện được vai trò lãnh đạo đối với các hoạt động trong Trường, thể hiện vai trò tập hợp toàn thể giảng viên, nhân viên, HS - SV của Nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu phát triển Nhà trường. Đảng bộ Trường nhiều năm liên tục là cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Gần đây nhất Đảng bộ Nhà trường là Đảng bộ duy nhất trong khối các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp được nhận Bằng khen của Thành uỷ TP. Hồ Chí Minh là cơ sở đảng 3 năm liên vững mạnh xuất sắc, tiêu biểu.

Các tổ chức đoàn thể trong Trường có nhiều hoạt động sôi nổi, thiết thực và đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của Nhà trường. Trong nhiều năm qua, Công đoàn Trường đã tổ chức được một số phong trào thiết thực, thu hút và động viên được đoàn viên công đoàn tham gia. Thông qua các phong trào thi đua “Dân chủ-Kỷ cương-Tình thương-Trách nhiệm”, phong trào thi đua "Dạy tốt-Học tốt", thực hiện tốt vai trò vận động CB - VC đổi mới phương pháp giảng dạy, NCKH, Công Đoàn Trường làm tốt vai trò chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của viên chức, người lao động. Công đoàn Trường nhiều năm liên đạt danh hiệu vững mạnh xuất

sắc, được nhiều bằng khen của Liên đoàn Lao động TP. Hồ Chí Minh và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của Trường liên tục là Đoàn trường xuất sắc, đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen năm 2008 và Ủy ban nhân dân TP. HCM tặng Bằng khen năm 2013. Khảo sát cán bộ - viên chức về hoạt động của Đoàn TNCS Trường, số cán bộ - viên chức được hỏi đánh giá hiệu quả hoạt động của Đoàn Trường là cao và rất cao, 90,91%. Tổ chức Đoàn Trường thực sự đã góp phần cùng Nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục toàn diện HS - SV, tạo môi trường rèn luyện cũng như tạo ra các hoạt động thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên trong Nhà trường.

2.4.2 Những điểm mạnh

Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong Nhà trường đã duy trì nề nếp sinh hoạt tốt. Đảng bộ làm tốt công tác lãnh đạo và nhiều năm liền là cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Các tổ chức Công đoàn và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hoạt động có hiệu quả, sôi nổi, góp phần cùng chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Công đoàn và Đoàn TNCS Trường đạt được nhiều thành tích và đạt danh hiệu xuất sắc nhiều năm liên tục.

2.4.3 Tồn tại

Các hoạt động đoàn thể đôi lúc còn thể hiện tính phong trào, một vài hoạt động chưa đạt được chiều sâu như mong muốn.

2.4.4 Kế hoạch hành động

Từ năm 2014, các hoạt động của các tổ chức đoàn thể sẽ đặc biệt chú trọng về chiều sâu và góp phần cùng chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

2.4.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.5 Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá, nâng cao chất lượng của nhà trường.

2.5.1 Mô tả

Đơn vị đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường được thành lập theo Quyết định số 75/QĐ-DBĐH ngày 26 tháng 3 năm 2013 của Hiệu trưởng [H1.02.05.12]. Đơn vị đảm bảo chất lượng giáo dục trực thuộc Ban giám hiệu gồm 4 thành viên. Đơn vị đảm bảo chất lượng giáo dục có chức năng và nhiệm vụ được quy cụ thể trong Quyết định. Đội ngũ cán bộ của đơn vị đảm bảo chất lượng là những thầy cô giáo có năng lực, giảng dạy tốt và đang công tác tại Trường. Đơn vị đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm trong việc triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

2.5.2 Những điểm mạnh

Nhà trường có quan tâm đến việc đánh giá và đảm bảo chất lượng.

2.5.3 Tồn tại

Công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục là công tác khá mới mẻ đối với Trường nên Đơn vị đảm bảo chất lượng của Trường chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế trong công tác.

2.5.4 Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới Trường sẽ quan tâm nhiều hơn đến việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của Đơn vị đảm bảo chất lượng.

2.5.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.6: Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

2.6.1 Mô tả

Hàng năm, Nhà trường và các đơn vị trực thuộc đều xây dựng kế hoạch phát triển ngắn hạn của mình (kế hoạch từng năm học). Các kế hoạch này đều dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn đã được thông qua, xác định những mục tiêu, biện pháp cụ thể để triển khai. Các kế hoạch ngắn hạn đều phù hợp với chủ

trương của Đảng, Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo trong công tác tạo nguồn cán bộ cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trường có tầm nhìn, mục tiêu phát triển rõ ràng, từ đó Trường và các đơn vị trực thuộc định hướng kế hoạch hành động nhằm thực hiện được mục tiêu đề ra [H1.02.06.13].

2.6.2 Những điểm mạnh

Trường đã xây dựng được các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với tình hình thực tế. Các kế hoạch, chiến lược này đã thể hiện được Tầm nhìn của Trường, vị thế và khả năng huy động các nguồn lực của Trường.

2.6.3 Tồn tại

Các kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn của các đơn vị trực thuộc chưa được cụ thể hoá một cách đầy đủ.

2.6.4 Kế hoạch hành động

Năm học 2014-2015, Trường sẽ cập nhật các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác dân tộc và sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chiến lược phát triển của địa phương và cả nước để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược trung hạn, dài hạn của mình nhằm góp phần xây dựng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

2.6.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.7 Thực hiện định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

2.7.1 Mô tả

Nhà trường thực hiện tốt chế độ báo cáo cho Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý. Các báo cáo bao gồm các báo cáo định kỳ và báo cáo theo yêu cầu của các cấp quản lý được thực hiện đầy đủ và đúng hạn. Công tác lưu trữ các báo cáo của Trường được quan tâm và được thực hiện đúng quy định. Công tác lưu trữ được Ban giám hiệu giao cho Phòng Tổ chức – Hành chính – Chính trị thực hiện. Hồ sơ của Trường được bảo quản cẩn thận và sắp xếp tương đối khoa học giúp cho việc tra cứu được dễ dàng.

2.7.2 Những điểm mạnh

Là một trường nhỏ với số cán bộ - viên chức không nhiều nhưng số lượng các báo cáo phải thực hiện khá lớn. Tuy vậy, Nhà trường cũng đã thực hiện tốt chế độ báo cáo đối với cơ quan chủ quản là Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý khác. Công tác lưu trữ cũng được thực hiện khá bài bản.

2.7.3 Tồn tại

Vì không gian lưu trữ hồ sơ trong phòng Tổ chức - Hành chính – Chính trị của Trường hiện nay đã gần hết, nên việc sắp xếp các ngăn để hồ sơ gặp đôi chút khó khăn, bên cạnh đó Trường không có cán bộ chuyên trách làm công tác lưu trữ.

2.7.4 Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Trường sẽ quan tâm hơn nữa công tác lưu trữ, đầu tư một số ngăn, kệ để có đủ không gian bảo quản các hồ sơ trong thời gian dài và sẽ nỗ lực số hóa các văn bản để việc lưu trữ đạt hiệu quả cao hơn.

2.7.5 Tự đánh giá: Đạt.

KẾT LUẬN

Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước và được cụ thể hóa trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường. Nhà trường có tương đối đầy đủ hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường một cách có hiệu quả. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế làm việc của giảng viên... nên các đơn vị, cá nhân giảng viên, viên chức trong Trường hoạt động hiệu quả, có sự phối hợp tương đối tốt giữa các đơn vị trong Trường. Tổ chức Đảng luôn làm tốt vai trò lãnh đạo toàn thể Nhà trường; các tổ chức đoàn thể trong Trường hoạt động có hiệu quả, góp phần cùng chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ tổ chức dạy và học. Các báo cáo đối với cơ quan chủ quản được thực hiện khá tốt và lưu trữ đầy đủ. Tuy nhiên, Trường nhận thấy rằng trong thời gian tới cần áp dụng tin học trong việc phổ biến các văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường thêm đa dạng. Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cũng sẽ chú trọng hơn đến chiều sâu trong các

hoạt động. Chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của từng đơn vị cũng cần được cụ thể hóa hơn nữa.

Tiêu chuẩn 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

MỞ ĐẦU

Mô hình trường Dự bị đại học là mô hình trường chuyên biệt (Luật giáo dục – Điều 61), Thông tư số 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Vì vậy, chương trình đào tạo của trường DBĐH được biên soạn riêng để đáp ứng cho mục đích bồi dưỡng kiến thức cho học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông thuộc diện chính sách trong một khoảng thời gian là 28 tuần. Chương trình giảng dạy của trường DBĐH không ngoài mục đích bồi dưỡng, củng cố, hệ thống kiến thức, giúp học sinh trang bị kiến thức nền tảng để vào học các chương trình ở bậc đại học. Tuy nhiên, chương trình Dự bị đại học vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ kiến thức phổ thông theo chương trình Giáo dục phổ thông và phù hợp với hệ thống chương trình giáo dục chung của Việt Nam.

Tiêu chí 3.1. Chương trình giáo dục của trường Dự bị đại học được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình giáo dục được xây dựng với sự tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức, hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động theo quy định.

3.1.1 Mô tả

Chương trình giáo dục của Trường Dự bị đại học TP. HCM được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 25/2010/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển chọn, tổ chức bồi dưỡng và xét tuyển vào học trình độ đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đối với học sinh hệ dự bị đại học và Thông tư số 48/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Đề cương chi tiết 11 môn học dự bị đại học. Dựa trên chương trình khung này, các

bộ môn của Nhà trường biên soạn các giáo trình giảng dạy cũng như xây dựng kế hoạch giảng dạy chi tiết cho từng môn học. Hiện nay, tất cả các môn học của Trường đều có giáo trình, kế hoạch giảng dạy và triển khai đến từng học sinh để phục vụ giảng dạy và học tập.

3.1.2 Những điểm mạnh

Chương trình của Trường Dự bị đại học TP.HCM được xây dựng nghiêm túc trên cơ sở Đề cương chi tiết do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình của Trường Dự bị đại học TP.HCM có sự tham gia đóng góp của các giảng viên của Trường, những người tham gia trực tiếp giảng dạy và sử dụng chương trình này.

Hàng năm, Trường tổ chức hội thảo nghiên cứu khoa học trong đó luôn có những ý kiến đóng góp cho chương trình giảng dạy của Trường.

3.1.3 Tồn tại

Do thời gian khóa bồi dưỡng kiến thức chỉ 28 tuần nên Trường không thể bồi dưỡng kiến thức các môn đặc thù về năng khiếu như vẽ, hát, múa, ...

Trường chưa đưa chương trình lên trang web của Trường và cập nhật thường xuyên.

Trường chưa thành lập Hội đồng biên soạn kế hoạch, chương trình đào tạo của các bộ môn và thẩm định giáo trình giảng dạy.

3.1.4 Kế hoạch hành động

Nhà trường sẽ đưa chương trình, kế hoạch giảng dạy của Trường và các bộ môn lên trang web của Trường. Nhà trường sẽ thành lập Hội đồng biên soạn kế hoạch, chương trình đào tạo của các bộ môn và thẩm định giáo trình giảng dạy.

3.1.5. Tự đánh giá: đạt.

Tiêu chí 3.2. Chương trình giáo dục có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ dự bị đại học.

3.2.1 Mô tả

Chương trình của Trường Dự bị đại học TP. HCM phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của các địa phương.

Trường có đầy đủ chương trình, kế hoạch giảng dạy và học tập cho các khối A, A1, B, C, D1 theo từng hệ được biên soạn dựa trên Đề cương chi tiết 11 môn học Dự bị đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm Thông tư số 48/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2012. Đồng thời, Nhà trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện các chương trình cho các khối và các hệ dựa trên các ý kiến đóng góp của các giảng viên trực tiếp giảng dạy, các cựu sinh viên thuộc các hệ đào tạo.

Chương trình được thiết kế một cách hệ thống kiến thức phổ thông theo từng môn học, khối học như:

Khối A học các môn: Toán, Lý, Hóa, tiếng Anh, Tin học, tiếng Việt, Giáo dục công dân (GDCC) và giáo dục thể chất (GDTC).

Khối A1 học các môn: Toán, Lý, tiếng Anh, Tin học, tiếng Việt, GDCC và GDTC.

Khối B học các môn: Toán, Sinh, Hóa, tiếng Anh, Tin học, tiếng Việt, GDCC và GDTC.

Khối C học các môn: Văn - Tiếng Việt, Sử, Địa, tiếng Anh, Tin học, GDCC và GDTC.

Khối D học các môn: Toán, Văn-Tiếng Việt, tiếng Anh, Tin học, GDCC và GDTC.

Chương trình cũng được thông báo đến từng học sinh thông qua Sổ tay sinh viên - học sinh.

3.2.2 Những điểm mạnh

Chương trình giáo dục thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý và được thiết kế một cách hệ thống, khoa học đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng cho hầu hết các học sinh vào các học trường đại học theo từng khối, ngành.

Chương trình cũng chú ý rèn luyện học sinh lý thuyết kết hợp với thực hành. Trường có các phòng thí nghiệm của các bộ môn Hóa học, Vật lý, Sinh học để giúp học sinh nâng cao năng lực thực hành.

3.2.3 Tồn tại

Chương trình Dự bị đại học được thiết kế theo hệ thống kiến thức phổ thông trung học hiện hành, vì thế, chương trình DBĐH cũng không thể tránh khỏi những hạn chế của chương trình phổ thông hiện hành.

Chương trình chỉ phù hợp cho đa số học sinh có kiến thức nền tảng từ trung bình khá trở lên. Đối với học sinh đã mất kiến thức nền tảng nhiều thì khó có thể hoàn tất chương trình trong thời gian hạn định là 28 tuần.

Việc lấy ý kiến góp ý của các cựu học sinh về chương trình đào tạo của Trường chưa được tổ chức một cách hệ thống và thường xuyên.

3.2.4 Kế hoạch hành động

Nhà trường sẽ kịp thời cập nhật hoặc điều chỉnh chương trình Dự bị đại học theo sự thay đổi của chương trình phổ thông và cách thức tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đăng tải chương trình DBĐH công khai trên website của Trường để các học sinh, phụ huynh, các nhà giáo dục và những người quan tâm theo dõi, góp ý.

Nhà trường sẽ tổ chức ý kiến góp ý của các cựu học sinh về chương trình đào tạo của Trường thông qua các diễn đàn trên trang web và hộp thư điện tử của Trường.

Nhà trường sẽ tổ chức hội thảo lấy ý kiến về chương trình đào tạo để sau khóa học, Trường rút kinh nghiệm nhằm giúp học sinh có thể đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng theo học các chương trình ở bậc đại học.

3.2.5. Tự đánh giá: đạt.

Tiêu chí 3.3. Chương trình giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

3.3.1 Mô tả

Chương trình của các môn, giáo trình của các môn học được thiết kế và biên soạn đầy đủ theo đúng Đề cương chi tiết 11 môn học dự bị đại học ban hành kèm Thông tư số 48/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và bám sát chuẩn kiến thức theo sách giáo khoa do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát hành.

3.3.2 Những điểm mạnh

Chương trình đảm bảo tính liên thông cũng như kiến thức nền tảng cho học sinh theo học các trường đại học sau khi học xong năm dự bị đại học. Ngoài ra, các giáo trình cũng như chương trình giáo dục cũng được cập nhật thường xuyên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo khảo sát của Trường DBĐH TP. HCM năm học 2010-2011, Trường DBĐH TP. HCM đã xét chuyên 345 học sinh hệ DBĐH Dân tộc vào 13 trường đại học, có 339 nhập học. Kết quả sau năm học thứ nhất: Bỏ học, lưu ban 65 (19,1%); lên lớp 274 (80,9%), trong đó: Giỏi 18 (6,5%), khá 48 (17,5%), trung bình khá 56 (20,4%), trung bình 152 (55,5%).

Năm học 2005-2006 và năm học 2007-2008, Trường DBĐH TP. HCM đã xét chuyên 286 học sinh hệ Dự bị đại học, tỷ lệ 56,99%; số còn đang học 106, tỷ lệ 37,06%; có 17 sinh viên bỏ học hoặc bị buộc thôi học, tỷ lệ 5,94%.

Kết quả trên là sự minh chứng rõ rệt cho hiệu quả đào tạo của Trường.

3.3.3 Tồn tại

Trong quá trình biên soạn, một số giáo trình ở một số môn học còn có những sai sót nhỏ, chủ yếu là lỗi hình thức. Trong các năm học tới, các giáo trình cần chỉnh sửa và biên tập lại cho hoàn thiện hơn.

3.3.4 Kế hoạch hành động

Mỗi năm, các bộ môn cần ra soát lại giáo trình giảng dạy để cập nhật nội dung và hiệu đính các lỗi trong các giáo trình.

3.3.5 Tự đánh giá: đạt.

KẾT LUẬN

Chương trình đào tạo của Trường Dự bị đại học đã đáp ứng được yêu cầu bồi dưỡng, củng cố, hệ thống kiến thức, giúp học sinh trang bị kiến thức nền tảng phổ thông phù hợp để vào học các chương trình ở bậc Đại học thuộc hệ thống giáo dục Việt Nam.

Tiêu chuẩn 4: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

MỞ ĐẦU

Trường Dự bị đại học TP. HCM đào tạo các đối tượng thuộc diện ưu tiên trong chính sách tuyển sinh, nhằm thực hiện chủ trương công bằng xã hội, thúc đẩy phát triển vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Các đối tượng trên được tuyển chọn vào học DBĐH một năm; cuối năm học, nếu đạt yêu cầu theo quy định sẽ được chuyển vào học ở các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Đối tượng theo học thuộc hầu hết ở các tỉnh trong cả nước và hiện nay chủ yếu là dân tộc ít người ở các vùng đặc biệt khó khăn. Đó là những người sinh sống ở những nơi chịu nhiều thiệt thòi, thiếu thốn, nhưng thụ hưởng phúc lợi xã hội ít nhất. Với các đối tượng trên, hoạt động đào tạo của Trường được thiết kế sao cho phù hợp với đặc thù của từng đối tượng.

Cán bộ, giảng viên, công nhân viên của Trường có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tích cực học hỏi, có tinh thần cầu tiến và Nhà trường luôn có sự chuẩn bị tốt về đội ngũ giảng viên các môn học, nhất là nhân lực có trình độ cao như tiến sỹ, thạc sỹ. Bên cạnh việc cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, Trường còn tuyển dụng thêm nhân lực trẻ có trình độ giỏi, khá, đáp ứng nhu cầu giảng dạy của Trường.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.

4.1.1. Mô tả

Các hệ DBĐH ở Trường DBĐH TP. HCM gồm có: hệ Dự bị đại học Chính quy (từ 1976), hiện nay đã không còn nguồn tuyển, hệ Dự bị đại học Dân

tộc (từ 1990), hệ Dự bị đại học Cử tuyển (1998) và mới nhất là hệ xét tuyển thẳng theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ (từ 2012). Với mỗi hệ trên, Nhà trường đều có hình thức tuyển chọn, tổ chức bồi dưỡng và xét tuyển vào học trình độ đại học khác nhau. Riêng học sinh hệ Dự bị đại học Dân tộc còn được xét tuyển vào học trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

Ngoài các hệ trên, Trường còn đào tạo ngoại ngữ cho các du học sinh Việt Nam trước khi đến nước ngoài học tập từ năm 1977 và dạy tiếng Việt cho lưu học sinh các nước từ năm 2005 (*chủ yếu là lưu học sinh Lào và Campuchia*).

Trường có quy trình tuyển sinh cho từng hệ đào tạo, được xây dựng chi tiết. Công tác tuyển sinh của Trường thực hiện rất tốt và đã không để xảy ra vụ việc gì sai quy chế, đảm bảo được tính minh bạch, công bằng, khách quan.

4.1.2 Những điểm mạnh

Trường Dự bị đại học TP. HCM dạy đầy đủ các loại hình Dự bị đại học, đáp ứng được tính đa dạng và yêu cầu học tập của người học.

4.1.3 Tồn tại

Hệ Dự bị đại học Chính quy hiện nay đã không còn nguồn tuyển.

Hệ xét tuyển thẳng dành cho học sinh các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ còn khá mới, do đó, có nhiều trường đại học, cao đẳng không nắm được thông tin rằng Trường Dự bị đại học TP. HCM có dạy bồi dưỡng kiến thức cho hệ này.

Hệ Dự bị đại học Cử tuyển thường tuyển sinh rất chậm nên ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo chung của Trường Dự bị đại học TP. HCM.

4.1.4 Kế hoạch hành động

Gởi công văn thông tin rộng rãi đến các trường đại học, cao đẳng về các hình thức đào tạo đa dạng của Trường Dự bị đại học TP. HCM.

Đăng trên website của Trường về các loại hình đào tạo, thời gian tuyển sinh và chương trình đào tạo.

4.1.5 Tự đánh giá: đạt.

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

4.2.1 Mô tả

Trước đây Trường áp dụng Quy chế số 09/2005/QĐ-BGD&ĐT và hiện nay là Quy chế số 25/2010/TT-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các hệ Dự bị đại học của Trường. Theo đó, học chế được quy định là niên chế. Kết quả từng học kỳ, cả khóa học của học sinh được xác định dựa trên cơ sở xét kết quả từng học phần, học kỳ và sử dụng công thức tính điểm trung bình chung. Đặc điểm nổi bật của học chế này là, cho đến cuối khóa học, chỉ những học sinh tham gia đầy đủ các học phần quy định cho khóa học mới được xét tuyển vào đại học, cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp.

4.2.2 Những điểm mạnh

Cũng do tính đặc thù của trường Dự bị đại học là thời gian học chỉ có 28 tuần nên Trường thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần. Thực tế, việc đánh giá kết quả học tập theo niên chế kết hợp với học phần đáp ứng tốt nhu cầu và tạo sự thuận lợi của người học.

4.2.3 Tồn tại

Do tính đặc thù khách quan nên việc chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ là không khả thi.

4.2.4 Kế hoạch hành động

Tiếp tục thực hiện tốt quy trình đào tạo theo niên chế.

4.2.5 Tự đánh giá: đạt.

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

4.3.1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các hội thảo về “Đổi mới phương pháp giảng dạy”, qua đó định hướng đổi mới và quán triệt đến các giảng viên trong toàn trường, phát huy tính tích cực, chủ động của người học. Trường có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường và bộ môn về lĩnh vực này và được giảng viên áp dụng vào giảng dạy một cách hiệu quả. Hầu hết các giảng viên đều có ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Nhằm hỗ trợ cho các phương pháp giảng dạy tích cực, Trường đã tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy như trang bị đèn chiếu, máy tính.

Trường đã triển khai việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên qua hình thức:

- Đưa tiêu chí về năng lực vào hệ thống tuyển dụng giảng viên và xem đây là tiêu chí cơ bản nhất trong việc tuyển dụng.

- Đưa tiêu chí về hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên cơ hữu vào hệ thống đánh giá thi đua toàn trường.

- Thông qua lấy ý kiến của người học về giảng viên để đánh giá hiệu quả các phương pháp giảng dạy, rút kinh nghiệm và phát huy hiệu quả hơn phương pháp giảng dạy cho năm học kế tiếp.

- Những thông tin phản hồi của người học được thu thập qua trao đổi trực tiếp hoặc qua hệ thống hộp thư, e-mail của Trường đã góp phần thúc đẩy giảng viên ý thức rõ hơn về trách nhiệm của mình, tích cực rút kinh nghiệm cũng như đầu tư vào việc cải tiến phương pháp giảng dạy.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể của người học bằng những hình thức như tổ chức giờ tự học cho học sinh nội trú, trực giải đáp các vấn đề chuyên môn cho học sinh tại văn phòng các bộ môn.

4.3.2 Những điểm mạnh

Trường luôn quan tâm thực hiện việc đổi mới phương pháp giảng dạy, qua đó đã phát huy tính tích cực, chủ động của người học.

Trường đầu tư mạnh về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy.

Nhân rộng điển hình những cá nhân, tập thể tích cực trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy và có những sáng kiến kinh nghiệm.

Tiếp tục phát huy các mặt mạnh trong hoạt động đào tạo.

4.3.3 Tồn tại

Do đặc thù của Trường, vấn đề tự nghiên cứu và làm việc tập thể của người học còn nhiều hạn chế.

4.3.4 Kế hoạch hành động

Tiếp tục tiến hành khảo sát định kỳ ý kiến của học sinh – sinh viên về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy và quản lý.

Xây dựng hệ thống các quy định chung về kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên làm cơ sở cho công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ.

Bước đầu xây dựng phong trào NCKH trong học sinh làm tiền đề để học sinh phát huy NCKH ở trường đại học, cao đẳng sau này.

4.3.5. Tự đánh giá: đạt.

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

4.4.1 Mô tả

Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh đại học và quy chế tuyển chọn, tổ chức bồi dưỡng và xét tuyển vào học trình độ đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đối với học sinh hệ dự bị đại học ban hành kèm Thông tư số 25/2010/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã ban hành Quy định về thi và kiểm tra, đảm bảo tính nghiêm túc,

khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo và hình thức học tập của Trường [H2.04.04.14].

Mỗi kỳ kiểm tra, thi của Trường đều tổ chức dưới hình thức tập trung, mỗi học sinh đều được đánh số báo danh. Ngoài ra, công tác ra đề thi cũng được đảm bảo tính bảo mật, công bằng, khách quan. Đề thi và hình thức thi đảm bảo đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực giải quyết vấn đề. Công tác coi thi, chấm thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, thống nhất cho các khóa, hệ tại Trường. Mỗi kỳ thi đều có sự giám sát của cán bộ Thanh tra của Nhà trường.

4.4.2 Những điểm mạnh

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá theo đúng hình thức thi tuyển sinh đại học, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập của Nhà trường.

4.4.3 Tồn tại

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá chưa được đa dạng, chưa đánh giá được sự đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo.

4.4.4 Kế hoạch hành động

Từng bước xây dựng, quản lý và đánh giá ngân hàng đề thi, xây dựng chuẩn mực độ khó của đề thi.

4.4.5 Tự đánh giá: đạt.

Tiêu chí.4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

4.5.1 Mô tả

Công tác quản lý, lưu trữ kết quả học tập của người học được cập nhật tại phòng Đào tạo bằng cả hai hệ thống song song: Hệ thống quản lý sổ sách và phần mềm quản lý chuyên dụng. Điều này đảm bảo tính chính xác trong quản lý, thuận lợi cho việc báo cáo, giải quyết các vấn đề liên quan đến kết quả học tập

của người học. Sau mỗi kỳ thi và kiểm tra, Trường đều công bố công khai kết quả thi cho người học và gửi kết quả về gia đình.

Các thắc mắc của người học về kết quả thi đều được giải đáp thông qua Phòng Đào tạo. Quy trình giải quyết khiếu nại về điểm được thực hiện theo quy định chấm phúc khảo.

4.5.2 Những điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, công khai và được lưu trữ đầy đủ, chính xác, an toàn.

4.5.3 Tồn tại

Hệ thống mạng máy tính nội bộ dành cho người học tra cứu kết quả học tập trực tiếp chưa được triển khai.

4.5.4 Kế hoạch hành động

Đưa kết quả kiểm, thi lên mạng của Trường qua đó giúp học sinh dễ dàng tra cứu kết quả học tập.

4.5.5 Tự đánh giá: đạt.

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp.

4.6.1 Mô tả

Cuối mỗi khóa học, Trường có quy trình phân ngành, trường cho các học sinh đạt yêu cầu vào đại học một cách khoa học, công khai, minh bạch có ứng dụng phần mềm được Phòng Đào tạo thiết kế riêng, giúp công tác chọn ngành, trường của học sinh được nhanh chóng và giúp công tác quản lý được hiệu quả hơn.

Mọi hoạt động đào tạo của Nhà trường đều được lưu trữ trên hệ thống máy tính có sử dụng phần mềm quản lý chuyên dụng với cơ sở dữ liệu SQL.

4.6.2 Những điểm mạnh

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được lưu trữ đầy đủ trên hệ thống máy tính có sử dụng phần mềm quản lý chuyên dụng.

Việc xét tuyển học sinh đạt yêu cầu vào các trường đại học được thực hiện công khai, minh bạch có ứng dụng phần mềm giúp công tác chọn ngành, trường của học sinh được nhanh chóng, dễ dàng.

4.6.3 Tồn tại

Việc xét tuyển học sinh vào các trường đại học, cao đẳng chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa Trường Dự bị đại học TP. HCM và các trường đại học, cao đẳng liên quan.

4.6.4 Kế hoạch hành động

Từ năm học 2013-2014, Trường Dự bị đại học TP. HCM sẽ gửi công văn đề nghị chỉ tiêu xét tuyển đến các trường đại học, cao đẳng liên quan để xác định rõ ràng chỉ tiêu từng ngành qua đó tạo thuận lợi cho quy trình xét tuyển, phân ngành vào trường đại học, cao đẳng vào cuối năm học.

4.6.5 Tự đánh giá: đạt.

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

4.7.1 Mô tả

Nhà trường đã thành lập Đơn vị đảm bảo chất lượng nhằm tham mưu cho Ban giám hiệu chuyên môn hóa quy trình kiểm tra đánh giá và kiểm định chất lượng.

Trung bình 2 đến 3 năm, Trường đều có khảo sát kết quả học tập của số sinh viên được Trường gửi đến các trường đại học qua đó có đánh giá hiệu quả về hoạt động đào tạo nhằm rút kinh nghiệm, cải tiến các hoạt động giảng dạy được tốt hơn.

4.7.2 Những điểm mạnh

Trường có thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi được chuyển vào các trường đại học và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

4.7.3 Tồn tại

Chưa có đầy đủ các số liệu thống kê hằng năm về số sinh viên được Trường gửi đến các trường đại học.

Việc khảo sát đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học chưa thực hiện được liên tục và thường xuyên.

4.7.4 Kế hoạch hành động

Đơn vị đảm bảo chất lượng sẽ có kế hoạch khảo sát, đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi chuyển vào các trường đại học và điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp yêu cầu của xã hội.

4.7.5 Tự đánh giá: đạt.

KẾT LUẬN

Tiêu chuẩn về hoạt động đào tạo và các tiêu chí đánh giá của nó qua phân tích, đánh giá, thực hiện cho thấy hoạt động đào tạo đóng vai trò rất quan trọng. Nhà trường đã có nhiều giải pháp cải tiến khoa học đảm bảo tính công khai, minh bạch, dân chủ, chính xác để công tác đào tạo ngày càng hoàn thiện.

Tiêu chuẩn 5: ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

MỞ ĐẦU

Trường Dự bị đại học TP. Hồ Chí Minh có đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên đảm bảo yêu cầu về số lượng, chuyên môn và phẩm chất đạo đức, đặc biệt, đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm trong giảng dạy. Trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt các văn bản quy định có liên quan công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ theo quy trình và tiêu chí rõ ràng minh bạch. Trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên được đi học bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của Trường được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, quy trình hướng dẫn về công tác bổ nhiệm cán bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiêu chí 5.1: Trường Dự bị đại học có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu và phù hợp điều kiện cụ thể của nhà trường; có qui trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

5.1.1 Mô tả

Trường Dự bị đại học TP. HCM chủ trương xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo tinh thần “Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm”. Thực hiện chủ trương đó, Trường có kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch đối với đội ngũ giảng viên và nhân viên, bổ nhiệm quản lý phù hợp với các vị trí công việc, điều này được thể hiện:

Về công tác tuyển dụng nhân sự:

Công tác tuyển dụng đội ngũ giảng viên và viên chức của Trường được Đảng ủy, Ban giám hiệu quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ. Việc tuyển dụng cán bộ, viên chức của Trường chủ yếu thay thế các CB - VC nghỉ hưu hoặc căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm hàng năm. Xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị, Hội đồng Tuyển dụng của Trường được thành lập để xét duyệt chỉ tiêu tuyển dụng [H3.05.01.15] và xin ý kiến của Bộ giáo dục và Đào tạo. Kế hoạch thi tuyển nêu rõ yêu cầu, tiêu chuẩn, số lượng cần tuyển dụng, ngày giờ, nội dung thi tuyển và được công bố công khai trên website của Trường, trên báo Sài Gòn giải phóng và được gửi đến các trường đại học ở TP. HCM trước kỳ thi ít nhất 30 ngày [H3.05.01.16].

Trường có sự chuẩn bị chu đáo và thực hiện nghiêm túc quy trình tuyển dụng từ lập kế hoạch tuyển dụng, thành lập Hội đồng thi tuyển, thành lập Tổ thư ký hội đồng, lên lịch thi, tổ chức thi tuyển, tiếp nhận, đánh giá thử việc, cho đến quyết định bổ nhiệm vào các ngạch sau thời gian tập sự. Quy trình thử việc cũng

được thực hiện theo đúng các quy định đối với từng ngạch giảng viên và chuyên viên [H3.05.01.17].

Trong những năm qua, Trường đã thực hiện tốt các quy định và quy trình tuyển dụng nên công tác tuyển dụng đã vào nề nếp; qua đó, giúp cho các đơn vị bộ môn, phòng, ban và Nhà trường chủ động trong việc tuyển dụng giảng viên và nhân viên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

Bảng 5.1: Số lượng tuyển dụng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên từ năm 2005 đến nay.

Đơn vị tính: người

Năm	2005	2008	2009	2010	2012
Số thí sinh dự thi	08	18	21	15	34
Chỉ tiêu tuyển dụng	08	18	12	11	10
Số được tuyển dụng	08	13	08	07	07

Nguồn: Phòng Tổ chức - Hành chính- Chính trị.

Về công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ:

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác quy hoạch cán bộ, Trường đã triển khai tốt công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo cấp trường thông qua việc thành lập Ban chỉ đạo công tác quy hoạch cán bộ và Tổ công tác thực hiện triển khai quy hoạch cán bộ, xây dựng kế hoạch, quy trình triển khai... [H3.05.01.18]. Quy trình triển khai công tác quy hoạch cán bộ được tổ chức chặt chẽ: lấy ý kiến thăm dò toàn thể cán bộ - viên chức, giảng viên, chi bộ liên quan, tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt mở rộng cấp trường, Đảng ủy thông qua danh sách cán bộ quy hoạch, sau đó báo cáo Bộ và Đảng ủy Khối các trường đại học – cao đẳng và TCCN. Vì thế, Trường đã quy hoạch được một đội ngũ cán bộ lãnh đạo đủ tiêu chuẩn, có phẩm chất và năng lực quản lý, đáp ứng được yêu cầu.

Công tác bổ nhiệm cán bộ của Trường được tiến hành một cách nghiêm túc, đúng tiêu chuẩn, quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch. Trường luôn tuân thủ quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý theo Quyết định số 5099/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 290/QĐ-DBĐH ngày 24/10/2012 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Trường có các văn bản triển khai như: Nghị quyết của Đảng ủy về công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý; Kế hoạch triển khai của Trường; Hướng dẫn các đơn vị tổ chức họp về công tác lấy thư giới thiệu (bổ nhiệm mới) hoặc phiếu tín nhiệm (bổ nhiệm lại) đối với các chức danh quản lý của Trường theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng. Do vậy, Trường đã bổ nhiệm được các cán bộ quản lý phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ tại các vị trí công tác được bổ nhiệm.

5.1.2 Những điểm mạnh

Trường Dự bị đại học TP. HCM đã tuân thủ các văn bản chỉ đạo và thực hiện tốt các quy định có liên quan đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ cho nên công tác này luôn đạt hiệu quả cao, tạo được sự đoàn kết nhất trí trong toàn trường, không xảy ra trường hợp thắc mắc, khiếu kiện, phe nhóm cục bộ, mất đoàn kết. Trường luôn có đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên có năng lực đáp ứng được việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu của Trường.

5.1.3 Tồn tại

Hiện nay, Trường có một số giảng viên do bộ môn phân công không đủ giờ chuẩn nên phải làm công tác kiêm nhiệm tại các phòng chức năng, ký túc xá; có một số bộ môn biên chế đủ giảng viên nhưng do nhiều giảng viên phải kiêm nhiệm công tác quản lý nên còn thiếu một số giảng viên, cần phải sớm tuyển dụng thêm.

5.1.4 Kế hoạch hành động

Trường sẽ tổ chức hội thảo đánh giá về công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

5.1.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường.

5.2.1 Mô tả

Trường Dự bị đại học TP. HCM luôn tạo môi trường dân chủ để cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, học sinh – sinh viên tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi đối với mọi hoạt động của Nhà trường. Hệ thống chính trị trong Nhà trường (Đảng ủy - Ban giám hiệu - Công đoàn - Đoàn TNCS HCM, Hội cựu chiến binh) đã thể hiện được vai trò chức năng của mình, luôn tạo được môi trường dân chủ, đoàn kết nhất trí cùng chung một mục tiêu xây dựng và phát triển Nhà trường.

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của cán bộ, viên chức trong Trường, Nhà trường đã ban hành “Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của nhà trường”. Trường cũng đã tổ chức nhiều hình thức thu thập thông tin lấy ý kiến phản ánh của giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên, học sinh - sinh viên như: đặt các thùng thư góp ý tại một số phòng ban, đơn vị trong Trường (Phòng Đào tạo, Văn phòng Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ký túc xá...). Thứ tư hàng tuần, Hiệu trưởng trực tiếp tiếp CB-VC, học sinh – sinh viên, phụ huynh học sinh, ... Phòng giáo viên luôn có sổ góp ý để giảng viên, viên chức phản ánh những vấn đề còn tồn tại của Trường. Ngoài ra, Ban chấp hành Công đoàn và các tổ công đoàn luôn gần gũi, quan tâm và lắng nghe ý kiến của cán bộ, viên chức và phản ánh kịp thời đến Ban giám hiệu. Các lớp học, hàng tuần đều có tiết sinh hoạt chủ nhiệm để học sinh phản ánh, góp ý, ...; Phòng Đào tạo tập hợp ý kiến để các đơn vị liên quan trả lời cho học sinh vào tuần sinh hoạt chủ nhiệm kế tiếp.

Qua các hình thức trên, lãnh đạo Nhà trường và các đơn vị, phòng ban chức năng đã nhận được thông tin phản ánh của CB-VC, HS-SV liên quan đến

hoạt động của Nhà trường, nên đã kịp thời điều chỉnh, khắc phục những mặt còn hạn chế. Hằng năm, Trường đều tổ chức ba hội nghị CB-VC: đầu năm học, sơ kết học kỳ I và tổng kết cuối năm học để các đơn vị đề ra phương hướng hoạt động, sơ kết và tổng kết công tác, đồng thời, đây là dịp để CB-VC phát biểu ý kiến của mình về mọi lĩnh vực của Trường.

Về hoạt động của Ban Thanh tra: Hằng năm đều có chương trình công tác và báo cáo kết quả tại hội nghị CB-VC. Ban Thanh tra của Trường đã thể hiện được chức năng, nhiệm vụ trong vai trò giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ; nghị quyết hội nghị CB-VC; chế độ, chính sách Nhà nước; các quy định của Nhà trường; nhận và tham gia giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có).

5.2.2 Những điểm mạnh

Trong những năm qua, lãnh đạo Nhà trường (Đảng, chính quyền, các đoàn thể) từ cấp trường đến các đơn vị đã luôn quán triệt và quan tâm, coi trọng “Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường”. Đây là cơ sở để CB-VC phát huy quyền dân chủ của mình trong mọi hoạt động của Nhà trường.

5.2.3 Tồn tại

Một số CB-VC chưa quan tâm phát huy quyền dân chủ trong việc thực hiện “Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường”.

5.2.4 Kế hoạch hành động

Tiếp tục phát huy việc thực hiện “Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường” dưới nhiều hình thức: hội họp, sơ kết, tổng kết năm học, góp ý thông qua các đoàn thể, ...

5.2.5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.3: Nhà trường có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước.

5.3.1 Mô tả

Trong những năm qua, Đảng ủy, Ban giám hiệu đã có những quy định về các chế độ, chính sách tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính để đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ cả trong và ngoài nước. Cụ thể, Trường hỗ trợ học phí, giảm số giờ nghiên cứu khoa học; trong Quy chế chi tiêu nội bộ có quy định khen thưởng khi thi đậu đầu vào bậc cao học, tiến sĩ..., cấp tiền tài liệu, khen thưởng khi tốt nghiệp đối với cán bộ - viên chức, giảng viên tham gia học tập tất cả các trình độ (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ). Nhà trường cũng yêu cầu giảng viên trẻ sau 5 năm làm việc tại Trường phải có bằng thạc sĩ, khuyến khích giảng viên học bậc tiến sĩ để chuẩn bị đội ngũ cho việc nâng cấp Trường thành trường đại học Dân tộc, thực hiện Tầm nhìn đến năm 2025.

Trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó quy định tất cả các mức kinh phí hỗ trợ cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. Trong những năm qua, Trường Dự bị đại học TP. HCM đã cử rất nhiều cán bộ quản lý, giảng viên đi đào tạo bồi dưỡng và cấp kinh phí lớn cho lĩnh vực này. Hiện tại trường đã có: 02 tiến sĩ, 35 thạc sĩ và 02 đang là nghiên cứu sinh (trong đó có 01 đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ vào ngày 12/12/2013).

5.3.2 Những điểm mạnh

Trường có các quy định và kế hoạch hỗ trợ hợp lý cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước.

5.3.3 Tồn tại

Một số giảng viên sau khi học xong chuyển công tác vì các lý do riêng, chủ yếu là đoàn tụ gia đình, ít nhiều gây khó khăn cho công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên mới cho Trường. Mặt khác, Trường chưa tổ chức hội nghị đánh giá lại hoạt động tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn.

5.3.4 Kế hoạch hành động

Tiếp tục thực hiện tốt việc điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn trong và ngoài nước.

Xem xét nguồn ngân sách để tăng kinh phí cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ cho sự phát triển và hội nhập của Trường trong giai đoạn mới.

5.3.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.4: Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ và hoàn thành công việc được giao.

5.4.1 Mô tả

Trường Dự bị đại học TP. HCM đã xây dựng các văn bản về tiêu chuẩn từng chức danh cán bộ quản lý từ phó, trưởng các bộ môn, đơn vị đến Phó hiệu trưởng, Hiệu trưởng.... Trường có đội ngũ cán bộ quản lý với cơ cấu hợp lý, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

Trên cơ sở tiêu chuẩn cho từng vị trí quản lý, Trường đã thực hiện tốt công tác bổ nhiệm cán bộ cho từng nhiệm kỳ. Hầu hết cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có năng lực quản lý và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Vì vậy, nhiều tập thể và cá nhân trong Trường được tặng thưởng nhiều bằng khen các cấp, danh hiệu chiến sĩ thi đua, và Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, Kỷ niệm chương vì sự phát triển các dân tộc. Mặt khác, Nhà trường cũng duy trì chế độ kiểm tra giám sát, nhờ đó đã phát hiện, xử lý kịp thời và nghiêm khắc với những cán bộ vi phạm kỷ luật.

5.4.2 Những điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn, hoàn thành nhiệm vụ được giao, được CB-VC và HS-SV tín nhiệm cao.

5.4.3 Tồn tại

Chưa có văn bản đánh giá về hiệu quả công tác của các cán bộ quản lý.

5.4.4 Kế hoạch hành động

Tiếp tục phát huy năng lực của cán bộ quản lý và tổ chức tổng kết đánh giá về hiệu quả công tác của cán bộ quản lý vào cuối mỗi năm học.

5.4.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.5: Có đủ số lượng giảng viên cơ hữu để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học, có cơ cấu đội ngũ giảng viên hợp lý.

5.5.1 Mô tả

Nhà trường đã xây dựng cơ cấu đội ngũ giảng viên tương đối phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường. Đội ngũ giảng viên của Trường hiện nay có 57 người trong đó có 51 giảng viên cơ hữu, và 06 giảng viên thỉnh giảng.

Đội ngũ giảng viên của Trường có cơ cấu tương đối hợp lý về thâm niên, tuổi đời, trình độ chuyên môn, chuyên ngành... và đây chính là nguồn lực quan trọng để thực hiện tốt chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học trong những năm qua [H3.05.05.19].

Tỷ lệ học sinh – sinh viên trên 1 giảng viên là 24,124 học sinh/1 giảng viên.

5.5.2 Những điểm mạnh

Trường có đội ngũ giảng viên được đào tạo, được bồi dưỡng thường xuyên và liên tục, tỷ lệ giảng viên có học vị chiếm tỷ lệ cao và được trẻ hóa trong thời gian gần đây.

5.5.3 Tồn tại

Cơ cấu đội ngũ giảng viên đang có sự chênh lệch tỷ lệ nam và nữ.

5.5.4 Kế hoạch hành động

Trường tiếp tục chỉ đạo các bộ môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giảng viên kế thừa, tuyển dụng giảng viên có năng lực và đúng chuyên ngành đào tạo.

5.5.5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.6: Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ đào tạo và NCKH, tự chủ về học thuật.

5.6.1 Mô tả

Trường Dự bị đại học TP. HCM có nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo học sinh dân tộc ít người, tạo nguồn để đưa vào các trường đại học, cao đẳng; đào tạo cán bộ dân tộc cho vùng cao, vùng sâu, miền núi. Để thực hiện được mục tiêu trên, Trường đã không ngừng tăng cường đội ngũ giảng viên có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện nay, trường có 51 giảng viên cơ hữu tham gia trực tiếp giảng dạy; trong đó có 2 tiến sỹ, 35 thạc sỹ, 02 đang là nghiên cứu sinh tiến sỹ và 07 đang học cao học, 07 giảng viên chính. Ngoài ra, còn có 07 giảng viên hợp đồng thỉnh giảng. Hầu hết giảng viên của Trường biết ứng dụng tin học trong chuyên môn, sử dụng Powerpoint trong giảng dạy. Về trình độ ngoại ngữ của giảng viên, Trường hiện có hơn 50% giảng viên đạt trình độ C ngoại ngữ trở lên (chủ yếu là tiếng Anh).

Nhà trường luôn luôn tạo điều kiện về vật chất và tinh thần cho đội ngũ giảng viên phát huy quyền tự chủ về học thuật bằng cách khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, sinh hoạt học thuật hàng tháng tại bộ môn, viết giáo trình, tham gia các hội thảo, chương trình bồi dưỡng, tập huấn trong và ngoài nước.

5.6.2 Những điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên của Trường có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; tự chủ về học thuật.

5.6.3 Tồn tại

Đội ngũ giảng viên có trình độ trình độ tiến sỹ còn ít (2 tiến sỹ, 2 nghiên cứu sinh trong và ngoài nước).

5.6.4 Kế hoạch hành động

Tiếp tục tạo điều kiện để đội ngũ giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trong đó chú trọng trình độ tiến sỹ và khuyến khích giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học.

5.6.5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.7: Đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm công tác chuyên môn và được trẻ hóa.

5.7.1 Mô tả

Trường có đội ngũ giảng viên có chuyên môn vững, giàu kinh nghiệm trong công tác, đủ đáp ứng với yêu cầu giáo dục và đào tạo của Nhà trường. Đội ngũ giảng viên hiện nay đang trẻ hóa do được tuyển dụng bổ sung hàng năm. Đội ngũ giảng viên trẻ dưới 35 tuổi hiện nay là 37 người trên tổng số 51 giảng viên. Đây sẽ là đội ngũ kế thừa tốt trong tương lai của Trường.

Bảng 5.7: Bảng số liệu thâm niên công tác của đội ngũ giảng viên.

Thâm niên công tác	Số lượng
Dưới 5 năm	13
Từ 5 - 10 năm	11
Từ 11 - 15 năm	13
Từ 16 - 20 năm	04
Từ 25 năm	10

Nguồn: Phòng Tổ chức - Hành chính- Chính trị.

5.7.2 Những điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên của Trường có trình độ chuyên môn vững chắc và có kinh nghiệm trong công tác. Mặt khác, tỷ lệ giảng viên có thâm niên công tác chuyên môn cao, do đó, sẽ rất thuận lợi trong vấn đề chia sẻ kinh nghiệm trong công tác chuyên môn giữa các thế hệ.

5.7.3 Tồn tại

Một số giảng viên công tác ở Trường từ 2 – 3 năm lại chuyển công tác cho nên việc xây dựng đội ngũ kế thừa của trường đôi lúc còn bị động.

5.7.4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục triển khai kế hoạch tuyển dụng giảng viên trẻ đủ trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức để bổ sung vào đội ngũ của Trường nhằm đảm bảo cơ cấu về độ tuổi, thâm niên công tác góp phần vào sự phát triển của Trường trong tương lai.

5.7.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.8: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực nghiệp vụ và được định kỳ bồi dưỡng nâng cao năng lực.

5.8.1 Mô tả

Trường Dự bị đại học TP. HCM có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được đào tạo đúng chuyên môn hỗ trợ cho các cán bộ quản lý, giảng viên và người học sử dụng các trang thiết bị hiện đại, phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học, đáp ứng được yêu cầu hiện nay của Trường. Hằng năm, Phòng Quản trị - Thiết bị đều có văn bản phân công công tác cho từng nhân viên của phòng phụ trách những nội dung công việc cụ thể, kể cả trong giờ và ngoài giờ hành chính. Hàng tháng, lãnh đạo phòng tổ chức họp giao ban để giải quyết những vấn đề còn tồn tại nhằm đảm bảo phục vụ đào tạo, hỗ trợ giảng viên và cán bộ quản lý một cách tốt nhất.

5.8.2 Những điểm mạnh

Trường có đủ đội ngũ kỹ thuật viên được đào tạo đúng chuyên môn nghiệp vụ để hỗ trợ cán bộ quản lý, giảng viên và người học sử dụng các trang thiết bị, phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học.

5.8.3 Tồn tại

Số lượng kỹ thuật viên, nhân viên được đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn ít.

5.8.4 Kế hoạch hành động

Tiếp tục cử các nhân viên kỹ thuật đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5.8.5 Tự đánh giá: Đạt.

KẾT LUẬN

Trường Dự bị đại học TP. HCM xác định xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của Trường.

Về cơ bản, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của Trường hiện nay tương đối đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên

môn và ngày càng được trẻ hóa, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của Trường.

Trong thời gian gần đây, đội ngũ giảng viên, nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao trình độ, đại đa số có thể ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác chuyên môn.

Tuy nhiên, công tác xây dựng đội ngũ của Trường còn tồn tại một số điểm yếu cần khắc phục. Cơ cấu đội ngũ giảng viên đang có sự chênh lệch tỷ lệ nam và nữ; đội ngũ nhân viên được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn ít. Trường chưa tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ của Trường.

Để khắc phục những tồn tại trên, trong thời gian tới, Trường sẽ chủ động xây dựng kế hoạch và từng bước triển khai thực hiện chương trình xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của Trường đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và đảm bảo chất lượng, trong đó chú ý đội ngũ giảng viên trẻ và đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên.

Tiêu chuẩn 6: NGƯỜI HỌC

MỞ ĐẦU

Các hoạt động liên quan đến người học luôn được Nhà trường quan tâm, tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và đã đạt được những kết quả tốt. Trường đã cung cấp đầy đủ, kịp thời và thông tin rộng rãi các văn bản của Nhà nước, quy định, thông báo của Trường đến từng HS - SV, giúp HS - SV hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu khác về kiểm tra, đánh giá. Người học được đảm bảo các chế độ, chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước và được chăm sóc sức khỏe theo quy định y tế học đường, được tạo điều kiện hoạt động, tham gia các phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao, được đảm bảo an toàn trong trường học; người học hiểu biết và tôn trọng pháp luật, thực hiện tốt chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, chấp hành tốt quy chế đào tạo và quy chế rèn luyện.

Tiêu chí 6.1: Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.1.1 Mô tả

Đầu mỗi năm học Nhà trường đều tổ chức Tuần sinh hoạt công dân, học sinh – sinh viên. Trong tuần sinh hoạt này, học sinh - sinh viên được Nhà trường quán triệt quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản quy định của Trường. Học sinh - sinh viên được giới thiệu về Trường, về mục tiêu đào tạo, về chương trình học, Quy định về quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học tập của học sinh - sinh viên của Bộ và của Trường [H3.06.01.20]. Năm 2013, Trường cũng đã cung cấp cho HS - SV “Sổ tay học sinh - sinh viên”, trong đó nêu rõ phần lớn các quy chế, quy định, các quyền lợi và nghĩa vụ của học sinh - sinh viên trong suốt quá trình học tập tại Trường.

Công tác hướng nghiệp luôn được Nhà trường quan tâm và được tiến hành thường xuyên, vào đầu năm học, vào các buổi sơ kết kiểm tra, tổng kết học kỳ cũng như trong giờ sinh hoạt chủ nhiệm. Công tác này giúp học sinh – sinh viên định hướng được ngành nghề lựa chọn phù hợp với năng lực và sở thích của bản thân.

Sau mỗi đợt kiểm tra và thi Nhà trường tổ chức sơ kết, một mặt phổ biến lại những quy định, quy chế, chế độ chính sách cho học sinh - sinh viên, mặt khác giải đáp thắc mắc, kiến nghị và nhận những thông tin phản hồi từ học sinh - sinh viên.

Ngoài hệ thống bảng thông báo cho học sinh, sinh viên tại Trường, tại các đơn vị, bộ môn và mỗi lớp có một tập các văn bản, các quy chế, thông tư của Bộ, các quy định, hướng dẫn của Trường. Học sinh - sinh viên còn nhận được nhiều thông tin từ website của Trường.

Do được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về mục tiêu, chương trình đào tạo, chế độ chính sách, các yêu cầu về học tập, kiểm tra, đánh giá, người học hiểu rõ mục tiêu, chương trình đào tạo nên số HS-SV vi phạm nội dung về học tập trong các năm qua không đáng kể.

6.1.2 Những điểm mạnh

Trường đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản của Nhà nước, quy định, thông báo của Trường đến từng học sinh - sinh viên bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, giúp học sinh - sinh viên hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá.

6.1.3 Tồn tại

“Sổ tay học sinh- sinh viên” của Trường được cung cấp cho học sinh – sinh viên còn chậm, chỉ bắt đầu từ năm học 2013-2014.

6.1.4 Kế hoạch hành động

Tiếp tục phát huy các kênh thông tin đến học sinh - sinh viên.

6.1.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.2: Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường.

6.2.1 Mô tả

Ngay từ đầu năm học, trong Tuần sinh hoạt công dân, toàn thể học sinh - sinh viên của Trường đã được phổ biến đầy đủ và kịp thời các thông tin và văn bản về các chế độ chính sách xã hội của Nhà nước có liên quan đến HS - SV của. Toàn thể học sinh hệ Dự bị đại học Dân tộc của Trường đều được hưởng các chế độ, chính sách đúng theo quy định của Nhà nước; được cấp học bổng hàng tháng, được cấp trang phục, học phẩm, áo mưa, áo gió...; được thanh toán vé tàu xe... Ngoài ra, Nhà trường còn chủ động tìm những nguồn học bổng cho những học sinh có thành tích học tập tốt và xét trợ cấp đột xuất cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Trường có Bộ phận Y tế gồm 1 bác sĩ và 1 y sĩ thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám sức khỏe đầu năm học, công tác bảo hiểm y tế và công tác bảo hiểm tai nạn cho học sinh – sinh viên.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ; thể dục, thể thao được Trường tổ chức đều đặn hàng năm như: Hội thi văn nghệ chào mừng 20/11, hội thi hát karaoke các ca khúc cách mạng, lễ hội hóa trang chào mừng 26/3 và đặc biệt là lễ hội văn hóa các dân tộc Việt Nam 19/4..., các giải thi đấu thể thao. Với sự quan tâm chỉ đạo của Ban giám hiệu và sự đầu tư về kinh phí, các hoạt động này đã thu hút đông đảo học sinh - sinh viên tham gia. Trường có Nhà đa chức năng với sức chứa gần 1200 chỗ với hệ thống thiết bị âm thanh hiện đại phục vụ tốt cho các hoạt động văn hóa - văn nghệ của học sinh - sinh viên toàn trường.

Để đảm bảo công tác an ninh trật tự, Nhà trường chủ động phối hợp với công an và chính quyền địa phương quản lý, giáo dục học sinh – sinh viên nội trú tại Ký túc xá và xây dựng Nội quy ký túc xá [H3.06.02.21]. Bên cạnh đó, Ký túc xá cũng thành lập Ban tự quản là học sinh - sinh viên nhằm nắm bắt diễn biến về tư tưởng, nguyện vọng của học sinh - sinh viên để có biện pháp xử lý, giải quyết kịp thời góp phần giữ vững an ninh, trật tự trong Trường.

6.2.2 Những điểm mạnh

Học sinh - sinh viên của Trường được đảm bảo hưởng mọi chế độ, chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện cho các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao trong học sinh - sinh viên.

Học sinh - sinh viên có ý thức chấp hành tốt các quy chế, quy định của trường. Mặt khác, học sinh - sinh viên Trường luôn năng động, tích cực tham gia và đã đạt nhiều thành tích trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cấp địa phương và cấp trường.

6.2.3 Tồn tại

Phần lớn học sinh đến từ vùng sâu, vùng xa, có điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nhưng nguồn ngân sách Nhà trường có giới hạn nên không hỗ trợ được nhiều cho học sinh.

Việc học và kiểm tra của học sinh diễn ra liên tục, phần nào ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong Trường.

6.2.4 Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục đề xuất với các cấp lãnh đạo có nhiều chính sách hỗ trợ kinh phí nhằm nâng cao cơ sở vật chất cho Nhà trường và cho hoạt động học tập của học sinh – sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên.

6.2.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.3: Công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

6.3.1 Mô tả

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hàng năm vào đầu năm học trường tổ chức tuần lễ “Tuần sinh hoạt công dân, học sinh - sinh viên” cho toàn thể HS-SV của Trường với nội dung chương trình bao gồm: phổ biến các nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước; thông báo tình hình thời sự kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế; phổ biến các nội dung của Luật giáo dục, Luật giao thông đường bộ, Luật phòng chống ma túy... Kết thúc đợt học, mỗi học sinh - sinh viên phải làm bài thu hoạch.

Để thực hiện công tác đánh giá rèn luyện HS-SV, Trường thành lập Hội đồng đánh giá rèn luyện học sinh - sinh viên cấp trường; ban hành văn bản về nhiệm vụ và quyền hạn của giáo viên chủ nhiệm, văn bản hướng dẫn thực hiện đánh giá rèn luyện.

Công tác rèn luyện tư tưởng và đạo đức lối sống cho người học cũng được Đoàn Thanh niên Trường quan tâm và hàng năm, Đoàn Trường tổ chức nhiều hoạt động như: triển khai cho học sinh học tập 6 bài học lý luận chính trị cơ bản; triển khai thực hiện cuộc vận động “bốn xây, ba chống”; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử Đoàn...; thực hiện hành trình đến bảo tàng; thăm hỏi và phụng dưỡng các Mẹ Việt Nam anh hùng; tham gia phong trào hiến máu nhân đạo; tuyên dương sinh viên 5 tốt; chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh...

6.3.2 Những điểm mạnh

Trường luôn quan tâm sâu sát và tạo mọi điều kiện tốt nhất để người học tham gia các hoạt động rèn luyện tư tưởng, đạo đức và lối sống; thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá rèn luyện học sinh - sinh viên theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

Đa số học sinh - sinh viên của Trường đã có ý thức hơn trong học tập, rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh; tự giác tham gia các phong trào do Trường, các đoàn thể phát động và đạt các giải thưởng, nhận các bằng khen của Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh, của địa phương và của Trường.

6.3.3 Tồn tại

Số lượng các buổi báo cáo chuyên đề thời sự về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế cho học sinh - sinh viên hàng năm còn ít.

6.3.4 Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Trường sẽ tiếp tục thực hiện có hiệu quả, nâng cao công tác đánh giá kết quả rèn luyện và tạo môi trường cho HS-SV rèn luyện tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Tăng cường tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề về tình hình thời sự, kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và trên thế giới cho học sinh – sinh viên.

6.3.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.4: Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học

6.4.1 Mô tả

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của Trường trực thuộc Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh. Đoàn Trường gồm 2 chi đoàn giảng viên, cán bộ, nhân viên và các chi đoàn học sinh – sinh viên được tổ chức theo đơn vị lớp. Số lượng đoàn viên thay đổi hàng năm theo kết quả tuyển sinh của Trường.

Ban Chấp hành Đoàn Trường có 15 thành viên, trong đó 8 thành viên thuộc khối giảng viên, cán bộ, nhân viên và 7 thành viên là học sinh.

Trong mỗi nhiệm kỳ và từng năm học, Đoàn Trường đề ra những hoạt động chủ điểm, phù hợp với đối tượng HS-SV và nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của Trường.

Các hoạt động của Đoàn Trường được tổ chức phong phú, đa dạng trên nhiều lĩnh vực: học tập, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao... với mục đích vừa tập hợp toàn thể đoàn viên, thanh niên vào một sân chơi lành mạnh, bổ ích, vừa tạo ra môi trường giúp đoàn viên, thanh niên trưởng thành qua rèn luyện, tu dưỡng và phấn đấu.

Một số hoạt động chủ điểm của Đoàn Trường:

- Tổ chức hội thảo học tốt cấp chi đoàn, cấp Đoàn Trường, góp phần trang bị cho HS-SV phương pháp học tập khoa học.

- Sau mỗi đợt kiểm tra và thi, Đoàn Trường phối hợp với Phòng Đào tạo tổ chức gặp gỡ đối thoại giữa Ban giám hiệu, các phòng, ban, bộ môn với HS-SV để lắng nghe những ý kiến đóng góp cho công tác giảng dạy và phục vụ của Nhà trường. Đồng thời, qua đó Trường cũng đã thông tin cho HS-SV biết những vấn đề mà Nhà trường đang tiến hành nhằm giúp hoàn thiện quá trình giảng dạy, học tập và sinh hoạt của HS-SV.

- Tổ chức họp giao ban giữa Đoàn Trường với các chi đoàn học sinh 1 lần / tháng triển khai các hoạt động trong tháng và nắm bắt tình hình đoàn viên ở mỗi chi đoàn.

- Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn trong năm: Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3, lễ hội văn hóa các dân tộc Việt Nam 19/4...

- Tổ chức các phong trào đền ơn đáp nghĩa, hành trình về với bảo tàng, chăm lo mái ấm, nhà mở, phong trào hiến máu tình nguyện... nhằm giáo dục truyền thống, đạo đức, lối sống cho đoàn viên, thanh niên.

- Thành lập các câu lạc bộ học thuật, tổ chức các phong trào văn hóa, phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS-SV: làm thiệp, báo tường chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam; viết thư cho mẹ ngày 8/3; các cuộc thi đố vui, chinh phục kho tàng tri thức, viết nhật ký làm theo lời Bác...

- Chú ý vận động các nguồn học bổng hỗ trợ HS-SV có hoàn cảnh khó khăn; liên hệ Trung tâm hỗ trợ HS-SV của TP. Hồ Chí Minh xin hỗ trợ vé xe về đón Tết Nguyên đán cho HS-SV.

- Chú trọng chỉ đạo các chi đoàn thực hiện công trình thanh niên gắn liền với nhiệm vụ cải tiến kết quả học tập, bảo vệ môi trường, phát huy tinh thần tương thân, tương ái.

- Chú ý phát triển đoàn viên mới cũng như giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xét kết nạp.

- Tổ chức tiếp nhận, quản lý hồ sơ đoàn vụ, chuyển sinh hoạt Đoàn nhanh chóng, khoa học.

- Tích cực tham gia các hoạt động do Thành Đoàn cũng như đơn vị bạn tổ chức.

- Phân công các thành viên Ban Chấp hành Đoàn Trường trực văn phòng Đoàn hỗ trợ đoàn viên, thanh niên trong một số việc: học tập, hoạt động phong trào, những khó khăn trong cuộc sống...

Đảng ủy Trường hàng năm đều có tiếp nhận từ 3 đến 6 đảng viên là học sinh chuyển sinh hoạt Đảng về Trường; đảng viên học sinh được giới thiệu sinh hoạt chung với các chi bộ giảng viên. Đoàn TN Trường đều bố trí đảng viên học sinh làm nòng cốt trong Ban cán sự lớp, BCH Chi đoàn, BCH Đoàn Trường. Đảng viên học sinh thường học yếu, được các chi ủy phân công đảng viên giảng viên giúp đỡ, kèm cặp.

6.4.2 Những điểm mạnh

Đảng viên học sinh phát huy được vai trò là hạt nhân đoàn kết trong phong trào học tập, rèn luyện tại các lớp học.

Đoàn Thanh niên được lãnh đạo Đoàn cấp trên, Đảng ủy Trường và HS-SV đánh giá cao. Hầu hết HS-SV tham gia tích cực vào các hoạt động do Đoàn Trường tổ chức, vì các hoạt động này rất thiết thực, hiệu quả và có ý nghĩa, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của HS-SV. Với những hoạt động trên, Đoàn Thanh niên Trường được xếp loại là đơn vị xuất sắc nhiều năm liền.

6.4.3 Tồn tại

Đảng viên học sinh sinh hoạt ghép với các chi bộ giảng viên có nhiều nội dung không phù hợp, nhưng việc thành lập chi bộ HS-SV cũng khó thực hiện vì thời gian học sinh học tập tại Trường ngắn, khoảng 10 tháng. Cũng do thời gian học tập chưa đến một năm, nên Đảng ủy Trường không thể kết nạp được các đoàn viên ưu tú là HS-SV vào Đảng.

Đoàn thể: HS-SV chỉ học ở Trường một năm cùng với lịch học và thi dày đặc, gây khó khăn cho Đoàn Trường trong việc tổ chức các phong trào hoạt động, xây dựng đội ngũ cán bộ Đoàn kế thừa cũng như phát triển Đảng trong HS-SV.

6.4.4 Kế hoạch hành động

Đảng ủy Trường sẽ nghiên cứu thí điểm thành lập chi bộ HS-SV.

Tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống thông tin từ Đoàn Trường đến các chi đoàn nhằm giúp cho việc chỉ đạo thông suốt và kịp thời.

6.4.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.5: Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

6.5.1 Mô tả

Hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt của HS-SV là một nhiệm vụ quan trọng của Nhà trường trong quá trình đào tạo. Trong những năm qua mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, nhưng Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo sâu sát các đơn vị chức năng tìm các giải pháp phù hợp, tổ chức các hoạt động hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của học sinh - sinh viên.

Về cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy, quản lý, Trường có 42 phòng học, 4 phòng chức năng và một KTX, 7 văn phòng bộ môn.

Về cơ sở phục vụ cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật, Trường có Nhà đa chức năng với sức chứa gần 1200 chỗ ngồi, được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, ánh sáng phục vụ cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật của học sinh - sinh viên.

Về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động thể dục, thể thao, mặc dù, khuôn viên của Trường còn hạn chế về diện tích, nhưng Nhà trường luôn đề ra giải pháp thích hợp và tạo mọi điều kiện cho sinh viên luyện tập các hoạt động thể dục, thể thao. Học sinh – sinh viên có thể chơi cầu lông, bóng bàn trên Nhà đa chức năng vào mỗi buổi chiều từ 17h00 đến 19h00, có thể đá bóng dưới sân trường. Do được tạo điều kiện tốt, được sử dụng hoàn toàn miễn phí về cơ sở vật chất và được hỗ trợ kinh phí nên hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên và liên tục tại Trường.

Về điều kiện sinh hoạt, Ký túc xá của Trường có hơn 100 phòng ở, với sức chứa gần 1200 học sinh – sinh viên. Học sinh được ở miễn phí và được tạo mọi điều kiện để sinh hoạt và tự học tại ký túc xá. Cảnh - tin của Trường đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Học sinh – sinh viên được mua phiếu ăn trưa và chiều với giá 10.000 đồng/suất.

Mặt khác, hàng năm Đoàn Trường còn liên hệ Trung tâm hỗ trợ sinh viên của Thành phố xin hỗ trợ vé xe cho học sinh – sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được về quê đón Tết Nguyên đán. Trung bình mỗi năm học, số lượng vé xe được hỗ trợ là 150 vé.

6.5.2. Những điểm mạnh

Trường có sự quan tâm và tạo điều kiện tốt cho các hoạt động hỗ trợ HS-SV về vật chất và tinh thần.

Tận dụng tối đa nguồn cơ sở vật chất hiện có của Trường phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục, thể thao của học sinh - sinh viên.

Phát huy được nguồn lực tài chính từ các nhà hảo tâm và các doanh nghiệp trong việc trao học bổng khuyến học cho học sinh - sinh viên.

6.5.3 Tồn tại

Cơ sở vật chất của Trường còn hạn chế, ảnh hưởng ít nhiều đến các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của học sinh - sinh viên.

Chưa tận dụng hết nguồn lực hỗ trợ từ các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, đặc biệt, việc vận động hỗ trợ từ các cựu học sinh – sinh viên của Trường còn hạn chế.

6.5.4 Kế hoạch hành động

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, sinh hoạt và văn nghệ, thể dục, thể thao cho học sinh – sinh viên.

Đẩy mạnh hoạt động liên lạc với cựu sinh viên Trường, nhằm tận dụng nguồn lực của cựu học sinh - sinh viên hỗ trợ các hoạt động của Trường.

6.5.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.6: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

6.6.1 Mô tả

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo toàn diện cho người học, bên cạnh quá trình nâng cao chất lượng dạy và học, Nhà trường luôn chú trọng giáo dục người học tìm hiểu và tôn trọng luật pháp, nắm vững và có ý thức chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước và nội quy Nhà trường.

Hoạt động được tiến hành thông qua các buổi sinh hoạt chính trị đầu năm học, các tiết học môn Giáo dục công dân, các giờ sinh hoạt chủ nhiệm, các cuộc thi tìm hiểu, tuyên truyền pháp luật, các thông tin tuyên truyền trên áp phích, băng-rôn, trang web của Trường, bản tin nội bộ của Trường, Mỗi năm học Đoàn Trường đều phát động cuộc vận động “Đoàn viên gương mẫu trong học tập và chấp hành tốt nội quy Nhà trường” và qua đây các đoàn viên, thanh niên phải ký cam kết không vi phạm Luật giao thông đường bộ.

Hầu hết học sinh - sinh viên của Trường có nhận thức chính trị tốt, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Nhà trường có chế độ khuyến khích đối với các cán bộ đoàn, cán bộ lớp. Các học sinh - sinh viên tham gia công tác Đoàn, ban cán sự lớp hoàn thành nhiệm vụ sẽ được cộng điểm thưởng vào điểm rèn luyện.

6.6.2 Những điểm mạnh

Học sinh - sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Hầu hết học sinh – sinh viên thực hiện tốt các quy định của Nhà trường và chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; tỷ lệ sinh viên vi phạm nội quy rất thấp.

6.6.3 Tồn tại

Các hình thức phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến sinh HS-SV chưa đa dạng, chưa sinh động.

6.6.4 Kế hoạch hành động

Nhà trường sẽ tiếp tục tăng cường công tác giáo dục ý thức tự giác của học sinh - sinh viên trong việc nghiêm túc chấp hành luật pháp của Nhà nước, nội quy Nhà trường, Nội quy nội trú KTX, Quy chế rèn luyện.

6.6.5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.7: Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ học sinh đạt yêu cầu vào đại học.

6.7.1 Mô tả

Bên cạnh việc không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác hỗ trợ học sinh – sinh viên học tập nhằm nâng cao tỷ lệ vào đại học của học sinh. Cụ thể như sau:

Ban giám hiệu Nhà trường chỉ đạo các bộ môn và cử giảng viên trực để giải đáp thắc mắc và hướng dẫn học sinh giải quyết những khó khăn trong học tập tại văn phòng các bộ môn trong giờ làm việc. Sau mỗi đợt kiểm tra và thi, giảng viên lập danh sách các học sinh chưa đạt yêu cầu để có kế hoạch phụ đạo hợp lý. Mỗi năm học lãnh đạo Nhà trường cũng dành thời gian đến thăm các lớp để nắm bắt tư tưởng, tình cảm, tình hình học tập của học sinh để đề ra kế hoạch hoạt động phù hợp cho từng học kỳ.

Đoàn Thanh niên Trường cũng có nhiều giải pháp hỗ trợ học sinh học tập như: Tổ chức cho chi đoàn giảng viên trực tự học buổi tối tại Ký túc xá, giúp ôn

định tình hình học tập và sinh hoạt của học sinh; tổ chức hội thảo học tốt cấp chi đoàn và Đoàn Trường nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giữa giảng viên với học sinh – sinh viên và giữa học sinh – sinh viên với nhau về phương pháp học tập, giúp HS-SV tìm được phương pháp học tập khoa học; khuyến khích các chi đoàn học sinh thực hiện công trình thanh niên nâng cao kết quả học tập tại chi đoàn, lập các “đôi bạn cùng tiến”, “nhóm bạn cùng tiến”.... Ngoài ra, Đoàn Trường còn thành lập các câu lạc bộ học thuật (hiện trường có 3 câu lạc bộ học thuật: Câu lạc bộ Khoa học tự nhiên, câu lạc bộ Khoa học xã hội và câu lạc bộ Ngôn ngữ Việt – Lào – Campuchia), tổ chức các cuộc thi đố vui... góp phần hỗ trợ hoạt động học tập của HS-SV.

Phòng Đào tạo chỉ đạo đội ngũ giáo viên chủ nhiệm quan tâm đến tình hình học tập của HS-SV; tổ chức các buổi sơ kết sau kiểm tra và thi để thông tin kết quả cũng như nắm bắt những phản hồi của học sinh – sinh viên về vấn đề học tập và kịp thời chấn chỉnh.

6.7.2 Những điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều chủ trương và biện pháp hỗ trợ HS-SV học tập góp phần nâng cao kết quả đào tạo, giúp HS-SV có đủ trình độ vào học các trường đại học, cao đẳng.

6.7.3 Tồn tại

Tỷ lệ học sinh hàng năm chưa đạt yêu cầu vào đại học còn cao (khoảng 30%).

6.7.4 Kế hoạch hành động

Phát huy những kết quả đã đạt được, Nhà trường sẽ tiếp tục chỉ đạo các phòng ban, đơn vị và đội ngũ giảng viên tích cực hỗ trợ HS-SV nâng cao kết quả học tập nhằm tăng tỷ lệ HS-SV đạt yêu cầu vào các trường đại học hàng năm.

6.7.5 Tự đánh giá: đạt.

Tiêu chuẩn 6.8: Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

6.8.1 Mô tả

Trường Dự bị đại học TP. HCM là trường chuyên biệt trong hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ chính trị là tạo nguồn cán bộ thuộc diện chính sách xã hội góp phần xây dựng đất nước trong giai đoạn mới. Nhiệm vụ chính hiện nay là tạo nguồn học sinh dân tộc thiểu số thuộc các tỉnh từ Ninh Thuận, Lâm Đồng trở vào các tỉnh phía Nam. Đối tượng học sinh của Trường phần lớn học tập yếu, kiến thức ở bậc phổ thông có nhiều thiếu sót. Do đó, Nhà trường luôn tìm các giải pháp nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo, một trong các kênh thông tin quan trọng đó là lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

6.8.2 Những điểm mạnh

Hàng tuần trong các tiết sinh hoạt chủ nhiệm, trong các lần sơ kết kiểm tra, học kỳ chung tại hội trường, tại các buổi họp với ban cán sự lớp, ban chấp hành chi đoàn, các buổi thăm lớp của Ban giám hiệu, Phòng Đào tạo, HS-SV đều được hỏi và tham gia góp ý về việc giảng dạy của giảng viên. Trong học kỳ II thực hiện chỉ đạo của Bộ, toàn thể HS-SV đều tham gia góp ý vào “**Phiếu ý kiến của học sinh – sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên**” với 6 câu hỏi, mỗi câu có 4 mức trả lời A, B, C, D.

Khi nhận được các góp ý cho giảng viên, Phòng Đào tạo đều có trao đổi với trưởng bộ môn hoặc giảng viên, trong trường hợp cần thiết Ban giám hiệu sẽ làm việc với các giảng viên để giúp giảng viên cải tiến phương pháp cho phù hợp với HS-SV.

Kết quả lấy ý kiến hàng năm trên 80% giảng viên được HS-SV nhận xét nhiệt tình, có phương pháp giảng dạy tốt, quan tâm giúp đỡ HS-SV yếu. Khoảng 20% giảng viên đạt trung bình hoặc yếu.

Trong năm học 2010-2011, Trường đã thực hiện việc khảo sát toàn diện kết quả học bậc đại học của HS-SV do Trường gửi các trường đại học. Kết quả

phản hồi của các trường đại học cho thấy hơn 81% sinh viên vượt qua năm thứ nhất và hơn 50% tốt nghiệp đại học đúng thời hạn (không bị lưu ban hay thôi học).

6.8.3 Tồn tại

Hàng năm, gần 100% học sinh hệ Dự bị đại học Dân tộc của Trường đều được vào học ĐH, CĐ, TCCN nhưng chỉ có khoảng 70% được vào học bậc đại học. Kết quả này chưa cao; Nhà trường cần các giải pháp căn cơ để nâng cao hơn chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Chất lượng nguồn học sinh dân tộc không tăng tương ứng với việc tăng chỉ tiêu tuyển sinh học sinh dân tộc hàng năm của Trường.

6.8.4 Kế hoạch hành động

Giảng viên ngoại ngữ sẽ được bồi dưỡng theo Đề án quốc gia ngoại ngữ 2020. Giảng viên trẻ tích cực học tập lấy bằng thạc sỹ, tiến sỹ. Hướng nghiên cứu khoa học của giảng viên tập trung vào việc tìm các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy. Nhà trường cần tiếp cận phương pháp giảng dạy mới, hiện đại; HS-SV cần được bồi dưỡng, trang bị kỹ năng tự học, tự bồi dưỡng, học chủ động, sáng tạo. Đưa HS-SV tham quan thực tế các khu công nghiệp, nông nghiệp kỹ thuật cao, bảo tàng, các khu di tích lịch sử, ...

6.8.5. Tự đánh giá: Đạt.

KẾT LUẬN

Trường Dự bị đại học TP. HCM đã có những biện pháp cụ thể giúp học sinh - sinh viên hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Nhà trường luôn đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe và đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao trong học sinh - sinh viên. HS - SV của Trường luôn năng động, tích cực tham gia và đã đạt nhiều thành tích trong các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục.

Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện cho công tác Đoàn. Công tác phát triển Đảng trong đội ngũ giảng viên trẻ, trong học sinh – sinh viên cũng được Đảng ủy Trường quan tâm.

Trong thời gian học tập và sinh hoạt tại Trường, học sinh - sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước. Đại bộ phận học sinh - sinh viên của Trường đã có ý thức hơn trong sinh hoạt, học tập và hoạt động cộng đồng, trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, thực hiện tốt các quy định của Nhà trường và chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; tỷ lệ HS - SV vi phạm nội quy, quy định của Nhà trường rất thấp.

Nhà trường luôn quan tâm và có nhiều biện pháp nâng cao kết quả học tập cũng như tư vấn hướng nghiệp cho người học. Công tác tuyên dương khen thưởng các học sinh - sinh viên gương mẫu, đạt thành tích xuất sắc trong học tập, các hoạt động phong trào cũng được Trường quan tâm và thực hiện.

Bên cạnh những mặt mạnh nêu trên, trong công tác học sinh - sinh viên Trường còn tồn tại một số mặt hạn chế. Các thông tin cung cấp cho học sinh - sinh viên về mục tiêu đào tạo, quy chế đào tạo đôi khi chưa cập nhật kịp thời. Cơ sở vật chất, phương tiện của Trường phục vụ cho hoạt động thể dục, thể thao còn hạn chế. Số lượng những buổi nói chuyện về tình hình chính trị, xã hội trong và ngoài nước còn ít.

Để khắc phục những tồn tại trên, trong thời gian tới, Trường có kế hoạch tiếp tục thực hiện có hiệu quả, nâng chất các hoạt động chăm lo cho người học, trong đó tập trung vào việc hỗ trợ việc học tập và tạo môi trường cho học sinh - sinh viên rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Tiêu chuẩn 7: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

MỞ ĐẦU

Kể từ khi thành lập, đặc biệt là trong 5 năm gần đây, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của Trường Đại học TP. HCM đã có bước phát triển và đạt được những kết quả ban đầu, đáp ứng từng bước các yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và năng lực giảng dạy, quản lý của giảng viên (GV), CB - VC. Hoạt động NCKH đã góp phần nâng cao uy tín của đội ngũ CB, GV cũng như khẳng định được vị trí và vai trò của Trường trong hệ thống giáo dục quốc dân nói chung và các trường chuyên đào tạo cho học sinh dân tộc nói riêng; khẳng định sự đóng góp của Trường cho xã hội nói chung và khu vực miền Nam nói riêng.

Tổ chức dạy học và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ cơ bản của trường Đại học TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, NCKH cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của giảng viên của Trường theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên.

Tiêu chí 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường.

7.1.1 Mô tả

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường (Quyết định số 290/QĐ-ĐBĐH ngày 24/10/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học TP. Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học TP. Hồ Chí Minh), Nhà trường đã thành lập Hội đồng khoa học (HĐKH) để tư vấn cho Hiệu trưởng về NCKH. Hiệu trưởng đã ban hành các quy định và hướng dẫn thực hiện, cùng các tiêu chuẩn xét duyệt và nghiệm thu các đề tài NCKH.

Để triển khai hoạt động NCKH có hiệu quả, hằng năm vào đầu năm học, Phòng Tổ chức – Hành chính – Chính trị xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động NCKH, thông qua Hội đồng khoa học để góp ý hoàn chỉnh và trình Hiệu trưởng phê duyệt. Tại hội nghị cán bộ - viên chức của Trường đầu năm học, CB-VC thảo

luận đề thống nhất chủ trương, nội dung, biện pháp đề ra trong kế hoạch và triển khai đến các đơn vị; trên cơ sở đó các cá nhân đăng ký thực hiện đề tài NCKH trong chương trình làm việc của mình và được thông qua buổi họp đầu năm của bộ môn hay đơn vị.

Hằng năm, Hội đồng khoa học của Trường tổ chức xét duyệt các đề tài NCKH ở hai cấp: cấp đơn vị/bộ môn và cấp trường.

Giữa học kỳ II, các đơn vị/bộ môn tổ chức đánh giá các đề tài của CB-VC trong đơn vị/bộ môn với sự tham dự của đại diện của Hội đồng khoa học Trường; sau đó đề nghị các đề tài có chất lượng cao nhất để báo cáo ở cấp trường. Hội đồng khoa học quyết định công nhận các đề tài cấp đơn vị/bộ môn và chọn trong số đó các đề tài đạt yêu cầu cao để báo cáo tại Hội thảo khoa học cấp trường, thường được tổ chức vào cuối tháng 5; tại hội thảo cấp trường các thành viên Hội đồng Khoa học Trường chấm điểm các đề tài được báo cáo để quyết định công nhận hay không. Việc nghiệm thu đề tài được tiến hành theo đúng quy trình vào cuối năm học; kết quả nghiệm thu được thông báo đến tất cả các đơn vị.

Sau đó, Nhà trường ra quyết định công nhận các đề tài và tác giả thực hiện. Hiện Nhà trường còn lưu giữ 5 quyết định nghiệm thu và công nhận các đề tài cho các năm học từ 2008-2009 đến 2012-2013 (QĐ 464/QĐ-DBĐH ngày 05/12/2009; QĐ số 170/QĐ-DBĐH ngày 08/6/2010; QĐ số 183/QĐ-DBĐH ngày 08/6/2011; QĐ số 132/QĐ-DBĐH ngày 30/5/2012; QĐ số 156/QĐ-DBĐH ngày 11/6/2013) [H4.07.01.22]. Việc thực hiện các đề tài NCKH là một trong những tiêu chí xét khen thưởng vào cuối năm học.

Như vậy, từ năm học 2008-2009 đến 2012-2013, Hội đồng khoa học đã nghiệm thu và công nhận nhiều đề tài NCKH của giảng viên và CB-VC của Trường; số lượng các đề tài được thống kê trong bảng sau:

Năm học	Số đề tài NCKH cấp bộ môn/đơn vị	Số đề tài NCKH cấp trường	Tổng số đề tài
2008-2009	20	10	30
2009-2010	29	7	36

2010-2011	27	8	35
2011-2012	35	9	44
2012-2013	44	11	55

Kết quả, trong 5 năm học qua đã có 155 đề tài NCKH cấp bộ môn hay đơn vị và 45 đề tài NCKH cấp trường được Hội đồng khoa học công nhận. Tỷ lệ giảng viên tham gia và có đề tài được nghiệm thu là từ 80% trở lên.

7.1.2 Những điểm mạnh

Trường có định hướng và kế hoạch NCKH cụ thể cùng có hệ thống các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn công tác NCKH cho tất cả GV, CB-VC, phù hợp với nhiệm vụ của Nhà trường được Bộ và Nhà nước giao và chủ động tổ chức cho GV, CB-VC thực hiện NCKH.

Công tác NCKH của Trường đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, quản lý phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường.

Tỷ lệ giảng viên tham gia NCKH khá cao.

7.1.3 Tồn tại

Phạm vi của các đề tài nghiên cứu chủ yếu giới hạn trong lĩnh vực giảng dạy và quản lý của Trường, chưa có đề tài có tầm cỡ quốc gia, cấp bộ hay cấp nhà nước.

Nhà trường chưa khai thác hết các ứng dụng tiềm năng của các đề tài đã được nghiệm thu.

7.1.4 Kế hoạch hành động

Từ năm học 2014-2015, khi xây dựng định hướng công tác NCKH Nhà trường sẽ chú ý mở rộng phạm vi nghiên cứu để có thể tham gia giải quyết các vấn đề rộng hơn phạm vi hoạt động của Trường để góp phần nâng cao chất lượng GV, CB-VC và nâng cao vai trò của Trường trong khu vực. Bên cạnh đó, Nhà trường sẽ xây dựng Quy định về công tác NCKH đối với giảng viên, CB-VC.

Năm học 2013-2014 Nhà trường tiếp tục xác định NCKH là trách nhiệm của giảng viên và sẽ tiếp tục cải thiện điều kiện NCKH của giảng viên, CB-VC.

Nhà trường sẽ khuyến khích các giảng viên, CB-VC chọn các đề tài đa dạng hơn và chú ý đến ứng dụng và triển khai kết quả các đề tài NCKH đã được nghiệm thu.

7.1.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.2: Có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, viên chức và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến.

7.2.1 Mở đầu

Xác định NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của GV và đề công tác NCKH được triển khai sâu rộng, có hiệu quả, Nhà trường đã có chủ trương và tạo điều kiện thuận lợi cho GV, CB-VC, người học tham gia NCKH, phát huy sáng kiến. Điều này đã được thể hiện ở các văn bản: Chương trình làm việc của Đảng bộ nhiệm kỳ 2010-2015 [H4.07.02.23], kế hoạch NCKH hàng năm, các thông báo về việc triển khai kế hoạch NCKH trong GV, CB-VC [H4.07.02.24].

Đối với GV: Nhà trường tạo điều kiện về tài liệu, phương tiện nghiên cứu đồng thời khuyến khích viết bài đăng trên các tập san chuyên ngành, tham gia các Hội thảo khoa học trong và ngoài trường, điều này được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ban hành theo Quyết định số 186/QĐ-DBĐH ngày 17/7/2013 của Hiệu trưởng Trường DBĐH TP. HCM [H4.07.02.25] và Quy định về chế độ làm việc của giảng viên của Trường ban hành theo Quyết định số 93/QĐ-DBĐH ngày 17/4/2012 của Hiệu trưởng Trường DBĐH TP. HCM [H4.07.02.26].

Đối với viên chức các phòng ban: Nhà trường động viên tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến công việc, ... và có chế độ khen thưởng thích hợp.

Đối với HS-SV, Trường khuyến khích HS-SV tham gia các đề tài nghiên cứu về tự học, học nhóm, ... vì toàn bộ HS-SV chỉ học tại Trường một năm học (9-10 tháng). Tính từ năm 2010 đến 2012 có 3 đề tài NCKH của học sinh được thực hiện.

Kết quả: hằng năm hơn 80% GV đăng ký thực hiện đề tài NCKH các cấp và nhiều viên chức không phải là giảng viên, thuộc các phòng chức năng cũng tham gia các đề tài NCKH hay các sáng kiến cải tiến công việc.

7.2.2 Những điểm mạnh

Trường có chủ trương và tạo điều kiện thuận lợi cho GV, CB-VC, HS-SV tham gia NCKH và phát huy sáng kiến nâng cao chất lượng dạy, học, và quản lý trong Nhà trường.

Đội ngũ GV của Trường có trình độ chuyên môn khá tốt, có tiềm năng NCKH.

7.2.3 Tồn tại

Một số ít GV do hạn chế về trình độ ngoại ngữ (50% còn hạn chế, theo số liệu thăm dò tháng 8 năm 2013), trình độ công nghệ thông tin (20,63% còn hạn chế theo thăm dò vào tháng 8 năm 2013) hay dạy quá nhiều giờ trong tuần nên không tham gia NCKH; một số khác chưa đầu tư thời gian và công sức đúng mức nên chất lượng các đề tài không cao.

Vì toàn bộ HS-SV chỉ học tại Trường một năm học (9-10 tháng) nên Nhà trường không có chủ trương đẩy mạnh NCKH trong khối HS-SV mà chỉ khuyến khích những HS-SV giỏi, có năng khiếu nghiên cứu tham gia các đề tài nhỏ về quản lý lớp, tự học, học nhóm, ...

7.2.4 Kế hoạch hành động

Từ năm học 2013-2014, Trường sẽ có thêm chế độ khuyến khích và chế tài phù hợp đối với giảng viên và động viên HS-SV tham gia NCKH. Kết quả NCKH của cá nhân tham gia tiếp tục được đưa vào tiêu chí xét thi đua năm học.

7.2.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.3: Có các kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của trường và các cơ sở giáo dục khác ở địa phương.

7.3.1 Mô tả

Như trên đã trình bày, trong năm năm học qua, Trường có 155 đề tài NCKH cấp bộ môn/đơn vị và 45 đề tài NCKH cấp trường được Hội đồng khoa học Trường công nhận.

Các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng thiết thực vào công tác dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục, quản lý trong Trường. Cụ thể là:

- Nâng cao trình độ GV, CB-VC.
- Nâng cao chất lượng dạy và học trong Trường.
- Nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà trường: ứng dụng công nghệ thông tin quản lý kết quả học tập, quản lý cán bộ, quản lý hồ sơ, quản lý thư viện, phân ngành, trường cho HS.

Thông qua nghiên cứu khoa học, đa số giảng viên có tiến bộ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; 2 GV đủ điều kiện để thi chuyển ngạch và đã được chuyển lên giảng viên chính [Quyết định số 2998/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2011 về việc công nhân kết quả thi nâng ngạch từ giảng viên lên giảng viên chính năm 2010]; 5 lượt GV trẻ được Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh tặng Danh hiệu “Nhà giáo trẻ tiêu biểu”; đặc biệt, có một viên chức Phòng Đào tạo được Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh tặng Giải thưởng ‘*Cán bộ, công chức, viên chức trẻ, giỏi, thân thiện*’ năm 2012, chủ yếu nhờ chuyên viên này đã tham gia đề tài NCKH cấp trường cùng với 2 chuyên viên khác của Phòng Đào tạo, đề tài có tên: *Phần mềm chọn ngành, trường đại học của học sinh hệ Dự bị đại học Dân tộc*. Phần mềm này đã được áp dụng trong 2 năm học vừa qua, giúp công tác phân ngành và trường đại học cho HS hệ DBĐH Dân tộc vào cuối năm học được thực hiện nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm nhiều thời gian, công sức.

Một số các đề tài có thể áp dụng ngay vào việc giảng dạy và học tập; một số khác góp phần tích cực vào việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của Nhà trường; đặc biệt hoạt động của Phòng Đào tạo.

Do đặc thù là trường chuyên biệt và có quy mô nhỏ (với số giảng viên trên dưới 50 và tổng biên chế là 75), nên các đề tài NCKH của Nhà trường tập trung chủ yếu vào nâng cao trình độ chuyên môn của giảng viên, cải tiến phương pháp giảng dạy, quản lý, công tác giáo viên chủ nhiệm và ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy - học, quản lý. Các đề tài này là phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường [Quyết định số 295 ngày 27/9/2013 của Hiệu trưởng Trường DBĐH TP. HCM về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và khẩu hiệu”]. Các đề tài

NCKH của Nhà trường trong các năm qua chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, quản lý, phục vụ trong phạm vi của Trường nên Trường không thực hiện việc chuyển giao công nghệ cho các trường bạn hay các cơ sở sản xuất, kinh doanh và cũng chưa có đề tài NCKH cấp bộ hay cấp nhà nước.

Dù sao, đây cũng là một sự thành công bước đầu của Trường trong việc nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức, đặc biệt của các giảng viên; từng bước đưa việc NCKH đã trở thành công việc thường xuyên của các giảng viên.

7.3.2 Những điểm mạnh

Nhiều đề tài NCKH của GV được ứng dụng hiệu quả vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của Nhà trường; giúp cho công tác quản lý của Nhà trường và các phòng chức năng hiệu quả hơn.

7.3.3 Tồn tại

Chưa có đề tài cấp bộ và cấp nhà nước.

Việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu còn chậm.

Giá trị kinh tế làm lợi của các đề tài NCKH, sáng kiến nói chung còn thấp.

7.3.4 Kế hoạch hành động

Từ năm học 2013 - 2014, HĐKH Trường sẽ có văn bản hướng dẫn thực hiện việc triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

7.3.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.4: Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tập san, các ấn phẩm khoa học; có các tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường.

7.4.1 Mở đầu

Từ năm học 2008-2009 đến nay, hàng năm Nhà trường đều tổ chức hội thảo khoa học cấp trường để báo cáo và nghiệm thu các đề tài nghiên cứu cấp trường. Các báo cáo này được tập hợp vào kỷ yếu. Như vậy, hiện nay trong Thư viện của Trường có 5 quyển kỷ yếu ứng với Hội thảo khoa học cấp trường các năm 2009, 2010, 2011, 2012 và 2013 [H4.07.04.27].

Ngoài ra, trong quá trình học cao học hay làm nghiên cứu sinh, một số giảng viên của Trường có một số bài báo đăng trên tạp chí của các trường đại học hay tạp chí trung ương: 3 bài cho Tạp chí khoa học của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 1 bài cho Tạp chí khoa học của Trường Đại học Sài Gòn, 1 bài cho Tạp chí Ngôn ngữ và 1 bài cho Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống; một GV có báo cáo tại Hội thảo quốc tế về văn học tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh năm 2011.

Trong quá trình thực hiện công tác đào tạo, việc biên soạn giáo trình cũng được chú ý. Trong 5 năm học vừa qua, các bộ môn đã tham gia soạn giáo trình và nhiều giáo trình đã được HĐKH Trường nghiệm thu và cho phép đưa vào sử dụng trong việc giảng dạy HS-SV các hệ đào tạo: Bộ môn Toán có 1; bộ môn Vật lý có 3; bộ môn Hóa học có 3; bộ môn Sinh học có 4; bộ môn Các môn Khoa học xã hội (Ngữ văn, Sử, Địa lý) có 6; bộ môn Tin học có 1. Riêng bộ môn Ngoại ngữ năm học 2010 – 2011 đã soạn một bộ giáo trình gồm 03 quyển cho 3 kỹ năng (đọc, viết, nói), sử dụng cho khối D1 từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2012 – 2013, kể từ năm học 2013 – 2014 sử dụng giáo trình do Bộ GD&ĐT quy định. Như vậy, tổng cộng trong 5 năm qua, có 19 giáo trình được các bộ môn biên soạn và đưa vào giảng dạy. Ngoài ra, các bộ môn còn soạn nhiều sách bài tập theo hình thức tự luận và trắc nghiệm phục vụ việc giảng dạy.

7.4.2 Những điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức tốt các hội thảo khoa học cấp trường và phát hành kỷ yếu khoa học hàng năm.

Nhà trường đã tạo điều kiện tổ chức cho GV biên soạn giáo trình, tài liệu và hỗ trợ kinh phí để thực hiện việc biên soạn, in ấn phát hành. Các giáo trình đạt yêu cầu về chất lượng và được đưa vào sử dụng, đáp ứng khá tốt việc giảng dạy HS-SV các hệ đào tạo.

7.4.3 Tồn tại

Chưa có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và số lượng bài báo chưa nhiều.

7.4.4 Kế hoạch hành động

Từ năm học 2014-2015, Nhà trường sẽ động viên và tạo điều kiện cho GV thực hiện các đề tài NCKH có tầm cỡ quốc gia để có thể đăng ở các tạp chí trung ương, ngành, ... và báo cáo tại các hội thảo khoa học cấp vùng, cấp quốc gia, cấp quốc tế...

Sau năm 2015, Nhà trường sẽ động viên và yêu cầu các giảng viên thuộc các bộ môn viết các giáo trình mới theo lộ trình đổi mới sách giáo khoa của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.4.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.5: Có các hoạt động kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo; có các hoạt động về quan hệ quốc tế. Kết quả của các hoạt động khoa học và quan hệ quốc tế đóng góp vào việc phát triển nguồn lực của nhà trường.

7.5.1 Mở đầu

Để nâng cao chất lượng NCKH phục vụ công tác đào tạo, từ năm học 2008 - 2009 Nhà trường đã thực hiện định hướng các đề tài NCKH của GV vào việc giải quyết các vấn đề khó khăn nảy sinh trong các hoạt động của Nhà trường; tổ chức hội thảo khoa học giải quyết các vấn đề của công tác đào tạo, quản lý như nâng cao hiệu quả việc tự học của HS, công tác giáo viên chủ nhiệm, phân bổ hợp lý hơn trong việc triển khai chương trình môn học của các bộ môn.

Thực hiện nhiệm vụ quốc tế với nước bạn Lào và Campuchia, từ năm học 2004 – 2005 đến nay, Trường đã tổ chức dạy tiếng Việt và chương trình Dự bị đại học cho 720 SV đến từ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia. Nhà trường còn cử hai GV sang nước Lào để học tiếng Lào và cử nhiều lượt GV sang giảng dạy tiếng Việt cho sinh viên Lào tại tỉnh Chămpasắc.

Kết quả hoạt động NCKH và quan hệ quốc tế đã góp phần phát triển nguồn lực của Nhà trường, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục và đào tạo trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

7.5.2 Những điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều hoạt động kết hợp NCKH với đào tạo để phát triển nguồn lực.

Tuy là trường nhỏ, nhưng Nhà trường cố gắng thực hiện hợp tác quốc tế thông qua việc dạy tiếng Việt và chương trình Dự bị đại học cho SV đến từ Lào và Campuchia.

7.5.3 Tồn tại

Các hoạt động về hợp tác, quan hệ quốc tế còn hạn chế.

7.5.4 Kế hoạch hành động

Từ năm học 2013 - 2014 trở đi, Nhà trường sẽ đề nghị Bộ tạo điều kiện để cán bộ viên chức, giảng viên của Trường được tham gia nhiều hơn các hoạt động quan hệ quốc tế.

7.5.5 Tự đánh giá: Đạt.

KẾT LUẬN

Trong công tác NCKH Nhà trường luôn có kế hoạch định hướng và tạo mọi điều kiện cho giảng viên, CB-VC và HS-SV tham gia. Kết quả lớn nhất mà hoạt động NCKH mang lại là xây dựng đội ngũ giảng viên có khả năng NCKH. Tổ chức NCKH trong đội ngũ giảng viên, CB-VC đã giúp giải quyết một số vấn đề thực tiễn của Nhà trường, đặc biệt việc nâng cao chất lượng giảng dạy, hiệu quả quản lý và xây dựng đội ngũ.

Tuy vẫn còn những tồn tại như các đề tài chỉ ở cấp đơn vị và cấp trường, kết quả ứng dụng các đề tài chưa thật cao; các hoạt động quan hệ quốc tế ở mức độ thấp, nhưng Nhà trường đã đạt được những thành quả bước đầu trong công tác NCKH và sẽ phát huy trong thời gian tới.

Hoạt động NCKH đã và đang là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển toàn diện của Nhà trường, góp phần nâng cao uy tín của Trường trong xã hội.

Tiêu chuẩn 8: HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

MỞ ĐẦU

Là trường chuyên biệt, đào tạo học sinh hệ Dự bị đại học nên công tác hợp tác quốc tế của Trường có phần hạn chế. Tuy nhiên, trong những năm qua Trường cũng đã hợp tác với nước bạn Lào để đưa 02 giảng viên sang học tiếng Lào tại Trường Đại học Champasack và từ năm học 2004-2005, theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Trường đã tiếp nhận sinh viên Lào, Campuchia, Mông Cổ đến học tiếng Việt và Dự bị đại học tại Trường, sau đó chuyển sinh viên này vào học tại các trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh. Chủ trương dạy lưu học sinh của Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận và phê duyệt tại Quyết định số 2200/QĐ-BGDĐT ngày 31/5/2010 về việc giao nhiệm vụ giảng dạy tiếng Việt và dự bị đại học cho lưu học sinh Campuchia và Lào.

Tháng 10 năm 2010, Trường đã ký Văn bản hợp tác hữu nghị với Trường Cao đẳng Tài chính Nam Lào (giai đoạn 2010 - 2015) [H4.08.01.28].

Thực hiện văn bản trên, hàng năm Trường cử giảng viên sang dạy tiếng Việt tại Trường Cao đẳng Tài chính Nam Lào và đón đoàn cán bộ - viên chức trường bạn sang dự lớp nâng cao trình độ môn tiếng Việt, tiếng Anh và Tin học vào đầu tháng 8 hàng năm.

Ngoài ra, hằng năm Nhà trường cũng tiếp nhận số sinh viên giỏi được Bộ tuyển chọn đi học tại Liên bang Nga để giảng dạy tiếng Nga và chuẩn bị cho họ đi Nga du học, và khi Bộ có chỉ tiêu, Nhà trường cử các giảng viên đi thực tập tại Liên bang Nga.

Hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) của Trường Dự bị đại học TP. HCM trong thời gian qua đã hướng đến và đạt được những mục tiêu cụ thể như sau:

- Hoạt động HTQT giúp cải tiến phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới chương trình giảng dạy, chương trình môn học, bổ sung và cập nhật thường xuyên nội dung các môn học.

- Hoạt động HTQT giúp bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu và cán bộ quản lý.

Nhờ đạt những thành tích xuất sắc trong công tác HTQT và trong các lĩnh vực khác nên ở giai đoạn 2008-2013, Trường Dự bị đại học TP. HCM đã nhận được nhiều bằng khen của Bộ GD&ĐT và Huân chương Lao động hạng nhất (Quyết định số 787/QĐ-CTN, ngày 12/6/2012 của Chủ tịch nước).

Năm 2013 Trường Dự bị đại học TP. HCM hân hạnh nhận Bằng khen của tỉnh Chămpasăc, nước Lào về đào tạo tiếng Việt cho sinh viên của tỉnh.

Trong các năm học 2010-2011, năm học 2011-2012, Nhà trường đã tiếp nhận các giảng viên, cán bộ của Trường Cao đẳng Tài chính Nam Lào và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Chămpasăc (15 đến 20 người) sang tập huấn và giao lưu chuyên môn về tiếng Việt, tiếng Anh, Công nghệ thông tin.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

8.1.1 Mô tả

Từ năm học 2004-2005, theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Trường đã tiếp nhận sinh viên Lào, Campuchia, Mông Cổ đến học tiếng Việt và chương trình Dự bị đại học tại Trường, sau đó chuyển họ vào học tại các trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh. Chủ trương dạy lưu học sinh của Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận và phê duyệt tại Quyết định số 2200/QĐ-BGDĐT ngày 31/5/2010 về việc giao nhiệm vụ giảng dạy tiếng Việt và dự bị đại học cho lưu học sinh Campuchia và Lào.

8.1.2 Những điểm mạnh

Trong HTQT, Nhà trường thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

8.1.3 Tồn tại

Các hoạt động về hợp tác, quan hệ quốc tế về nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Nhà trường chưa thật sự chủ động trong việc thiết lập, xây dựng các quan hệ HTQT với các trường đại học, các tổ chức quốc tế.

8.1.4 Kế hoạch hành động

Từ năm học 2013 - 2014 trở đi, Nhà trường sẽ đề nghị Bộ tạo điều kiện để cán bộ - viên chức, giảng viên của Trường được tham gia nhiều hơn các hoạt động quan hệ quốc tế.

8.1.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường.

8.2.1 Mô tả

Từ năm học 2004-2005, Trường đã tiếp nhận sinh viên Lào, Campuchia, Mông Cổ do TP. HCM gửi đến học tiếng Việt và chương trình Dự bị đại học tại Trường, sau đó chuyển vào các trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh. Đến nay, có thêm tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Vĩnh Long.

Cho đến năm học này, Trường đã đưa hơn 600 LHS vào học bậc cao đẳng, đại học và cao học tại các trường ở TP HCM, Bình Dương, Đồng Nai và Vĩnh Long; tỷ lệ đạt yêu cầu cuối năm học ở Trường là hơn 90%.

Ngoài ra, hàng năm Nhà trường đón từ 15 đến 20 cán bộ, giảng viên từ Trường Cao đẳng Tài chính Nam Lào và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Chămpasác sang tập huấn và giao lưu chuyên môn về tiếng Việt, tiếng Anh, Công nghệ thông tin. Qua đây, Trường giúp các trường bạn nâng cao năng lực của đội ngũ và củng cố quan hệ truyền thống giữa hai nước Việt Nam và Lào.

8.2.2 Những điểm mạnh

Giữa Trường và Trường Cao đẳng Tài chính Nam Lào có văn bản ký kết hợp tác từ năm 2010 [Văn bản hợp tác hữu nghị giai đoạn 2010 – 2015, ký ngày 06/10/2010] và giữa hai trường có quan hệ khá gắn bó.

Đội ngũ giảng viên của Trường có năng lực, tận tụy với công việc có thể giúp trường bạn một cách có hiệu quả.

8.2.3 Tồn tại

Chưa mở rộng hợp tác dài hạn hơn và chưa có các chương trình hợp tác, trao đổi đa dạng hơn.

8.2.4 Kế hoạch hành động

Từ năm học 2013 - 2014 trở đi, Nhà trường sẽ đề nghị Bộ tạo điều kiện để cán bộ viên chức, giảng viên của Trường được sang trường bạn để trao đổi học thuật, nghiên cứu và nếu có điều kiện sẽ mở rộng hợp tác với các trường khác ở Lào và ở Campuchia.

8.2.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

Nhà trường không đánh giá tiêu chí này vì chưa có kế hoạch và chưa thực hiện được gì. Trên thực tế, việc hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học là quá tầm đối với một trường Dự bị đại học.

Tiêu chuẩn 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC

MỞ ĐẦU

Trường Dự bị đại học TP. Hồ Chí Minh tọa lạc trên một khuôn viên có diện tích 7.773 m² tại số 91, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Trong những năm qua, Nhà trường luôn quan tâm đầu tư cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu dạy và học, nội trú đạt chuẩn; xây dựng thư viện theo hướng thư viện điện tử nhằm ngày càng phục vụ tốt hơn cho nhu cầu tra cứu, trao đổi và chia sẻ thông tin của người dạy và người học trong toàn trường.

Tiêu chí 9.1: Thư viện của Trường Đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

9.1.1 Mô tả

Thư viện có 3 phòng (phòng đọc, phòng tham khảo và phòng giáo trình). Phòng đọc có hơn 100 chỗ ngồi, vị trí tương đối yên tĩnh, được trang bị 20 máy tính để bạn đọc truy cập thông tin. Bên cạnh, còn một điểm truy cập không dây libgroup tại Thư viện dành cho laptop, tablet, điện thoại di động... miễn phí hoàn toàn. Phòng tham khảo có tài liệu dành cho bạn đọc tra cứu và tự chọn, kho sách tham khảo và giáo trình tài liệu tương đối đầy đủ (Thư viện có 4.449 tên sách, với 14.261 đầu sách, hơn 17.000 tài liệu giáo trình và 50 loại báo, tạp chí).

Bình quân mỗi năm thư viện phục vụ được 20.000 lượt bạn đọc tại chỗ, 20.000 lượt bạn đọc mượn tài liệu mang về.

9.1.2 Những điểm mạnh

Thư viện đã và đang ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sử dụng thư viện, cũng như việc chuẩn hóa hệ thống phân loại thư viện theo DDC, biên mục ISBD, AACR2... và hiện đang phục vụ kho mở cũng như việc liên thông với các thư viện khác nhằm trao đổi thông tin. Với tổng số tài liệu hiện có, gồm các tài liệu điện tử như file, băng, đĩa CD ROM và trên 50 loại báo, tạp chí chuyên ngành khác nhau đã đáp ứng khá tốt nhu cầu bạn đọc tại chỗ cũng như mượn mang về.

9.1.3. Tồn tại

Còn nhiều hạn chế trong việc bổ sung vốn tài liệu cho Thư viện theo kế hoạch năm cũng như theo tiến trình phát triển Thư viện.

9.1.4 Kế hoạch hành động

Từng bước tin học hóa và tăng cường sách điện tử hoặc xây dựng thư viện số cho phù hợp với sự phát triển của thời đại. Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin triển khai phần mềm quản lý nghiệp vụ, thư viện kỹ thuật số nhằm hòa nhập với các thư viện của các trường đại học và thư viện công cộng.

Tổ chức các hoạt động thư viện theo mô hình thư viện hiện đại với mong muốn ngày càng phục vụ tốt hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đọc và mượn sách của giảng viên và học sinh, cũng như liên thông, trao đổi rộng rãi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

9.1.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.2: Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

9.2.1 Mô tả

Trong những năm vừa qua, quy mô đào tạo học sinh Dự bị đại học các hệ tăng khá nhanh, Nhà trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo đầu tư xây dựng, cải tạo các khu giảng đường đạt chuẩn với tổng diện tích sàn 14.347 m², gồm 44 phòng học với tổng diện tích là 2.793 m², bình quân 2,27 m²/học sinh, trong đó có 06 giảng đường lớn với sức chứa hơn 180 chỗ và 12 phòng học lớn với sức chứa hơn 100 chỗ.

Toàn trường có 03 phòng thí nghiệm gồm Lý, Hóa, Sinh, với tổng diện tích sàn là 225 m², tương đối đầy đủ trang thiết bị đáp ứng yêu cầu thí nghiệm, thực hành các môn khoa học tự nhiên thuộc chương trình Dự bị đại học, đồng thời, hỗ trợ cho các đề tài nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, Trường còn có 4 phòng máy vi tính có diện tích tổng cộng là 287 m², với hơn 230 máy vi tính (đều được nối mạng) phục vụ cho việc giảng dạy môn Tin học và truy cập mạng internet cho HS-SV và CB-VC của Trường.

9.2.2 Những điểm mạnh

Số lượng cũng như diện tích phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm, phòng máy vi tính của Nhà trường là tương đối lớn. Mặc dù chưa đạt được theo tiêu chuẩn của ngành, nhưng với điều kiện hiện nay, Nhà trường có thể đảm bảo được các nhu cầu nơi học và thí nghiệm, thực hành cho học sinh.

Tất cả những công trình xây dựng đều thực hiện đúng theo quy trình thủ tục và các thông số kỹ thuật đều tuân thủ đúng theo tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn

Việt Nam.

Trường đã có quy hoạch chi tiết, thuận lợi cho định hướng xây dựng đề án phát triển cơ sở vật chất chung trong toàn trường.

9.2.3 Tồn tại

Việc điều tra về mức độ hài lòng của người học, người dạy về phòng học, phòng thí nghiệm chưa triển khai kịp thời.

9.2.4 Kế hoạch hành động

Tiếp tục xây dựng các đề án để xin cơ quan chức năng cho phép tiếp tục đầu tư xây dựng thêm phòng học, đồng thời tìm giải pháp tăng hiệu quả sử dụng các phòng hiện có.

Tăng cường liên kết tìm nguồn kinh phí xây dựng ngoài ngân sách.

Duy trì công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đột xuất và định kỳ để tăng thời gian sử dụng cho tất cả các công trình trong toàn trường.

Tiến hành định kỳ việc lấy ý kiến của người học, CB-VC về mức độ hài lòng về cơ sở vật chất để có thể nắm bắt kịp và có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hoạt động chung toàn trường.

9.2.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.3: Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

9.3.1 Mô tả

Tất cả các phòng học được trang bị bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên đạt chuẩn, bảng chống lóa của Hàn Quốc, Bỉ.

Các phòng học đều đã có gắn hệ thống âm thanh, màn chiếu cố định, hệ thống chiếu sáng, quạt tương đối đầy đủ và được kiểm tra định kỳ, sửa chữa, thay thế kịp thời để không làm ảnh hưởng đến quá trình dạy học; 27/44 phòng có trang bị máy chiếu lắp cố định, 20/44 phòng có trang bị máy vi tính kết nối với máy

chiều, 4 phòng được trang bị ti vi 50 inch có thể kết nối được với máy vi tính, đáp ứng tương đối đầy đủ việc dạy và học theo giáo án điện tử.

Các phòng thí nghiệm thực hành được trang bị thiết bị khá đầy đủ để phục vụ cho nhu cầu học thực hành các môn khoa học tự nhiên; năm 2009 Nhà trường đã thực hiện dự án tăng cường cơ sở vật chất các phòng thí nghiệm với số vốn 712.000.000 đồng. Hằng năm, Nhà trường dành một phần kinh tương đối lớn để mua sắm, sửa chữa, nâng cấp các thiết bị dạy học để đáp ứng một cách tốt nhất yêu cầu hoạt động của Nhà trường.

Với một khối lượng thiết bị rất lớn, việc quản lý thiết bị cũng đã có quy trình và đều có sổ sách để theo dõi. Tất cả các đơn vị trong Trường đều có sổ kiểm kê tài sản, trong đó mỗi đơn vị tự chịu trách nhiệm về ghi tăng, ghi giảm tài sản và thực hiện kiểm kê, đánh giá giá trị theo định kỳ hàng năm. Phòng Tài vụ được giao nhiệm vụ quản lý tài sản và Phòng Quản trị - Thiết bị được giao nhiệm vụ về quản lý việc sử dụng tài sản thông qua hệ thống sổ sách này, đồng thời hàng năm, Phòng Tài vụ và Phòng Quản trị - Thiết bị tiến hành kiểm kê thực tế tại tất cả các đơn vị sử dụng.

9.3.2 Những điểm mạnh

Thiết bị phục vụ đào tạo được chú trọng đầu tư thường xuyên đảm bảo đầy đủ nhiệm vụ đào tạo và phục vụ nghiên cứu chuyên sâu.

Thiết bị hỗ trợ giảng dạy tương đối đầy đủ, thuận tiện cho giảng viên nhất là ngày nay khi các phương pháp giảng dạy mới đang được áp dụng rộng rãi như sử dụng giáo trình điện tử, truy cập thông tin trực tuyến...

Nhà trường đã xây dựng khá đầy đủ cơ sở pháp lý để thực hiện việc quản lý tài sản, trong đó có việc theo dõi kiểm tra, sửa chữa, mua sắm kịp thời với nhu cầu đào tạo, nghiên cứu.

9.3.3 Tồn tại

Trong các năm qua tình hình kinh tế - xã hội của đất nước gặp khó khăn, nên kinh phí bố trí để thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm thiết bị gặp nhiều khó khăn,

việc mua sắm trang thiết bị thường xuyên cũng bị hạn chế, do đó, việc tăng cường thiết bị đào tạo các năm qua vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu.

Nhà trường chưa áp dụng công nghệ thông tin một cách mạnh mẽ trong việc quản lý tài sản cũng như việc theo dõi việc sử dụng tài sản tại các đơn vị.

9.3.4 Kế hoạch hành động

Tăng cường tìm kiếm nguồn đầu tư thiết bị thông qua hợp tác, dự án ngoài ngân sách.

Xúc tiến đẩy mạnh công tác theo dõi hiệu suất sử dụng và nhanh chóng xây dựng quy chế về phối hợp sử dụng thiết bị thí nghiệm theo nhóm ngành để nâng cao hiệu quả sử dụng.

Thường xuyên thu thập ý kiến của HS-SV, giảng viên để có thể nắm bắt thông tin về thiết bị, nhu cầu thực tế về sử dụng cũng như đầu tư mới thiết bị phù hợp.

9.3.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.4: Cung cấp đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

9.4.1 Mô tả

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong tổ chức, quản lý, đào tạo và giảng dạy vừa là nhu cầu nhưng cũng vừa là nhiệm vụ. Trong thời đại công nghệ như hiện nay, không sử dụng thiết bị tin học trong đào tạo và nghiên cứu thì có thể nói là lạc hậu. Hiện nay, việc trao đổi thông tin trong Nhà trường đều đã sử dụng bằng máy vi tính thông qua mạng internet được tăng cường.

Bộ môn Tin học – Trung tâm Tin học là đơn vị quản lý công nghệ thông tin của Trường. Nhà trường đã triển khai dự án nâng cấp các phòng máy tính, hoàn chỉnh hệ thống thiết bị mạng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kết nối mạng LAN, Wifi; trang bị thêm các phần mềm chuyên dụng: cổng thông tin điện tử của Nhà trường, phần mềm quản lý đào tạo chạy trên nền Java Server Base, phần mềm kế toán IMAS, phần mềm quản lý thư viện. Hiện nay, Nhà trường thuê 2 cổng internet cấp

quang với tốc độ 35 Mbps. Hạ tầng mạng bao gồm: Hệ thống mạng cục bộ 250 node, điểm phát sóng Wifi 15 AccessPoint.

Hiện tại, Trường có 286 máy tính, hầu hết các máy đã được kết nối mạng internet. Toàn trường có 04 phòng máy tính phục vụ cho học tập, thực tập và 01 phòng máy tính tại Thư viện để học sinh truy cập internet.

Để đảm bảo việc sử dụng hệ thống CNTT một cách có hiệu quả, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về cập nhật thông tin lên trang tin điện tử của đơn vị và của Trường, quán triệt đến các đơn vị trong Nhà trường nhiệm vụ công nghệ thông tin từng năm học do Cục Công nghệ thông tin - Bộ GD&ĐT quy định.

Website của Trường: www.hcmptreu.edu.vn. Tất cả các thông tin chung của Nhà trường đã được cập nhật liên tục trên trang web của Nhà trường.

9.4.2 Những điểm mạnh

Nhà trường chú trọng đến ứng dụng, đầu tư trang thiết bị CNTT, hỗ trợ cán bộ, giảng viên nâng cao khả năng ứng dụng trong công tác chuyên môn. Tất cả các hoạt động đào tạo của Nhà trường đều đã thực hiện thông qua hệ thống công nghệ thông tin, tạo thuận lợi cho quá trình điều hành, phân bổ nguồn tài nguyên, giảng dạy...

Có hệ thống thông tin mạnh trên website cập nhật thường xuyên các thông tin phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, quảng bá hình ảnh của Trường trên mạng internet, với số lượng người dùng email khá lớn (Từ năm 2008 đến nay cấp phát gần 5.000 địa chỉ e-mail cho CB-VC, HS-SV), tiết kiệm rất lớn chi phí thông tin, thông báo bằng văn bản, giảm thời gian thông báo đến người dùng.

9.4.3 Tồn tại

Thiết bị CNTT chưa đầy đủ. Hạ tầng mạng thiết kết từ năm 2003-2005 nên có phần xuống cấp.

Chưa thống nhất cơ sở dữ liệu về HS-SV, CB-VC, giữa các đơn vị trong Trường, đang chuẩn hóa về cơ sở dữ liệu (CSDL) giữa các ứng dụng liên quan.

9.4.4 Kế hoạch hành động

Xây dựng dự án nâng cấp thiết bị CNTT.

Xây dựng kế hoạch nâng cấp tốc độ đường truyền và thiết bị sử dụng tại các trạm.

Củng cố, thống nhất cơ sở dữ liệu trong toàn trường.

Tăng cường hướng dẫn cho HS-SV nhất là HS mới để giúp HS-SV kịp thời nắm bắt và thành thạo trong việc sử dụng CNTT phục vụ học tập, nghiên cứu.

9.4.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.5: Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

9.5.1 Mô tả

Nhà trường có 2 khu giảng đường với tổng diện tích sàn xây dựng 5.763 m² đáp ứng đủ nhu cầu phòng học của Trường.

Ký túc xá là một dãy nhà 5 tầng nằm trong khuôn viên Trường, gồm 3 đơn nguyên với tổng diện tích sàn là 5.757 m², gồm 108 phòng bố trí được hơn 1000 học sinh; tuy nhiên, số học sinh Dự bị đại học các hệ những năm gần đây tăng khá nhanh, năm học 2012 – 2013 là 1.134 nên Nhà trường đã tạm chuyển một số phòng học gần Ký túc xá để làm phòng ở, giải quyết đủ chỗ ở cho HS-SV. Trong khuôn viên Ký túc xá có nhà ăn rộng 304 m², phục vụ bữa ăn giá rẻ, hợp vệ sinh cho học sinh – sinh viên của Trường.

Nhà trường có Nhà đa chức năng rộng 1.227 m² với tổng kinh phí đầu tư xây dựng và cải tạo nâng cấp hơn 6 tỉ đồng, sức chứa hơn 1.000 người, được trang bị đầy đủ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, và trang thiết bị thể dục - thể thao đáp ứng tương đối tốt nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt tập thể và thể dục - thể thao của Nhà trường; ngoài ra, khu vực sân trường và sân ký túc xá với diện tích hơn 2.000 m² cũng là nơi vui chơi, giải trí và luyện tập thể dục của học sinh nội trú.

Nhà trường có trạm biến áp riêng gồm 2 máy biến áp có tổng công suất 640 KVA, và hệ thống dây dẫn hạ thế đã được cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh, cung cấp nguồn điện ổn định cho các hoạt động của Nhà trường.

9.5.2 Những điểm mạnh

Có đủ phòng học để bố trí hợp lý cho các khối học, không có lớp nào phải học ca ba, diện tích giảng đường/sinh viên quy đổi đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Hệ thống điện, thiết bị điện đầy đủ, hoàn chỉnh.

9.5.3 Tồn tại

Ký túc xá vẫn chưa đủ chỗ đáp ứng hết nhu cầu học sinh nội trú.

9.5.4 Kế hoạch hành động

Nhà trường đã có tờ trình gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xin chủ trương và cấp vốn thực hiện công trình xây dựng đơn nguyên 4 cho Ký túc xá.

9.5.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.6: Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

9.6.1 Mô tả

Tổng diện tích các phòng làm việc toàn trường là 600 m² với tổng số 20 phòng. Phòng làm việc cho các bộ môn, trung tâm là 06 phòng với 144 m²; khối quản lý và phục vụ (Ban giám hiệu, phòng ban, đoàn thể...) có 14 phòng với diện tích 463 m². Diện tích bình quân mỗi CB-VC là 13,24 m²/người, đáp ứng tiêu chuẩn quy định.

Các đơn vị trong Nhà trường đều có văn phòng làm việc riêng. Các thiết bị phục vụ quản lý cũng được đầu tư khá đầy đủ như bàn ghế, tủ, máy tính, máy in, máy photo, cáp mạng internet, điện, nước, máy lạnh, quạt...

Việc sửa chữa, thay thế các vật dụng văn phòng luôn được quan tâm thực hiện đầy đủ, nhanh chóng đảm bảo cho yêu cầu làm việc của tất cả các đơn vị trong Nhà trường.

9.6.2 Những điểm mạnh

Có khu nhà làm việc riêng biệt với khu học tập.

Có đầy đủ phòng làm việc cho cán bộ cơ hữu cùng với những vật dụng cần thiết.

9.6.3 Tồn tại

Khu làm việc được xây dựng đã lâu, không còn phù hợp cho việc bố trí văn phòng có các thiết bị tiên tiến.

Thiết bị chưa hiện đại.

9.6.4 Kế hoạch hành động

Đầu tư xây dựng phòng họp - hội nghị đạt chuẩn.

Đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại.

9.6.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.7: Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

9.7.1 Mô tả

Trường Dự bị đại học TP. HCM quản lý và sử dụng thửa đất 7.773 m² tại số 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, với diện tích bình quân trên mỗi học sinh - sinh viên vào khoảng 0.68ha/1000HS-SV. Toàn bộ diện tích của Nhà trường đều đã có văn bản pháp lý công nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp; Trường cũng đã thống nhất chủ trương xin cấp thêm 10 ha để mở rộng Trường.

9.7.2 Những điểm mạnh

Nhà trường sở hữu một khu đất tại khu vực trung tâm Thành phố với diện tích tương đối rộng, thuận lợi về giao thông.

Nhà trường đã quy hoạch, xây dựng công trình trên khu đất này với mật độ vừa phải (khoảng 45%), bố trí được các khu nhà làm việc, giảng đường, ký túc xá.

9.7.3 Tồn tại

Việc triển khai thủ tục để được bố trí đất xây dựng cơ sở 2 còn chậm, cho nên Nhà trường cũng gặp khó khăn trong việc lập quy hoạch chi tiết phát triển Trường.

9.7.4 Kế hoạch hành động

Xúc tiến nhanh các thủ tục để bố trí đất để xây dựng cơ sở 2.

Lập quy hoạch chi tiết 1/500.

9.7.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.8: Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.

9.8.1 Mô tả

Trường được cấp 7.906 m² trong quy hoạch ban đầu (nay đã trả lại phần thuộc lộ giới còn 7.773 m²), đã có các tòa nhà cấp 4; trong quá trình xây dựng và phát triển đến nay Nhà trường đã có cơ sở vật chất kiến trúc khá đầy đủ với các khu nhà làm việc, giảng đường, ký túc xá và nhà đa chức năng khá hoàn chỉnh. Cụ thể trong các năm 1992, 1994, 1998, 2001, 2003, 2009 khi cải tạo và xây dựng các tòa nhà mới, xóa bỏ các khu nhà cấp 4 cũ, cải tạo nâng tầng giảng đường, nâng tầng ký túc xá sinh viên, xây dựng mới giảng đường 5 tầng, cải tạo khối nhà hành chính cũ thành ký túc xá sinh viên, cải tạo nâng cấp nhà đa chức năng.... Trường đã lập quy hoạch, kế hoạch và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt xây dựng. Hàng năm, Trường đều lập kế hoạch mua sắm, kế hoạch sửa chữa hay xây dựng bổ sung.

Trong từng thời kỳ, Nhà trường đều có báo cáo đánh giá về đầu tư xây dựng. Trong kế hoạch phát triển cơ sở vật chất từng thời kỳ, từng năm, Trường đều đặt ra và giải quyết những vấn đề tồn tại với mục tiêu rõ ràng, có trọng tâm trọng điểm:

- Năm 1992-1993: xây dựng khu ký túc xá 4 tầng phục vụ nội trú cho học sinh dân tộc.

- Năm 1994-1995: xây dựng nhà làm việc – học tập gồm 4 tầng, bố trí phòng phòng làm việc của các phòng ban, thư viện và các phòng máy tính, phòng lab.

- Năm 1998-2001: xây dựng khu nhà học tập – thí nghiệm gồm 4 tầng và sau đó được nâng thành 5 tầng vào năm 2002.

- Năm 2001 – 2003: xây dựng Nhà đa chức năng.

- Năm 2003-2006: xây dựng khu giảng đường 5 tầng và xóa bỏ các phòng học cấp 4 cũ.

- Năm 2009-2010: cải tạo khu nhà hành chính cũ thành ký túc xá sinh viên.

+ Về cơ sở hạ tầng: đường xá, sân bãi, hệ thống điện, cấp và thoát nước cũng đã được cải tạo, nâng cấp theo hướng quy hoạch trọng tâm trọng điểm như trên.

+ Về trang thiết bị trong các lớp học, trong các khu làm việc, thiết bị nội thất, thiết bị điện, điện tử, thiết bị tin học, thiết bị thí nghiệm... được trang bị theo kế hoạch phát triển chung, các thiết bị ngày càng được cải tiến mẫu mã theo hướng hiện đại, có độ bền cao.

9.8.2 Những điểm mạnh

Trường đã có kế hoạch phát triển cơ sở vật chất từng thời kỳ, từng năm và trong từng thời gian, đã đặt ra và giải quyết những vấn đề tồn tại với mục tiêu rõ ràng, có trọng tâm trọng điểm. Do vậy, những đầu tư về cơ sở vật chất của Nhà trường đã có những hiệu quả rõ rệt, đáp ứng nhu cầu khá tốt phát triển của Trường.

9.8.3 Tồn tại

Việc quy hoạch và đầu tư chưa thực sự mang tính phát triển với chiến lược dài hạn.

9.8.4 Kế hoạch hành động

Trên cơ sở những định hướng phát triển lâu dài của Nhà trường, trong năm nay và các năm tới phải có kế hoạch, quy hoạch phát triển cơ sở vật chất chi tiết hơn, kết hợp với việc đào tạo khai thác và quản lý cơ sở vật chất với hiệu quả cao hơn.

9.8.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.9: Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

9.9.1 Mô tả

Nhà trường đã xây dựng Nội quy cơ quan, đồng thời thành lập lực lượng bảo vệ với các văn bản quy định chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của bộ phận này nhằm thực hiện tốt nhất việc đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ an toàn cho người và tài sản. Số lượng nhân viên Tổ bảo vệ của Trường là 4 người, được phân công lịch trực cụ thể theo từng tuần và trực theo ca ở 2 vị trí, khuôn viên Trường và Ký túc xá, đảm bảo trực 24/24 để bảo vệ tài sản và trật tự, an toàn cơ quan. Tổ bảo vệ được huấn luyện nghiệp vụ, trang bị công cụ hỗ trợ chuyên dụng theo quy định. Trên cơ sở Nội quy cơ quan, Tổ bảo vệ thực hiện các nhiệm vụ giám sát cả người và phương tiện ra vào cơ quan.

Nhà trường đã xây dựng tường rào khép kín quanh khuôn viên, tạo điều kiện thuận lợi để bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh, trật tự. Ngoài ra, trong các dịp lễ, tết hay khi có sự cố đặc biệt, Tổ bảo vệ sẽ được tăng cường và nhận được sự chỉ đạo kịp thời từ lãnh đạo Nhà trường và phối hợp với lực lượng an ninh địa phương để xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có).

Nhà trường đã thành lập Ban phòng chống cháy nổ, nòng cốt là Tiểu đội tự vệ cơ quan và lực lượng bảo vệ với chức năng, nhiệm vụ rõ ràng.

Nhà trường đã xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy cho toàn trường.

Ký túc xá luôn có lực lượng bảo vệ thường trực, lực lượng này phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý và Ban tự quản Ký túc xá để bảo vệ an ninh, tài sản cho HS-SV nội trú. Các thiết bị phòng cháy, chữa cháy định kỳ được kiểm tra, kiểm định và làm mới để có thể sẵn sàng ứng phó khi có sự cố.

9.9.2 Những điểm mạnh

Nhà trường có Nội quy cơ quan và các quy định về chế độ làm việc, học tập cho tất cả mọi đối tượng trong Nhà trường.

Nhà trường có đội bảo vệ chuyên trách với lực lượng, thiết bị đầy đủ, nhiệm vụ rõ ràng, bảo đảm trực 24/24 trong toàn trường.

Nhà trường có Ban phòng, chống cháy nổ và có phương án phòng cháy, chữa cháy.

9.9.3 Tồn tại

Lực lượng bảo vệ còn mỏng trong khi khuôn viên Trường rộng và số HS-SV nội trú tại Ký túc xá khá lớn.

Mặc dù có trang bị, nhưng những thiết bị vật dụng thiết yếu để phòng cháy chữa cháy vẫn chưa đầy đủ theo yêu cầu; lực lượng phòng cháy, chữa cháy tại chỗ và các thành viên của Ban phòng, chống cháy nổ chưa được huấn luyện một cách bài bản và diễn tập thường xuyên.

9.9.4 Kế hoạch hành động

Khôi phục lại hệ thống cảnh báo điện tử.

Tăng cường các hoạt động huấn luyện nghiệp vụ cho các thành viên của Ban phòng, chống cháy nổ; tập huấn, diễn tập công tác phòng cháy, chữa cháy tại chỗ thường xuyên hơn; giáo dục, tuyên truyền công tác phòng cháy và tập huấn nghiệp vụ chữa cháy đến HS-SV nội trú, đặc biệt, đến các thành viên Ban tự quản Ký túc xá.

9.9.5 Tự đánh giá: Đạt.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, Nhà trường đã nỗ lực đầu tư xây dựng, trang bị cơ sở vật chất trong toàn trường. Về công trình xây dựng, mặc dù chưa đầy đủ theo tiêu chuẩn, cũng đã đáp ứng cơ bản nhu cầu về giảng dạy, làm việc, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao cho người học và cán bộ - viên chức của Trường. Về thiết bị phục vụ giảng dạy, thực hành, thực tập, Nhà trường đã đầu tư tương đối đầy đủ theo hướng đáp ứng yêu cầu các môn học chương trình Dự bị đại học, đồng thời, cũng đầu tư thiết bị thí nghiệm hiện đại, phục vụ nghiên cứu chuyên sâu cho giảng viên.

- Nhà trường có chế độ kiểm kê, quản lý tài sản bằng hệ thống sổ sách và đã xây dựng quy trình quản lý, mua sắm cũng như sửa chữa, nâng cấp thường xuyên cho tất cả các công trình, thiết bị đáp ứng kịp thời nhu cầu các hoạt động trong Trường.

- Nhà trường đã xây dựng Tổ bảo vệ, Ban phòng, chống cháy nổ với đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và chế độ hoạt động thường xuyên đảm bảo an ninh, an toàn cho con người và tài sản trong toàn trường.

Tiêu chuẩn 10: TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

MỞ ĐẦU

Tài chính và quản lý tài chính đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động của Nhà trường. Nguồn tài chính của Nhà trường chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp và kinh phí thu sự nghiệp khác. Nguồn kinh phí ngân sách chỉ đảm bảo ở mức hỗ trợ các hoạt động cơ bản cho Nhà trường. Để hoạt động có hiệu quả Nhà trường chủ động khai thác các nguồn thu khác như học phí, và các hoạt động dịch vụ khác. Do yêu cầu về tính tự chủ tài chính ngày càng cao, Nhà trường đã xây dựng các giải pháp chiến lược tạo nguồn vốn và xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ kế toán, báo cáo, quyết toán theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính.

Công tác lập kế hoạch tài chính luôn được liên tục hoàn thiện, phân bổ tài chính minh bạch, khoa học, hợp lý, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động và phát triển của Nhà trường. Các nguồn kinh phí đều được sử dụng hợp lý để phục vụ ngày càng tốt hơn cho công tác giảng dạy – học tập.

- Đối với học sinh hệ Dự bị đại học Dân tộc: chi mua bảo hiểm y tế, cấp phát các khoản học bổng, học phẩm, đồng phục, tàu xe đi phép và các chế độ khác cho học sinh dân tộc theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày

29/5/2009 hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc [H5.10.01.30].

- Đối với cán bộ - viên chức: chi lương, các khoản phụ cấp theo lương, thu nhập tăng thêm, phúc lợi, khen thưởng; chi nghiên cứu khoa học, viết giáo trình; chi hỗ trợ cán bộ – viên chức học tập nâng cao trình độ chuyên môn – nghiệp vụ; chi tàu xe đi phép năm thăm bố, mẹ bệnh nặng nằm viện, ...

- Đối với các hoạt động của Nhà trường: chi cho các hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn Trường và các hoạt động khác của Nhà trường.

Ngoài ra, Trường cũng chú ý đến việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập, làm việc ngày càng cao của cán bộ - viên chức, học sinh – sinh viên nhằm giúp mọi người tiếp cận với công nghệ hiện đại.

Tiêu chí 10.1: Giải pháp tài chính và kế hoạch tự chủ tài chính, tạo nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác

10.1.1 Mô tả

Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, được Bộ giao quyền tự chủ về tài chính, là đơn vị sự nghiệp được Ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên. Ngoài nguồn kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp, hỗ trợ bảo đảm hoạt động thường xuyên thông qua quyết định giao dự toán hàng năm, Nhà trường còn có các khoản thu theo quy định hiện hành, gồm: thu học phí học sinh hệ Cử tuyển, diện 30a, lưu học sinh thực hiện theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 – 2015 và Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động,

Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP. Mức thu học phí không vượt quá quy định, và các khoản thu hợp pháp khác (như thu lệ phí cấp văn bằng, chứng chỉ, cung ứng dịch vụ, thu thanh lý tài sản, thu các khoản ủng hộ, tài trợ, quà tặng của các cá nhân, tổ chức...).

Các nguồn thu hợp pháp này được thể hiện rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H5.10.01.31] và báo cáo tài chính của Trường. Kinh phí từ các nguồn thu được nhập vào tài khoản theo đúng quy định: hệ thống tài khoản Nhà trường áp dụng theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Căn cứ theo dự toán thu chi ngân sách được Nhà nước giao hàng năm, Nhà trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Nguồn ngân sách nhà nước cấp được sử dụng gồm chi thanh toán cá nhân, chi nghiệp vụ chuyên môn, chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, chi thường xuyên khác; chi nghiên cứu khoa học; chi mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất; chi đầu tư xây dựng cơ bản. Nguồn thu sự nghiệp của Trường dùng để chi nghiệp vụ chuyên môn; chi mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị quản lý, thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập; chi cho các hoạt động giảng dạy, học tập; chi khen thưởng; chi phúc lợi; chi cho hoạt động Công đoàn, Đoàn Thanh niên Trường; chi cho các hoạt động khác. Việc phân bổ, sử dụng các nguồn tài chính của Trường được thể hiện theo đúng nguồn và đúng mục lục ngân sách, được thể hiện trong báo cáo quyết toán hàng năm.

Bên cạnh những nguồn tài chính hiện có, Nhà trường luôn có chiến lược khai thác các nguồn tài chính khác nhau để đáp ứng có hiệu quả các hoạt động của Nhà trường và phục vụ đầu tư phát triển.

10.1.2 Những điểm mạnh

Các nguồn tài chính của Nhà trường được khai thác một cách hợp pháp (học phí, lệ phí và ngân sách nhà nước cấp), được sử dụng đúng mục đích, phân bổ theo hạng mục, mục lục ngân sách nhà nước. Nguồn thu từ hoạt động nào được sử dụng theo đúng mục đích của hoạt động đó.

Nguồn thu sự nghiệp của Trường luôn được khai thác tốt trên cơ sở tận dụng những nguồn lực sẵn có. Nguồn thu sự nghiệp của Nhà trường luôn chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng số kinh phí chi thường xuyên (năm 2011 là 91%, năm 2012 là 88%, năm 2013 là 65%). Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để Nhà trường triển khai thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

10.1.3 Tồn tại

Tình hình tài chính của Trường khá ổn định trong nhiều năm, tuy nhiên, hiện nay trong tình hình khó khăn chung của cả nước, đôi khi Trường cũng bị động trong việc chi trả các khoản lương, thu nhập khác cho cán bộ - viên chức do chưa có kinh phí tại thời điểm chi trả.

10.1.4 Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục thực hiện mục tiêu đa dạng các loại hình đào tạo, phát triển nguồn thu.

Tiếp tục sử dụng nguồn tiền để chi tiêu một cách hợp lý, phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể của Nhà trường, không để xảy ra lãng phí.

10.1.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 10.2: Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo đúng quy định.

10.2.1 Mô tả

Kế hoạch tài chính hàng năm đáp ứng yêu cầu công tác phục vụ giảng dạy – học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Nhà trường. Công tác lập kế hoạch tài chính của Nhà trường trong những năm qua luôn được coi trọng. Kế hoạch tài chính năm được lập phù hợp với yêu cầu hoạt động hàng năm của Nhà trường đồng thời phải phù hợp với chiến lược phát triển chung của Nhà trường.

Công tác lập kế hoạch của Trường được thực hiện dựa trên các tiêu chí: Các chỉ tiêu kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo giao trong năm (chỉ tiêu lao động, chỉ tiêu tuyển sinh, chỉ tiêu kinh phí ngân sách cấp), chiến lược phát triển của Nhà trường; nhiệm vụ của Trường trong lĩnh vực được giao và các hoạt động khác...; tình hình thực hiện các chỉ tiêu về tài chính năm trước; khả năng đóng học phí của người học; các chế độ, quy định, định mức tài chính do Nhà nước ban hành.

Kế hoạch tài chính hàng năm được Trường tính toán, cân đối chặt chẽ dựa vào các nhiệm vụ chi trong năm một cách chính xác trong phạm vi dự toán chi ngân sách được giao và chủ động điều chỉnh để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh. Ngoài việc đảm bảo chi đủ các khoản chế độ quy định: Quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí Công đoàn) cho cán bộ - viên chức, chi trả học bổng và trợ cấp cho HS-SV và thực hiện các chế độ chính sách Nhà nước theo quy định, Trường còn cân đối đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhà học, kinh phí nghiên cứu khoa học, kinh phí hoạt động đoàn thể; thực hiện nghiêm túc các quy định về thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả kinh phí từ ngân sách Nhà nước cấp và từ nguồn thu sự nghiệp.

Quyết toán tài chính hàng năm của Trường còn được thông báo công khai trong hội nghị cán bộ - viên chức toàn Trường và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đúng theo quy định.

Công tác quản lý tài chính được chuẩn hóa về hình thức kế toán áp dụng trên máy vi tính với phần mềm chuyên dụng phù hợp cho công tác kế toán, quản lý lương, học phí, đã giúp Nhà trường quản lý tốt công tác tài chính. Hiện nay, Trường đang sử dụng phần mềm Imax trong công tác tài chính. Nguồn tài chính được quản lý theo đúng quy định của Nhà nước. Ngoài ra, Trường còn liên kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển khoản các khoản thu nhập cho cán bộ - viên chức.

Các nguồn tài chính được quản lý tập trung, tình hình thu chi đều được phản ánh vào báo cáo tài chính của Trường được niêm yết theo quy định, công khai, minh bạch trong văn kiện báo cáo cho hội nghị cán bộ - viên chức hàng năm.

Qua các kỳ thẩm tra báo cáo quyết toán 3 năm liên tục gần đây, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận xét là Trường thực hiện tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ sự nghiệp và dự toán thu – chi kinh phí được giao, không vi phạm các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước về sử dụng kinh phí.

10.2.2 Những điểm mạnh

Công tác lập kế hoạch tài chính hàng năm rõ ràng, phù hợp theo yêu cầu thực tế với nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, các hoạt động thường xuyên khác của Trường.

Công tác quản lý tài chính của Trường được công khai, minh bạch qua các kỳ hội nghị cán bộ - viên chức và tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Việc áp dụng tin học hóa trong quản lý tài chính là thế mạnh của Nhà trường.

Hàng năm, Trường đều có thực hiện công tác tự kiểm tra quyết toán nhằm tránh những sai sót trong thu, chi tài chính.

10.2.3 Tồn tại

Kế hoạch tài chính hàng năm được Nhà trường lập theo các tiêu chí phân bổ phù hợp với các yêu cầu và quy mô đào tạo của Nhà trường; tuy nhiên, chưa đánh giá được một cách toàn diện mức độ hài lòng của các đơn vị trong Trường. Những năm gần đây, quy mô học sinh – sinh viên của Nhà trường tăng rất nhanh, các phát sinh về chi phí khá lớn, ít nhiều ảnh hưởng đến kế hoạch chi tiêu chung của Trường.

Kế hoạch quản lý tài chính có rất nhiều cố gắng nhưng các quy định về chế độ quản lý tài chính thay đổi khá thường xuyên nên ảnh hưởng rất nhiều đến công tác này.

Việc tin học hóa công tác kế toán chưa được thực hiện một cách mạnh mẽ.

10.2.4 Kế hoạch hành động

Triển khai, hoàn thiện hệ thống thông tin thống nhất trong toàn Trường có sự liên thông giữa quản lý tài chính và quản lý khác.

Kế hoạch tài chính của Nhà trường cần chú trọng hơn nữa đến việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính đảm bảo khai thác tốt các nguồn thu để góp phần đảm bảo chi thường xuyên và tăng thu nhập cho cán bộ - viên chức.

10.2.5 Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 10.3: Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các đơn vị và các hoạt động.

10.3.1 Mô tả

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo được xác định là một trong những mục tiêu hàng đầu của Nhà trường. Căn cứ kế hoạch tài chính hàng năm, nguồn tài chính của Trường được phân bổ, sử dụng đáp ứng nhu cầu hoạt động. Căn cứ theo quy mô đào tạo, kinh phí thu học phí, và các nguồn thu sự nghiệp khác, nguồn tài chính sẽ được phân bổ chi cho giảng dạy, học bổng, công phục vụ, quản lý phù hợp với nhiệm vụ đào tạo của cá nhân, đơn vị.

Việc phân bổ, sử dụng tài chính được Nhà trường căn cứ vào Nghị định số 43/2006/NĐ-CP để đảm bảo khai thác tốt các nguồn thu để góp phần đảm bảo chi thường xuyên bù đắp tiền lương mới tăng thêm theo quy định của Chính phủ. Việc phân bổ hợp lý đã góp phần nâng cao đời sống cán bộ – viên chức, cơ sở vật chất của Trường, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy – học tập trong Trường, sử dụng nguồn thu để hỗ trợ cho các hoạt động phục vụ giảng dạy, hoạt động phong trào, đoàn thể, bên cạnh đó, tỷ trọng chi tăng cường cơ sở vật chất là khá lớn. Điều này cho thấy Nhà trường chú trọng phân bổ có trọng tâm, hướng chiến lược ưu tiên nâng cao chất lượng giáo dục. Việc sử dụng kinh phí theo đúng quy định và có hiệu quả luôn được Trường thực hiện nghiêm túc. Trường quản lý chi tiêu kinh phí theo các văn bản quy định về chế độ, định mức như:

chế độ công tác phí, chế độ định mức giờ giảng, ... Các chế độ, định mức chi tiêu đều được ghi rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ được thực hiện theo tinh thần dân chủ, công khai, có ý kiến của tổ chức Đảng, các đoàn thể và tất cả các đơn vị, cá nhân; việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ góp phần giúp Nhà trường chủ động trong việc chi tiêu và lấy đó làm căn cứ để kiểm tra, kiểm soát thực hiện kế hoạch chi trong năm. Các khoản chi lớn đều có sự kiểm soát của Kho bạc Nhà nước. Chứng từ kế toán rõ ràng, chính xác, cập nhật kịp thời vào sổ sách. Công tác kiểm kê quỹ hàng tháng, đối chiếu số liệu thu chi trong tháng của tất cả các loại quỹ được thực hiện tốt.

10.3.2 Những điểm mạnh

Việc phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính của Nhà trường đã góp phần nâng cao đời sống cán bộ – viên chức, nâng cấp cơ sở vật chất của Trường; xây dựng thêm được nhiều phòng học, phòng ở ký túc xá đáp ứng nhu cầu học tập, nội trú của học sinh – sinh viên.

Thực hiện chủ trương tự chủ và tự chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính theo tinh thần Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, Nhà trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, quy định các cơ chế, chính sách, định mức thu chi rõ ràng, dễ thực hiện.

10.3.3 Tồn tại

Mặc dù việc phân bổ kinh phí hàng năm đều được tính toán cụ thể cho từng nhiệm vụ căn cứ vào trọng tâm chiến lược ưu tiên hàng năm, nhưng vẫn có những nhiệm vụ không thể thực hiện được do có nhiều nhân tố khách quan như phát sinh thêm một số nhiệm vụ vào thời điểm cuối năm tài chính nên không đủ nguồn tiền hay việc tạm dừng một số chi tiêu của đơn vị để tiết kiệm kinh phí theo Nghị quyết số 11 năm 2011 của Chính phủ, ...

10.3.4 Kế hoạch hành động

Tiếp tục thực hiện lập dự toán thu chi đầu năm nhằm duy trì việc phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính của Nhà trường.

Thường xuyên khai thác tìm nguồn thu hợp pháp để bổ sung nguồn tài chính, góp phần bảo đảm chi thường xuyên và bù đắp tiền lương mới tăng thêm cho CB-VC, góp phần xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị cho Trường và thực hiện chính sách ưu đãi đối với học sinh dân tộc.

Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các hạng mục đầu tư tùy theo nguồn kinh phí có được của Nhà trường.

10.3.5 Tự đánh giá: Đạt.

KẾT LUẬN

Đánh giá về việc thực hiện các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn về tài chính cho thấy tài chính và quản lý tài chính đóng vai trò quan trọng đối với các hoạt động của Nhà trường. Nhà trường đã có nhiều giải pháp tích cực để công tác quản lý tài chính của Nhà trường được chuẩn hóa, bảo đảm đáp ứng cho sự phát triển về mọi mặt của Nhà trường. Do đó, ngoài việc nỗ lực khai thác tài chính, Trường liên tục hoàn thiện công tác lập kế hoạch, phân bổ, sử dụng tài chính một cách khoa học, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường với hiệu quả đầu tư cao nhất, đảm bảo nâng cao thu nhập cho cán bộ - viên chức. Công tác quản lý tài chính ngày càng được thực hiện một cách công khai và minh bạch.

IV. KẾT LUẬN

Công tác tự đánh giá là một phần trong quy trình kiểm định chất lượng và cần thực hiện một cách thường xuyên, nghiêm túc. Đối với Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh, đây là lần đầu tiên Trường triển khai công tác tự đánh giá. Trường đã nghiêm túc tiến hành công tác tự đánh giá theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo đúng kế hoạch đề ra. Báo cáo tự đánh giá cho thấy Trường đạt các tiêu chuẩn/tiêu chí theo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng

giáo dục trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Qua lần đầu tiên trường tự đánh giá một cách tổng thể các hoạt động theo các tiêu chuẩn/tiêu chí dựa trên cách tiếp cận đánh giá dựa vào bằng chứng, Trường có dịp làm quen với văn hóa chất lượng – đánh giá chất lượng đào tạo dựa theo các chuẩn mực và bằng chứng. Trường cũng tự nhận thấy những lợi ích Trường đã đạt được qua công tác tự đánh giá là:

1. Trường có nhận thức đúng hơn về kiểm định chất lượng giáo dục và tự đánh giá.
2. Các cán bộ - viên chức trong Trường hiểu rõ hơn về quyền hạn và trách nhiệm của mình đối với chất lượng đào tạo của Trường.
3. Hội đồng tự đánh giá nắm được quy trình và kỹ thuật tự đánh giá, cách thức xây dựng báo cáo tự đánh giá.

Qua lần tự đánh giá này, Trường lĩnh hội được cách tiếp cận khoa học để duy trì, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường cũng nhận thấy nhu cầu đối với nhân lực cho bộ phận làm công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; bộ phận này gồm những người được đào tạo chuyên môn về đo lường, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và cần phải tham gia các đợt tập huấn về công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Các nhóm chuyên trách cũng nên được tập huấn kỹ về kỹ thuật thu thập thông tin/minh chứng, mã hóa, phân tích minh chứng và đặc biệt là cách viết báo cáo tự đánh giá.